



# **BÁO CÁO TỔNG HỢP CUỘC BÌNH CHỌN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT NĂM 2016**

Những bài học kinh nghiệm  
cho hoạt động xây dựng pháp luật



**Nhóm nghiên cứu**

Đậu Anh Tuấn  
Nguyễn Minh Đức  
Phan Minh Thủy  
Nguyễn Thị Diệu Hồng

**Nhóm hỗ trợ kỹ thuật**

Tạ Thanh Hoa  
Thắng Quang Ngọc  
Nguyễn Thị Hồng Ngọc  
Nguyễn Thị Chung  
Nguyễn Hoàng Tuấn Linh

“

... Chính phủ Việt Nam tập trung mọi nguồn lực, khả năng để xử lý vấn đề thể chế theo thông lệ quốc tế và theo kinh tế thị trường, trong tất cả các lĩnh vực...

”

Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc phát biểu tại Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) ngày 18/01/2017 tại Davos, Thụy Sĩ

# Mục lục

|                                                               |    |
|---------------------------------------------------------------|----|
| Lời nói đầu                                                   | 4  |
| Lời cảm ơn                                                    | 5  |
| Phần 1 – Tổng quan về cuộc bình chọn và kết quả thu được      | 7  |
| 1. Mục đích của cuộc bình chọn                                | 8  |
| 2. Đối tượng bình chọn và tiêu chí đánh giá                   | 10 |
| 3. Hội đồng chuyên gia                                        | 13 |
| 4. Các bước tiến hành và kết quả thu được                     | 15 |
| Phần 2 – Những phát hiện và bài học rút ra từ cuộc bình chọn  | 23 |
| 1. Sự cần thiết của quy định                                  | 24 |
| 2. Tính hợp lý của quy định                                   | 27 |
| 3. Tính thống nhất của quy định                               | 31 |
| 4. Tính khả thi của quy định                                  | 34 |
| 5. Tính minh bạch của quy định                                | 36 |
| 6. Chi phí tuân thủ                                           | 39 |
| 7. Quyền tự do kinh doanh                                     | 42 |
| 8. Thúc đẩy cạnh tranh                                        | 45 |
| 9. Kiểm soát nguy cơ những nhiễu                              | 48 |
| 10. Thời điểm ban hành/có hiệu lực                            | 51 |
| Phần 3 - Kiến nghị                                            | 53 |
| 1. Đối thoại chính sách giữa doanh nghiệp và cơ quan nhà nước | 55 |
| 2. Đăng tải các thông tin trong quá trình xây dựng pháp luật  | 56 |
| 3. Tham vấn các đối tượng chịu tác động                       | 57 |
| 4. Tham vấn chuyên gia                                        | 58 |
| 5. Sự tham gia của cán bộ pháp chế                            | 59 |
| Các quy định được đề cử tốt                                   | 62 |
| Các quy định được đề cử kém                                   | 73 |

# Danh mục từ viết tắt

|      |                                                                              |
|------|------------------------------------------------------------------------------|
| BHYT | Bảo hiểm y tế                                                                |
| CPC  | Mã ngành/ phân ngành dịch vụ (Central Product Classification)                |
| HĐND | Hội đồng Nhân dân                                                            |
| M&A  | Hợp nhất và sáp nhập (Mergers and Acquisitions)                              |
| RIA  | Đánh giá dự báo tác động pháp luật (Regulatory Impact Assessment)            |
| SPS  | Các biện pháp Kiểm dịch động thực vật (Sanitary and Phytosanitary measures)  |
| TBT  | Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (Technical Barriers to Trade)           |
| TNHH | Trách nhiệm hữu hạn                                                          |
| UBND | Ủy ban Nhân dân                                                              |
| VCCI | Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam                                     |
| VSIC | Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (Vietnam Standard Industrial Classification) |
| WTO  | Tổ chức Thương mại Thế giới (World Trade Organization)                       |



# Lời nói đầu

Bạn đang cầm trên tay cuốn **Báo cáo tổng hợp Cuộc bình chọn các quy định pháp luật năm 2016: Những bài học kinh nghiệm cho hoạt động xây dựng pháp luật** do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Dự án Hỗ trợ tái cơ cấu nâng cao năng lực cạnh tranh Việt Nam (RCV) thực hiện.

Cuộc bình chọn là một trong những nỗ lực đóng góp cho công cuộc hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh mà Đảng và Nhà nước phát động. VCCI tổ chức cuộc bình chọn này nhằm thực hiện nhiệm vụ *“tập hợp, phản ánh ý kiến, nguyện vọng của đội ngũ doanh nhân; tham mưu cho Đảng, Nhà nước về các chính sách kinh tế - xã hội”* đã được Bộ Chính trị giao trong Nghị quyết 09-NQ/TW cũng như các giải pháp được Chính phủ đề ra trong Nghị quyết 19/NQ-CP, Nghị quyết 35/NQ-CP.

Trong nhiều năm qua, với chức năng đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp, VCCI đã rất nỗ lực trong việc kiến nghị ban hành hoặc sửa đổi nhiều chính sách và pháp luật trong lĩnh vực kinh tế. Chúng tôi nhận thức sâu sắc rằng thể chế kinh tế có yếu tố then chốt trong việc phát triển của đất nước và mang lại sự thịnh vượng cho toàn thể người dân Việt Nam.

Đây là lần đầu tiên hoạt động này được thực hiện nên còn nhiều điều chưa hoàn toàn được như mong đợi của các doanh nghiệp và ngay cả Nhóm nghiên cứu. Điều quan trọng nhất là cuộc bình chọn đã thể hiện trung thực sự ủng hộ của các doanh nghiệp đối với các cơ quan Nhà nước trong việc ban hành những chính sách ủng hộ hoạt động kinh doanh, thúc đẩy sự phát triển kinh tế cũng như kỳ vọng vào sự thay đổi những quy định pháp luật hiện đang tạo ra khó khăn và rào cản đối với doanh nghiệp. Chúng tôi tin rằng nỗ lực bước đầu này sẽ nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của các doanh nghiệp và các cơ quan Nhà nước, cuộc bình chọn sẽ tiếp tục được triển khai bài bản hơn trong giai đoạn tới.

Chúng tôi thực sự mong muốn báo cáo này sẽ là tài liệu hữu ích cho các cơ quan nhà nước, các cán bộ hoạch định chính sách, pháp luật để hiểu hơn về những đánh giá và nguyện vọng của doanh nghiệp và người dân về một hệ thống chính sách, pháp luật về kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, thúc đẩy sáng tạo và cạnh tranh lành mạnh.

Điều cuối cùng, mọi bình luận trong Báo cáo này là của Nhóm nghiên cứu, và không nhất thiết là quan điểm chính thức của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hay của các cơ quan hỗ trợ thực hiện.



## Lời cảm ơn

Cuộc bình chọn các quy định pháp luật được thực hiện dưới sự chỉ đạo và ủng hộ của Tiến sỹ Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch VCCI và sự hỗ trợ, đóng góp rất quan trọng của Tiến sỹ Nguyễn Đình Cung, Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM), Giám đốc Dự án RCV.

Nhân dịp này, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng tới Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia (DFAT) và Dự án Hỗ trợ tái cơ cấu nâng cao năng lực cạnh tranh Việt Nam (RCV) đã hỗ trợ và đồng hành với chúng tôi trong thực hiện Báo cáo này.

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đến các cơ quan nhà nước, các bộ, ngành đã gửi ý kiến góp ý cho Cuộc bình chọn cũng như cung cấp thông tin để giúp hiểu rõ hơn về các quy định, chính sách nhằm có được đánh giá đầy đủ hơn.

Chúng tôi xin cảm ơn sự tham gia nhiệt tình và các ý kiến sâu sắc của các thành viên Hội đồng chuyên gia trong xây dựng tiêu chí đánh giá các quy định pháp luật và lựa chọn các quy định tốt và kém từ các đề cử gửi về. Cảm ơn Tiến sỹ Nguyễn Thị Thu Trang, Phó Trưởng Ban Pháp chế VCCI vì những góp ý, bình luận quý báu cho Báo cáo này.

VCCI xin gửi lời cảm ơn đến các nhà báo, phóng viên đã thường xuyên đưa tin, cập nhật tiến trình và làm tăng sức lan tỏa của Cuộc bình chọn này.

Và cuối cùng, quan trọng nhất, VCCI trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các hiệp hội doanh nghiệp, các doanh nghiệp và doanh nhân đã theo dõi và tham gia Cuộc bình chọn này.



# 1

## Tổng quan về cuộc bình chọn và kết quả thu được

|                                             |    |
|---------------------------------------------|----|
| 1. Mục đích của cuộc bình chọn              | 8  |
| 2. Đối tượng bình chọn và tiêu chí đánh giá | 10 |
| 3. Hội đồng chuyên gia                      | 13 |
| 4. Các bước tiến hành và kết quả thu được   | 15 |





## 1. MỤC ĐÍCH CỦA CUỘC BÌNH CHỌN

Trong bối cảnh nền kinh tế tiếp tục được chuyển đổi, hệ thống quản lý nhà nước đang được đổi mới theo hướng hội nhập, công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ngày càng trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của Nhà nước. Các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp, nếu có nội dung phù hợp, sẽ là tiền đề cho sự phát triển của hoạt động kinh doanh và nền kinh tế. Các quy định pháp luật về kinh doanh này chính là đối tượng của Cuộc bình chọn các quy định pháp luật. Cụ thể, Cuộc bình chọn hướng tới việc lựa chọn ra các quy định pháp luật về kinh doanh tốt nhất và kém nhất theo đánh giá của các doanh nghiệp, hiệp hội và hội đồng chuyên gia.

Với nội dung như vậy, Cuộc bình chọn hướng đến các mục tiêu sau:

- *Thứ nhất*, phát hiện các quy định pháp luật tốt, qua đó cổ vũ, biểu dương các cơ quan đã soạn thảo những văn bản tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, cho người dân trong việc được trao quyền và tiếp cận các cơ hội về đầu tư, việc làm, thu nhập, tham gia các ngành nghề kinh doanh.
- *Thứ hai*, nhận diện các quy định của pháp luật mà các doanh nghiệp đánh giá là phiền hà, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và cạnh tranh, từ đó đánh động với các cơ quan soạn thảo liên quan và gợi ý các giải pháp cải thiện, điều chỉnh cho các cơ quan này.
- *Thứ ba*, thông qua việc bình chọn các quy định tốt nhất và kém nhất (i) khuyến cáo các bộ, ngành thận trọng hơn trong việc thiết kế, xây dựng các quy định pháp luật và (ii) thúc đẩy việc sử dụng rộng rãi các tiêu chí đánh giá chất lượng văn bản pháp luật trong các cơ quan soạn thảo, ban hành cũng như cộng đồng.
- *Thứ tư*, tạo cơ hội và thúc đẩy các doanh nghiệp, các hiệp hội doanh nghiệp cũng như cộng đồng nhận thức đầy đủ hơn và tham gia sâu hơn vào quá trình xây dựng, sửa đổi các quy định pháp luật và lên tiếng về chất lượng các quy định pháp luật liên quan tới hoạt động kinh doanh.

### CON LỢN VÀNG

Người dân Canada cũng có một giải thưởng dành cho Chính phủ nước mình, tạm gọi là giải "Con lợn vàng". Giải thưởng này trao cho các chính sách gây lãng phí tiền thuế của người dân nhất.

Giải thưởng này đã được thực hiện liên tục trong 18 năm qua, nhưng chưa bao giờ có một quan chức nào đến nhận giải.<sup>1</sup>

### ĐẠO LUẬT TỐT NHẤT VÀ ĐẠO LUẬT TỐI NHẤT

Hiệp hội doanh nghiệp Ngành dịch vụ Estonia (Estonian Service Industry Association) cũng tổ chức trao giải thưởng niên dành cho các đạo luật tốt nhất và tồi nhất đối với lợi ích công cộng tại quốc gia này.

Năm 2015, giải đạo luật tốt nhất được trao cho những sửa đổi trong Đạo luật Công dân (Citizenship Act) và tồi nhất là Đạo luật sửa đổi tăng thuế.<sup>2</sup>

### QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG TỐI NHẤT

Hãng luật Bullard, chuyên về luật lao động tại Hoa Kỳ cũng thường công bố giải Quy định pháp luật lao động tồi nhất năm (Bullard Edge Awards).<sup>3</sup>

### CƠ QUAN KÉM MINH BẠCH NHẤT

Viện Lưu trữ An ninh Quốc gia (National Security Archive), một viện nghiên cứu độc lập ở Hoa Kỳ mỗi năm đều công bố Giải thưởng Rosemary dành cho cơ quan nhà nước kém minh bạch nhất trong năm. Giải thưởng này được đặt tên theo bà Rose Mary Woods, thư ký của Tổng thống Mỹ Richard Nixon, người đã từng xóa 18,5 phút trong một đoạn băng ghi âm có liên quan đến vụ bê bối Watergate.<sup>4</sup>

<sup>1</sup> <http://news.nationalpost.com/news/canada/canadian-politics/from-a-p-e-i-guide-to-bombardier-taxpayers-group-reveals-winners-of-its-government-waste-awards>

<sup>2</sup> <http://news.postimees.ee/3592539/best-and-worst-law-of-2015-announced>

<sup>3</sup> <http://bullardlaw.com/news/blog/bea-nominees-announced-for-worst-employment-law-of-the-year/>

<sup>4</sup> <http://nsarchive.gwu.edu/news/20120214/>



## 2. ĐỐI TƯỢNG BÌNH CHỌN VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

### Đối tượng bình chọn

Đối tượng được bình chọn là các quy định pháp luật liên quan đến doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh được thể hiện dưới hình thức một điều, khoản hoặc điểm trong hệ thống các quy định pháp luật về hoạt động kinh doanh. Đối tượng bình chọn bao gồm cả việc bãi bỏ một quy định cũ đã tồn tại trước đó. Đối tượng bình chọn không bao gồm các quy định được thể hiện trong các văn bản chỉ đạo điều hành văn bản cá biệt.

Do đây là lần đầu tiên thực hiện Cuộc bình chọn nên phạm vi các quy định pháp luật được đánh giá chỉ dừng lại ở các quy định trong các văn bản pháp luật cấp Trung ương và được ban hành trong khoảng thời gian 05 năm, từ 2011 đến 2015. Đối với trường hợp bãi bỏ quy định đã tồn tại trước đó thì văn bản bãi bỏ phải được ban hành trong khoảng thời gian trên.

Theo thể lệ ban đầu, đề cử chỉ bao gồm các quy định **đang** có hiệu lực, tức là không bao gồm các quy định đã hết hiệu lực hoặc chưa có hiệu lực. Tuy nhiên, trong năm 2015, Nhà nước đã ban hành rất nhiều văn bản quan trọng, có nhiều quy định tiến bộ đáng chú ý được nhiều người đề cử, do đó VCCI và Hội đồng chuyên gia đã quyết định sẽ đánh giá thêm cả những quy định đã được ban hành và có hiệu lực sau ngày 31/12/2015.

### Tiêu chí đánh giá

Việc bình chọn các quy định tốt và kém được thực hiện trên cơ sở một Bộ tiêu chí thống nhất do VCCI và Hội đồng chuyên gia xây dựng trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 của Việt Nam, tham khảo thêm các tiêu chuẩn của World Bank<sup>5</sup>, OECD-APEC<sup>6</sup>, tiêu chuẩn của Chính phủ Australia<sup>7,8</sup> và kinh nghiệm tham gia xây dựng pháp luật của VCCI.

Các tiêu chí đánh giá bao gồm: (1) Sự cần thiết của quy định; (2) Tính hợp lý của quy định; (3) Tính thống nhất của quy định; (4) Tính khả thi của quy định; (5) Tính minh bạch của quy định; (6) Chi phí tuân thủ; (7) Quyền tự do kinh doanh; (8) Thúc đẩy cạnh tranh; (9) Kiểm soát nguy cơ những nhiễu; (10) Thời điểm ban hành, có hiệu lực.

Các tiêu chí này được sử dụng xuyên suốt toàn bộ Cuộc bình chọn. Ngay từ giai đoạn đầu tiên, khi gửi đề cử cho Ban Tổ chức, ngoài phần nội dung thì người đề cử phải phân tích các lý do vì sao quy định đó lại tốt hoặc kém dựa trên các tiêu chí này. Trong giai đoạn lựa chọn, các tiêu chí này cũng được Hội đồng chuyên gia sử dụng để phân tích và đánh giá từng quy định. Công văn phản hồi của các bộ, ngành cũng chủ yếu dựa trên 10 tiêu chí của cuộc bình chọn. Cuối cùng, báo cáo này đưa ra các bài học lập pháp cũng dựa trên Bộ tiêu chí này.

<sup>5</sup> Regulatory Quality Indicators: Better Regulation for Growth, Government frameworks and tools for effective regulatory reform, Investment Climate Advisory Services of the World Bank Group.

<sup>6</sup> APEC-OECD Integrated checklist on regulatory reform: A policy instrument for regulatory quality, competition policy and market openness,

<sup>7</sup> Best Practice Regulation Report, Office of Best Practice Regulation - Deregulation Group - Department of Finance and Deregulation, 2009

<sup>8</sup> Best practice regulation: A guide for ministerial councils and national standard setting bodies, October 2007, Council of Australian governments

### 1. SỰ CẦN THIẾT

Một quy định là cần thiết nếu quy định đó nhằm giải quyết một vấn đề về thể chế, quản lý kinh tế, đáp ứng nhu cầu cấp bách của doanh nghiệp, Nhà nước và xã hội mà tất cả các biện pháp ngoài pháp luật đều không thể giải quyết được với mức hiệu quả tương tự. Nếu mỗi quy định pháp luật đều cần thiết thì hệ thống pháp luật sẽ hiệu quả, gọn nhẹ và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của nền kinh tế và doanh nghiệp.

### 2. TÍNH HỢP LÝ

Tính hợp lý được thể hiện thông qua việc các quy định được đưa ra dựa trên cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn rõ ràng mà không chỉ dựa trên suy luận cảm tính của nhà làm luật, là giải pháp tốt nhất có thể cho vấn đề đặt ra.

### 3. TÍNH THỐNG NHẤT

Tính thống nhất được thể hiện thông qua việc quy định không chồng chéo, mâu thuẫn với các quy định trong cùng một văn bản, không mâu thuẫn với các quy định trong các văn bản pháp luật khác, đặc biệt là các quy định ở cấp văn bản cao hơn. Điều này không chỉ tạo ra sự nhất quán về mặt pháp luật, mà tại thuận lợi hơn cho cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân trong quá trình thực hiện.

### 4. TÍNH KHẢ THI

Tính khả thi của một quy định được xác định dựa trên khả năng quy định đó có thể được tổ chức thi hành đầy đủ trên thực tế và được tuân thủ nghiêm túc bởi các đối tượng liên quan. Một quy định là khả thi nếu tất cả các điều kiện về nguồn lực thực hiện, khả năng kiểm soát các vi phạm, quy trình thực tiễn triển khai đã được tính đến và có thể thực hiện được.

### 5. TÍNH MINH BẠCH

Quy định minh bạch là quy định đơn giản, dễ hiểu, không bị hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau, có thể áp dụng được ngay và hạn chế tối đa việc phải diễn giải thông qua các văn bản hướng dẫn hoặc người thực thi. Quy định minh bạch giúp cho quá trình thực hiện trở nên dễ dàng, nhanh chóng và ít rủi ro.



### 6. CHI PHÍ TUÂN THỦ

Chi phí tuân thủ là tổng các chi phí về tiền bạc, thời gian, công sức, cơ hội và cả những rủi ro mà tất cả các đối tượng chịu tác động gồm doanh nghiệp và người dân phải bỏ ra để tuân thủ quy định. Một quy định pháp luật tốt là quy định mà chi phí tuân thủ của doanh nghiệp và người dân là thấp nhất có thể.



### 7. QUYỀN TỰ DO KINH DOANH

Quyền tự do kinh doanh bao gồm quyền ra các quyết định đầu tư, lựa chọn ngành nghề, địa bàn, quy mô, hình thức kinh doanh, tự do hợp đồng, lựa chọn đối tác, tự chủ điều hành nội bộ, thuê mướn lao động... Quy định tốt là quy định không hạn chế các quyền trên hoặc chỉ hạn chế “trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng”.



### 8. THÚC ĐẨY CẠNH TRANH

Quy định pháp luật về kinh doanh nên thúc đẩy cạnh tranh hoặc ít nhất không làm giảm tính cạnh tranh trên thị trường, tạo cơ hội cho độc quyền hoặc thống lĩnh, hoặc phân biệt đối xử một cách vô lý giữa các đối thủ cạnh tranh. Các quy định tốt là những quy định không làm giảm cơ hội lựa chọn của khách hàng, không tăng giá và làm giảm hiệu quả, năng suất chung của nền kinh tế.



### 9. KIỂM SOÁT NGUY CƠ NHỮNG NHIỀU

Quy định cần được xây dựng theo hướng hạn chế tối đa nguy cơ nảy sinh tham nhũng, tiêu cực trong quá trình thực thi. Điều này được thể hiện qua việc phân định rõ ràng về thẩm quyền, xác định rõ quyền và nghĩa vụ, trình tự thủ tục, tiên liệu trước và lấp đầy các kẽ hở có thể bị người thực thi lợi dụng để mưu lợi cá nhân.



### 10. THỜI ĐIỂM BAN HÀNH/ CÓ HIỆU LỰC

Thời điểm ban hành/có hiệu lực cũng là một yếu tố quan trọng giúp đánh giá các quy định pháp luật. Các quy định pháp luật cần được ban hành kịp thời nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, đặc biệt là các văn bản quy định chi tiết văn bản cấp trên, bên cạnh đó cũng cần có thời gian để các đối tượng tác động chuẩn bị thi hành và không gây mất ổn định cho môi trường kinh doanh.

### 3. HỘI ĐỒNG CHUYÊN GIA

Một Hội đồng chuyên gia được thành lập nhằm hỗ trợ, định hướng về chuyên môn và đưa ra quyết định trong Cuộc bình chọn. Hội đồng này gồm 16 thành viên là các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng thể chế kinh tế, pháp luật về thương mại, và đại diện một số doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp do VCCI mời.

Hội đồng chuyên gia thực hiện việc (i) đóng góp ý kiến để xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá quy định pháp luật; (ii) phân tích, đánh giá và lựa chọn Danh sách ngắn các quy định tốt nhất và kém nhất trên cơ sở Danh sách tổng hợp các đề cử. Hội đồng chuyên gia làm việc thông qua tranh luận tại cuộc họp và phiếu đánh giá quy định được gửi qua thư điện tử cho VCCI.



Ông Nguyễn Phương Bắc  
Viện trưởng, Viện phát triển  
kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh



Ông Lê Duy Bình  
Giám đốc, Công ty Economica  
Việt Nam



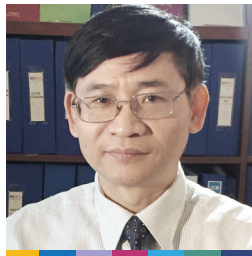
Ông Nguyễn Đình Cung  
Viện trưởng, Viện nghiên cứu  
quản lý kinh tế Trung ương



Ông Lê Đăng Doanh  
Chuyên gia kinh tế cao cấp



Bà Đặng Phương Dung  
Chuyên gia độc lập,  
Nguyên Tổng Thư ký Hiệp hội  
Dệt may Việt Nam



Ông Trương Thanh Đức  
Chủ tịch Hội đồng thành viên  
Công ty Luật BASICO



Ông Lê Xuân Hiến  
Trưởng phòng Đăng ký kinh  
doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư  
tỉnh Hải Dương



Ông Phan Đức Hiếu  
Phó Viện trưởng, Viện nghiên  
cứu quản lý kinh tế Trung ương



Ông Trần Hữu Huỳnh  
Chủ tịch, Trung tâm Trọng tài  
Quốc tế Việt Nam



Ông Nguyễn Đức Lam  
Trưởng phòng, Trung tâm  
Bồi dưỡng đại biểu dân cử,  
Văn phòng Quốc hội



Bà Phạm Chi Lan  
Chuyên gia kinh tế cao cấp



Bà Đinh Thị Mỹ Loan  
Chủ tịch Hiệp hội Các nhà  
bán lẻ Việt Nam



Bà Võ Thị Lan Phương  
Giám đốc điều hành, Văn Phòng  
Đại diện Vriens & Partners Pte.  
Ltd. tại Hà Nội



Ông Nguyễn Hưng Quang  
Giám đốc, Văn phòng luật sư  
NHQuang và Cộng sự



Ông Lê Hồng Sơn  
Nguyên Cục trưởng, Cục Kiểm  
tra văn bản quy phạm pháp  
luật - Bộ Tư pháp



Bà Vũ Đặng Hải Yến  
Nguyên Trưởng Ban Pháp chế,  
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh  
doanh vốn Nhà nước



## 4. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH VÀ KẾT QUẢ THU ĐƯỢC

### Khởi động và tiếp nhận đề cử

Hội thảo khởi động Cuộc bình chọn các quy định pháp luật được tổ chức tại Hà Nội ngày 22/12/2015 với sự tham gia của đông đảo của đại diện các Bộ, các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, chuyên gia và báo chí.

Sau cuộc hội thảo, VCCI cùng với Hội đồng chuyên gia đã hoàn thiện Thể lệ bình chọn và Tiêu chí, đăng công khai trên website chính thức của Cuộc bình chọn tại địa chỉ <http://topten.vibonline.com.vn> và gửi thư mời đề cử rộng rãi cho các bộ, ngành, các hiệp hội doanh nghiệp và doanh nghiệp. VCCI cũng đã mở một Fan Page của Cuộc bình chọn trên Facebook tại địa chỉ <https://facebook.com/binhchonquydingh> để kết nối mạnh mẽ hơn với người tham gia.

Thông qua website, điện thoại, thư điện tử và thư bưu chính, VCCI đã nhận được tổng cộng **9.297 đề cử** các quy định từ **1.739 cá nhân và tổ chức** (trung bình mỗi phiếu đề cử 5,34 quy định), trong đó có 7.600 đề cử gửi qua email, 1.549 đề cử gửi qua website của cuộc bình chọn, 123 đề cử gửi qua văn bản, 25 đề cử qua điện thoại và gặp trực tiếp.

Khi phân loại các đề cử theo người gửi, các đề cử quy định tốt thường đến từ các cơ quan nhà nước hoặc cá nhân làm việc cho các cơ quan nhà nước. Ngược lại, nhiều quy định kém được đề cử bởi các doanh nghiệp hoặc cá nhân làm việc trong các doanh nghiệp. Riêng nhóm các hiệp hội doanh nghiệp thì có số lượng đề cử tốt và kém tương đương nhau.

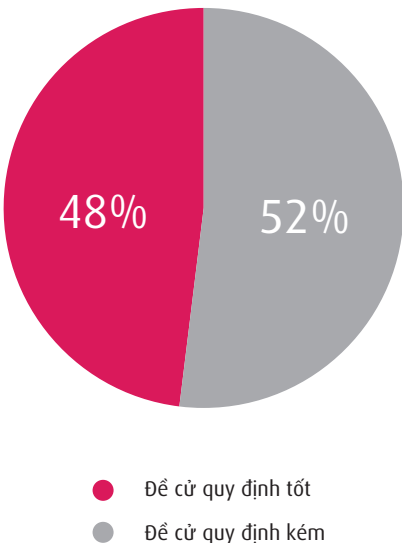
Lập Danh sách đề cử

Số được đề cử này sau đó được Ban Tổ chức sàng lọc để xác định Danh sách các quy định được đề cử (Danh sách đề cử) theo 3 tiêu chí:

- Các đề cử về cùng một quy định thì chỉ tính là một đề cử. Có hiện tượng hàng ngàn phiếu đề cử có nội dung giống nhau cho một vài quy định tốt của cùng một Bộ;
- Các đề cử về các quy định không nằm trong các văn bản quy phạm pháp luật (quy định trong các văn bản ra quyết định cá biệt, hoặc văn bản chỉ đạo điều hành) sẽ được loại bỏ. Ví dụ, rất nhiều đề cử gửi về đánh giá cao Nghị quyết 19/NQ-CP năm 2014 và 2015 của Chính phủ, tuy nhiên, đây là văn bản chỉ đạo điều hành nên không được đưa vào Danh sách đề cử;
- Các đề cử về các quy định được ban hành nằm ngoài giai đoạn từ 01/01/2011 đến 31/12/2015 hoặc quy định đã hết hiệu lực sẽ được loại bỏ. Các quy định đang có hoặc chưa có hiệu lực được giữ lại.

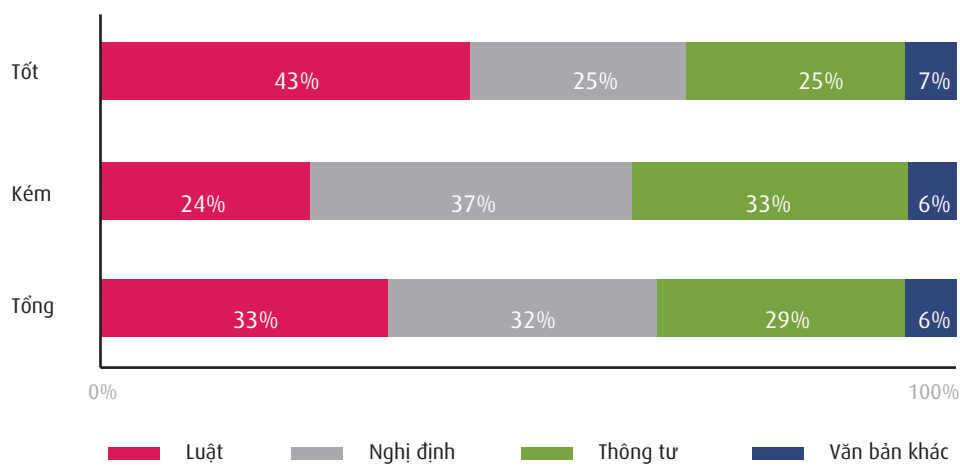
Sau khi sàng lọc, kết quả có tổng cộng **114 đề cử quy định tốt** và **123 đề cử quy định kém**. Như vậy, số lượng đề cử giữa hai loại quy định tốt và kém là tương đối cân bằng.

Hình 1: Tỷ lệ của quy định tốt và quy định kém trên tổng số các đề cử



Trong tổng số 237 quy định được đề cử thì có 79 quy định nằm ở cấp luật (chiếm 33%), 75 quy định nằm trong các nghị định (chiếm 32%) và 69 quy định nằm ở cấp thông tư (chiếm 29%), còn lại ở các văn bản khác (chiếm 6%). Tuy nhiên, khi phân loại theo đề cử tốt và kém thì thấy sự chênh lệch rõ rệt giữa các nhóm này. Có đến 43% đề cử quy định tốt nằm ở cấp luật, trong khi tỷ lệ này ở các đề cử quy định kém chỉ là 24%. Ngược lại, ở cấp nghị định và thông tư thì có tỷ lệ quy định được đề cử kém cao hơn, lên đến 70% so với mức 50% quy định được đề cử tốt. Điều này cho thấy, theo cảm nhận chung của cộng đồng, chất lượng văn bản pháp luật ở cấp nghị định và thông tư có xu hướng kém hơn so với văn bản ở cấp luật. Quan sát này có thể là một minh chứng cho nhận định "quy trình quyết định chất lượng" trong việc làm luật.

Hình 2: Tỷ lệ của đề cử quy định tốt và quy định kém theo loại văn bản



Các cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản có quy định được đề cử bao gồm: Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học Công nghệ, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

VCCI cũng đã tiến hành phân loại các quy định theo nội dung như các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính, các quy định có liên quan đến điều kiện kinh doanh và đưa ra được một số thống kê ban đầu như sau:

**Liên quan đến thủ tục hành chính:**

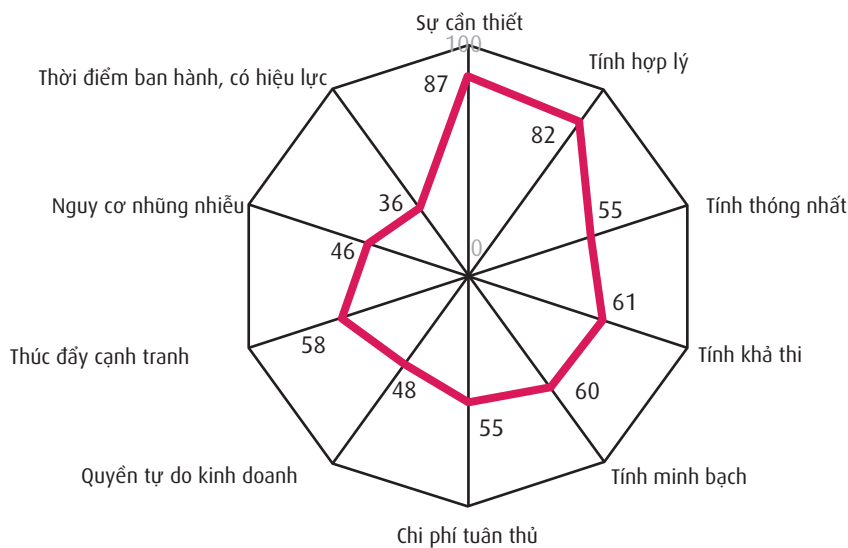
- Số đề cử quy định kém: 41 quy định (chiếm 34% toàn bộ các quy định kém được đề cử)
- Số đề cử quy định tốt: 38 quy định (chiếm 33% toàn bộ các quy định tốt được đề cử)

**Liên quan đến điều kiện kinh doanh:**

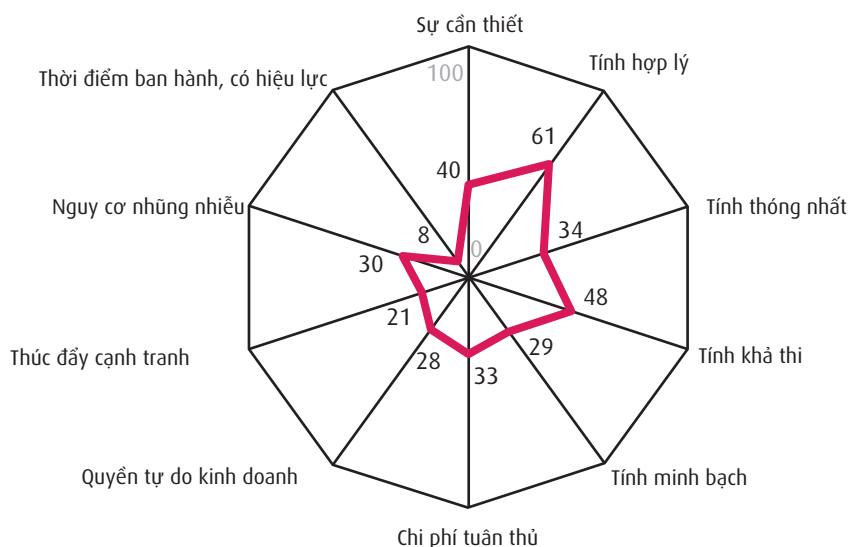
- Số đề cử quy định kém: 24 quy định (chiếm 20% toàn bộ các quy định kém được đề cử)
- Số đề cử quy định tốt: 14 quy định (chiếm 12% toàn bộ quy định tốt được đề cử)

Về lý do đề cử, mỗi quy định có thể được đề cử với nhiều lý do trong tổng số 10 tiêu chí bình chọn. Thống kê các lý do đề cử được thể hiện theo hai đồ thị dưới đây.

**Hình 3. Lý do của các đề cử quy định tốt**



Hình 4. Lý do của các đề cử quy định kém



So sánh về lý do đề cử giữa các quy định tốt và quy định kém có thể dẫn đến một số gợi ý cho quá trình xây dựng pháp luật.

*Sự cần thiết* được coi là lý do đề cử nhiều nhất đối với các quy định tốt nhưng lại không phải là vấn đề lớn đối với nhóm quy định kém. Bên cạnh đó, lý do về *tính hợp lý* lại được cộng đồng quan tâm nhiều ở cả các quy định tốt và quy định kém. Điều này cho thấy, việc xác định mục tiêu chính sách của các đơn vị soạn thảo tương đối tốt, nhưng quá trình đưa ra giải pháp bằng các quy định pháp luật và đánh giá tác động của quy định đó chưa được như kỳ vọng. *Quan sát này cũng đặt ra một gợi ý cho quy trình xây dựng pháp luật rằng khâu đánh giá dự báo tác động của pháp luật (RIA) cần được quan tâm chú ý nhiều hơn.*

*Tính thống nhất* và *thời điểm ban hành, có hiệu lực* là những tiêu chí ít được đưa ra làm lý do đề cử. Điều này cũng là dễ hiểu do đây vốn là những vấn đề chủ yếu mang tính pháp lý, đòi hỏi kiến thức về hệ thống pháp luật và nguồn thông tin đầy đủ về quy trình xây dựng quy định thì mới có thể đánh giá được. Đây cũng là gợi ý cho các doanh nghiệp và hiệp hội doanh nghiệp khi tham gia vào quá trình xây dựng pháp luật cần có đội ngũ luật sư tư vấn nhằm có thể đánh giá các quy định một cách toàn diện hơn và có được nhiều lập luận tốt hơn khi góp ý chính sách.

*Tính khả thi* là một trong những tiêu chí được cộng đồng quan tâm ở cả nhóm quy định tốt và kém. Rõ ràng, các doanh nghiệp là đối tượng hiểu rõ nhất về việc thực thi một quy định trên thực tế và có thể đánh giá rất tốt vấn đề này. Kết luận này có thể dẫn đến một khuyến nghị tốt cho các đơn vị soạn thảo pháp luật là khi chưa chắc chắn về khả năng thực thi một quy định thì đối tượng tham vấn tốt nhất chính là các doanh nghiệp chịu sự tác động của quy định đó.

Một quan sát nữa đáng chú ý là tiêu chí *kiểm soát nguy cơ những nhiễu*. Tiêu chí này được coi là lý do của nhiều quy định kém nhưng lại không được chú ý ở các quy định tốt. Rõ ràng, nguy cơ những nhiễu tiềm ẩn ngay trong các quy định pháp luật là một thực trạng mà cộng đồng doanh nghiệp quan tâm. Việc không thiết kế những cơ chế giảm nguy cơ những nhiễu ngay từ khi làm luật đã làm giảm chất lượng hệ thống pháp luật của Việt Nam trong con mắt cộng đồng kinh doanh.

### Đánh giá đề cử và lựa chọn Danh sách ngắn

Danh sách đề cử gồm 114 quy định tốt và 123 quy định kém này đã được chuyển cho Hội đồng chuyên gia để nghiên cứu đánh giá. Nhóm nghiên cứu đã sử dụng hệ thống các chỉ tiêu đã được xây dựng để chấm điểm và đánh giá sơ bộ các quy định. Hội đồng chuyên gia đã họp toàn thể ngày 01/4/2016 để thảo luận cụ thể hơn về các quy định này, từ các thông tin đề cử phân tích thêm các lý do tốt và kém của từng quy định. Sau cuộc họp, Nhóm nghiên cứu đã tiến hành hoàn thiện Danh sách đề cử rồi gửi lại cho Hội đồng chuyên gia để lựa chọn Danh sách ngắn. Mỗi chuyên gia có một phiếu đánh giá quy định, mỗi phiếu sẽ lựa chọn tối đa 30 quy định trong danh sách tốt và 30 quy định trong danh sách kém. Danh sách ngắn bao gồm các quy định được nhiều chuyên gia lựa chọn nhất.

Vì danh sách đề cử, nhất là danh sách đề cử các quy định kém mới thể hiện đánh giá, quan điểm của doanh nghiệp và người thực thi, để thông tin được toàn diện, Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi và tham vấn các cơ quan chủ trì soạn thảo. Danh sách ngắn các quy định tốt và kém này được tách riêng và gửi cho 17 cơ quan chịu trách nhiệm chủ trì soạn thảo để lấy thêm thông tin, gồm có: Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Ban Tổ chức đã nhận được 12 công văn phản hồi, đó là của Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam. Trong năm cơ quan không có công văn phúc đáp thì có ba cơ quan không có đề cử quy định kém là Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Xây dựng và Bộ Y tế; hai cơ quan còn lại không có công văn phúc đáp là Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trên cơ sở các thông tin từ văn bản phản hồi của các bộ, ngành, Nhóm nghiên cứu đã cân nhắc thận trọng và tiến hành điều chỉnh, bổ sung các phân tích, nội dung cần thiết xác đáng trong phần lý do đề cử của các quy định liên quan. Tuy nhiên, danh sách 30 quy định tốt nhất và 30 quy định kém nhất mà Hội đồng chuyên gia đã lựa chọn thì không thay đổi. Nói cách khác, phản hồi của các Bộ chỉ giúp cộng đồng hiểu thêm về quy định, về quan điểm, thông tin từ cơ quan soạn thảo, cơ quan quản lý nhà nước, không phải là căn cứ để đưa quy định vào hay loại ra khỏi Danh sách ngắn. Danh sách ngắn cùng với lý do đề cử được thể hiện trong phần cuối của báo cáo này.

Một trong những mục tiêu của báo cáo này là công bố Danh sách ngắn các quy định tốt và kém đã được cộng đồng doanh nghiệp đề cử và Hội đồng chuyên gia đã cân nhắc lựa chọn, người đọc biết rõ lý do, sự cần thiết có sự tồn tại của các văn bản theo thông tin mà cơ quan nhà nước cung cấp.

Sau giai đoạn này, VCCI sẽ tiếp tục theo dõi quá trình điều chỉnh, sửa đổi các quy định đã được đề cử kém tại các bộ, ngành và sẽ đưa vào báo cáo của Cuộc bình chọn cho những năm tiếp theo.

Một điều rất khích lệ dành cho Ban Tổ chức và các doanh nghiệp là cho đến thời điểm xây dựng báo cáo này (tháng 12/2016), trong tổng số 30 quy định kém được gửi tới các bộ, ngành liên quan lấy ý kiến thì đã có 5 quy định đã được các bộ, ngành chủ động điều chỉnh, sửa đổi, 13 quy định đang được các bộ, ngành đưa vào chương trình xây dựng pháp luật để sửa đổi trong thời gian tới. Điều này cho thấy những tác động rất tích cực của cuộc bình chọn cũng như sự cầu thị và tiếp thu của các cơ quan nhà nước có liên quan.

## CỘNG ĐỒNG NÓI GÌ VỀ CUỘC BÌNH CHỌN?



"Chúng tôi hy vọng rằng kết quả bình chọn này sẽ là sự ghi nhận của cộng đồng doanh nghiệp đối với những nỗ lực từ các cơ quan nhà nước trong việc làm cho môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi hơn từ những quy định tốt, đồng thời cảnh báo về những quy định đang cản trở một cách bất hợp lý đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp...."

Một doanh nghiệp sau khi gửi hàng chục đề cử cho VCCI, đã viết thư gửi gắm hy vọng



"Cảm ơn VCCI đã mời cá nhân tôi tham gia cuộc bình chọn, do tầm quan trọng và đặc biệt là ý nghĩa mà Cuộc bình chọn sẽ mang lại nên dù rất bận, tôi đã vui vẻ nhận lời."

Một chuyên gia gửi đề cử về với lời cảm ơn



"Đây là một sáng kiến thú vị, vì qua đây chỉ ra được phần nào thực trạng xây dựng pháp luật đáng quan ngại, nhiều nghịch lý ở Việt Nam."<sup>9</sup>

Trong một bài báo về Cuộc bình chọn, luật sư Nguyễn Tiến Tài nhận định



"Đây là một cú "tấn công" vào các quy định pháp luật nhiều rối rắm, phức tạp, mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập hiện nay của Việt Nam. Một việc nhỏ nhưng sẽ có tác động lớn đến tất cả người soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản pháp luật. Người ta sẽ phải cân nhắc kỹ lưỡng hơn, suy nghĩ chín chắn hơn, thể hiện thận trọng hơn."<sup>10</sup>

Đánh giá về cuộc bình chọn, luật sư Trương Thanh Đức, thành viên Hội đồng chuyên gia, nhận định



"Tôi thực sự biết ơn các bạn đã tổ chức Cuộc bình chọn này. Nhờ nó mà lãnh đạo Bộ mình đã quan tâm đến công tác xây dựng pháp luật hơn."

Một cán bộ pháp chế của một Bộ chia sẻ với VCCI

<sup>9</sup> Báo Tiếp thị thế giới ngày 28/01/2016. Xem tại <http://tiethithegioi.vn/kinh-doanh/tai-sao-co-nhieu-van-ban-luat-toi/>

<sup>10</sup> Báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh, mục Thời sự, ngày 28/01/2016. Xem tại: <http://phapluattp.vn/thoi-su/nhung-quy-dinh-gay-choang-cho-nhieu-nguoi-609549.html>





# 2

## Những phát hiện và bài học rút ra từ cuộc bình chọn

|                                    |    |
|------------------------------------|----|
| 1. Sự cần thiết của quy định       | 24 |
| 2. Tính hợp lý của quy định        | 27 |
| 3. Tính thống nhất của quy định    | 31 |
| 4. Tính khả thi của quy định       | 34 |
| 5. Tính minh bạch của quy định     | 36 |
| 6. Chi phí tuân thủ                | 39 |
| 7. Quyền tự do kinh doanh          | 42 |
| 8. Thúc đẩy cạnh tranh             | 45 |
| 9. Kiểm soát nguy cơ nhiễu loạn    | 48 |
| 10. Thời điểm ban hành/có hiệu lực | 51 |

Phần 2 của báo cáo này được dành để trình bày các phát hiện và bài học rút ra từ Cuộc bình chọn các quy định pháp luật. Những quy định được đề cử và bình chọn sẽ được đưa ra như những ví dụ minh họa cho các phát hiện và bài học này. Chúng tôi kỳ vọng những bài học được trình bày ở đây sẽ giúp ích cho các cán bộ làm công tác pháp luật và chính sách tại các bộ, ngành trong công việc của mình.



## 1. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH

Sự cần thiết của một quy định nằm ở việc xác định được những gì mà người dân và doanh nghiệp được hưởng từ quy định đó

Một quy định là cần thiết nếu quy định đó nhằm giải quyết một vấn đề về thể chế, quản lý kinh tế, đáp ứng nhu cầu cấp bách của doanh nghiệp, Nhà nước và xã hội mà tất cả các biện pháp ngoài pháp luật đều không thể giải quyết được với mức hiệu quả tương tự. Nếu mỗi quy định pháp luật đều cần thiết thì hệ thống pháp luật sẽ hiệu quả, gọn nhẹ và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của nền kinh tế và doanh nghiệp.

Khi xây dựng mọi văn bản pháp luật, xuất phát điểm là mục tiêu chính sách. Nếu coi xã hội như một cơ thể sống và chính sách là liều thuốc can thiệp của Nhà nước để chữa các căn bệnh của cơ thể đó, thì việc xác định mục tiêu chính sách chính là giai đoạn khám bệnh nhằm xác định được những vấn đề chưa tốt của xã hội nhằm điều chỉnh theo hướng tốt hơn.

### Các quy định giải quyết được vấn đề bức xúc, khó khăn đang tồn tại

Kết quả của Cuộc bình chọn cho thấy, các quy định được coi là quy định tốt về tính cần thiết là khi nhà làm luật lựa chọn đúng những vấn đề bức thiết của xã hội để giải quyết. Ví dụ, quy định “*Tòa án không được từ chối giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng*” trong khoản 2 Điều 14 của Bộ luật dân sự 2015 và khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được rất nhiều người đánh giá cao. Nhà làm luật đã nhìn thấy vấn đề xã hội khi người dân và doanh nghiệp muốn tìm đến Tòa án để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình thì có thể bị từ chối chỉ vì lý do hệ thống văn bản pháp luật chưa hoàn thiện. Mục tiêu chính sách ở đây rất rõ ràng: bảo đảm quyền tiếp cận công lý của người dân và doanh nghiệp kể cả khi điều này có thể gây ra khó khăn, tăng thêm trách nhiệm cho Tòa án.

Một ví dụ khác về việc xác định mục tiêu chính sách là khi xây dựng Luật doanh nghiệp 2014, cơ quan soạn thảo đã nhận thấy nguy cơ hoạt động của doanh nghiệp có thể bị đình trệ nếu người đại diện theo pháp luật có việc phải đi xa, bị ốm đau, hoặc không hợp tác với những thành viên còn lại, bởi rất nhiều văn bản của doanh nghiệp yêu cầu phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật. Từ đó, nhà làm luật đã bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp có thể đăng ký nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật tại khoản 2 Điều 13 của Luật doanh nghiệp 2014. Quy định này cũng được đánh giá cao vì đã mở rộng tối đa quyền tự quyết của doanh nghiệp trong việc quản lý nội bộ, Nhà nước không can thiệp bằng các quy định mệnh lệnh, mà chỉ yêu cầu doanh nghiệp khai báo, đăng ký đầy đủ.

Quy định nâng thời hạn giao đất nông nghiệp từ 20 năm lên 50 năm tại Điều 126 và Điều 127 của Luật đất đai năm 2013 cũng đã thể hiện việc nắm bắt nhu cầu của xã hội của nhà làm luật. Thời hạn giao đất nông nghiệp quá ngắn sẽ khiến người dân gặp khó khăn trong việc đầu tư trên mảnh đất của mình, nhất là trong giai đoạn hiện nay, khi thời hạn giao đất nông nghiệp sắp hết. Việc kéo dài thời hạn giao đất sẽ loại bỏ rào cản cho hoạt động đầu tư kinh doanh tiềm năng này, khuyến khích các hoạt động đầu tư bài bản và dài hạn vào nông nghiệp. Mục tiêu của chính sách này rất rõ ràng: thu hút đầu tư vào nông nghiệp. Nhìn rộng ra, quy định này một lần nữa khẳng định một trong những nguyên tắc căn bản của kinh tế thị trường: chỉ khi nào quyền tài sản của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ, thì khi đó người

dân và doanh nghiệp mới yên tâm đầu tư phát triển kinh tế. Do đó, để thực hiện chủ trương lớn về tái cơ cấu nền nông nghiệp thì điều đầu tiên cần làm là mở rộng việc bảo hộ quyền sở hữu đối với đất nông nghiệp, không chỉ về thời hạn sử dụng mà còn về giới hạn diện tích sử dụng, mở rộng các quyền năng của chủ sở hữu và hạn chế tình trạng thu hồi đất nông nghiệp.

### Các quy định loại bỏ các quy định không cần thiết trước đó

Một phát hiện đáng chú ý là có đến 8 trên 30 số quy định trong Danh sách 30 quy định tốt nhất là việc bãi bỏ đi quy định vốn được đánh giá không tốt trước đây<sup>11</sup>. Điều này cho thấy, trong rất nhiều trường hợp, vấn đề mà nhà làm luật cần giải quyết lại nằm ở chính sự tồn tại của những quy định pháp luật đang có hiệu lực. Không dễ dàng để các cơ quan nhà nước có thể nhìn ra sự “lạc hậu”, bất cập của các quy định mà có thể trước đó là cần thiết, hữu ích, nhất là khi đó là quy định do chính mình xây dựng hoặc ban hành trước đó. Cộng đồng doanh nghiệp luôn đánh giá rất cao khi cơ quan nhà nước nhận ra những quy định đang có hiệu lực đã không còn cần thiết, thậm chí đã trở thành yếu tố cản trở hoạt động kinh doanh và cần được loại bỏ hoặc thay thế.

Phát hiện này cũng gợi mở một vấn đề lớn hơn về công tác rà soát, đánh giá kết quả thi hành các quy định pháp luật đang tồn tại cần được thực hiện thường xuyên, liên tục để phát hiện ra những quy định bất hợp lý hoặc đã không còn phù hợp với bối cảnh mới. Theo chiều ngược lại, cộng đồng doanh nghiệp cũng cần nỗ lực hơn để lên tiếng, phản ánh những bất cập, những quy định không còn cần thiết, cản trở hoặc ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh của mình.

### Các quy định mở đường cho sự phát triển

Khoản 3 Điều 1 của Thông tư 60/2015/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải đã cho phép các hiệp hội doanh nghiệp vận tải thực hiện chức năng đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, cấp chứng chỉ chuyên môn về vận tải. Nhà nước chỉ kiểm soát về nội dung chương trình giảng dạy và các điều kiện để thực hiện hoạt động này. Quy định này giúp thực hiện chủ trương xã hội hóa dịch vụ công, đồng thời giúp tăng cường năng lực và vị thế cho các tổ chức xã hội nghề nghiệp. Xã hội hóa dịch vụ công là một trong những chủ trương lớn, thể hiện đúng vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Lúc này, động cơ để con thuyền kinh tế tiến lên là người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội, còn Nhà nước chỉ giữ vai trò là người lái thuyền.

### Các quy định cường điệu hóa nhu cầu của xã hội

Trong một số trường hợp, cơ quan nhà nước có phần đã “cường điệu hóa” nguy cơ đối với xã hội để ban hành quy định cấm. Ví dụ, quy định cấm đặt tên doanh nghiệp trùng với tên danh nhân tại Điều 2 của Thông tư 10/2014/TT-BVHTTDL được suy đoán là nhằm tránh những trường hợp doanh nghiệp có tên danh nhân thực hiện các hành vi như lừa đảo, trốn thuế, từ đó dẫn đến những thông điệp như: “Công ty Nguyễn Trãi phá sản”, “Doanh nghiệp Nguyễn Du trốn thuế” hay “Công ty Lê Lợi lừa đảo”, “Doanh nghiệp Quang Trung bán hàng giả”... Tuy nhiên, trên thực tế, khi doanh nghiệp lựa chọn tên danh nhân thì cũng đều nhằm hướng đến các giá trị tinh thần tốt đẹp chứ không ai có dụng ý đưa ra

<sup>11</sup> Ví dụ như (1) Bộ Tội kinh doanh trái phép trong Bộ luật hình sự; (2) Bộ “trần chi phí quảng cáo trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp; (3) Bộ quy định bắt buộc phải bán nhà thông qua sàn giao dịch bất động sản; (4) Bộ quy định cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với nhà đầu tư trong nước tại Luật đầu tư; (5) Bộ thành phần chứng chỉ hành nghề và văn bản xác nhận vốn pháp định trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp; (6) Bộ quy định “Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác” trong Luật doanh nghiệp; (7) Bộ chương hợp đồng bảo hiểm trong Bộ luật dân sự 2005; (8) Bộ quy định doanh nghiệp bảo hiểm chỉ được mở tối đa 20 chi nhánh và văn phòng đại diện.

các thông điệp phản cảm như vậy. Kể cả trong trường hợp doanh nghiệp kinh doanh nảy sinh vấn đề thì các thông điệp đưa ra cũng luôn có các chữ "công ty", "doanh nghiệp" và rất khó bị hiểu nhầm là mang tính xúc phạm danh nhân.

### Các quy định không rõ mục tiêu chính sách

Một số quy định được đề cử kém được doanh nghiệp gửi về với lý do "không rõ mục đích của quy định này là gì". Ví dụ như, quy định tại Điều 27 của Nghị định 60/2014/NĐ-CP về quản lý hoạt động in yêu cầu phải xin giấy phép nhập khẩu thiết bị gia công sau in như máy dao xén giấy, máy gấp sách, máy đóng sách, máy vào bìa, máy kị mã liên hợp, dây chuyển liên hợp hoàn thiện sản phẩm in... Đây đều là các hàng hóa thông thường, như rất nhiều loại hàng hóa khác trên thị trường và không rõ việc nhập khẩu chúng có nguy cơ gì đối với quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng mà cần phải kiểm soát chặt chẽ trong khi gánh nặng chi phí tạo ra cho doanh nghiệp quá lớn.

Trong nhiều trường hợp, cơ quan soạn thảo thuyết minh mục tiêu chính sách là để "*đáp ứng mục tiêu quản lý nhà nước*" hay để "*tăng cường kiểm soát*". Ở đây có một sự nhầm lẫn về mục tiêu và công cụ. Quản lý nhà nước hay kiểm soát không phải là mục tiêu chính sách mà là công cụ để đạt được mục tiêu đó. Mục tiêu chính sách là những gì người dân và doanh nghiệp được hưởng như được sống trong môi trường trong lành, giảm nguy cơ mất an toàn, hay tiết kiệm thời gian, chi phí, bảo vệ sản xuất trong nước... Để đạt được mục tiêu đó, có rất nhiều cách thức như quản lý kiểm soát từ phía Nhà nước, giám sát của xã hội, tuyên truyền giáo dục, đào tạo, tập huấn, điều chỉnh thuế phí... Khi công cụ bị nhầm thành mục tiêu thì sẽ dẫn đến những quy định không cần thiết cho xã hội.

### Kết luận và kiến nghị

Các ví dụ trên cho thấy, việc xác định tính cần thiết của quy định đòi hỏi nhà làm luật phải sâu sát vào thực tiễn, nắm bắt được từng hơi thở của cuộc sống và có độ nhạy bén nhất định để nhìn ra vấn đề của xã hội nhằm tìm cách giải quyết. Khi xã hội có nhiều vấn đề, với nguồn lực có hạn, nhà làm luật lại cần phải biết lựa chọn vấn đề cấp thiết nhất, chứ không nên ôm đồm, hoặc cường điệu hóa nguy cơ, dẫn đến việc ban hành những quy định không thực sự cần thiết, gây rào cản cho doanh nghiệp và người dân, đồng thời gây lãng phí nguồn lực của xã hội phải trả cho biện pháp quản lý đó.

Trong quá trình soạn thảo văn bản pháp luật tại Việt Nam, tính cần thiết thường được đánh giá cho toàn bộ văn bản, chứ không phải cho từng quy định cụ thể. Ví dụ như khi soạn thảo Nghị định về quản lý hoạt động in, cơ quan soạn thảo, các cơ quan thẩm định và thẩm tra cũng chỉ dừng lại ở việc đánh giá tính cần thiết của Nghị định, chứ không đi sâu vào từng quy định. Điều này sẽ dẫn đến thực tế là nhiều khi toàn bộ văn bản thì cần thiết về tổng thể, nhưng một số quy định trong đó lại không cần thiết. Đây cũng là một gợi mở cho việc điều chỉnh quy trình xây dựng chính pháp luật sao cho tính cần thiết của từng quy định cũng sẽ được xem xét kỹ lưỡng.



## 2. TÍNH HỢP LÝ CỦA QUY ĐỊNH

Tính hợp lý của quy định thể hiện ở việc tiên liệu được và hạn chế tối đa những phản ứng phụ không mong muốn

Tính hợp lý được thể hiện thông qua việc các quy định được đưa ra dựa trên cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn rõ ràng mà không chỉ dựa trên suy luận cảm tính của nhà làm luật, là giải pháp tốt nhất có thể cho vấn đề đặt ra.

Sau khi xác định được vấn đề của xã hội cần được giải quyết và mục tiêu chính sách tương ứng, công việc tiếp theo của cơ quan nhà nước là xây dựng chính sách để hướng đến mục tiêu đó. Đây chính là giai đoạn "kê đơn, bốc thuốc". Liều thuốc cho xã hội này cũng giống như liều thuốc cho con người, cần bảo đảm tính hiệu quả và an toàn - tức là phải chữa được bệnh và ít hoặc không có phản ứng phụ. Tính hợp lý của quy định cũng chính là việc quy định đó phải giúp đạt được mục tiêu chính sách mà hạn chế tối đa các tác dụng phụ không mong muốn.

### Quy định có bối cảnh thay đổi khiến tác dụng phụ không mong muốn giảm đi

Một trong những quy định được đề cử tốt vì tính hợp lý là việc tăng tốc độ tối đa lưu thông của xe cơ giới trên đường bộ theo Điều 6 và Điều 7 của Thông tư 91/2015/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải thêm 10km/h so với tốc độ tối đa được phép tại Thông tư 13/2009/TT-BGTVT cũng của Bộ này trước đây. Mục tiêu chính sách là tăng tốc độ lưu thông trên đường bộ, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí vận tải cho người dân và doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi tăng tốc độ lưu thông tối đa thì nguy cơ tai nạn, một phản ứng phụ không mong muốn được suy đoán là sẽ tăng. Lúc này, cơ quan soạn thảo sẽ phải tiến hành nghiên cứu và tính toán các điều kiện về hạ tầng, ý thức của người tham gia giao thông để đưa ra quyết định. Cộng đồng doanh nghiệp cũng chung đánh giá: trong thời gian qua, hạ tầng giao thông của Việt Nam đã được cải thiện đáng kể, ý thức của người tham gia giao thông cũng có chuyển biến tích cực, do đó, việc nâng tốc độ là hợp lý.

### Quy định làm tăng hiệu quả chính sách mà không gây thêm tác dụng phụ tiêu cực

Quy định cho phép thoái vốn dưới mệnh giá, dưới giá trị sổ sách kế toán khi cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước tại Quyết định 51/2014/QĐ-TTg cũng được đề cử tốt vì lý do hợp lý. Đối với một nhà đầu tư thông thường, việc bán vốn có thể bán trên sổ tiền đã mua nhằm thu lợi, nhưng cũng có thể bán dưới nhằm cắt lỗ. Do đó, giá bán cổ phần không nhất thiết phụ thuộc vào giá trị sổ sách. Chỉ cần bảo đảm nguyên tắc thị trường, tức là việc công bố thông tin một cách đầy đủ, chính xác và bảo đảm đấu giá công khai, minh bạch là đủ để việc thoái vốn mang lại giá trị tối đa. Hơn nữa, khác với nhà đầu tư tư nhân, việc thoái vốn tại các doanh nghiệp nhà nước không chỉ nhằm mục đích thu lợi về cho Nhà nước mà còn giúp thay đổi cơ chế, động lực để quản trị tốt hơn các doanh nghiệp này, giúp nâng cao hiệu quả kinh tế, mang lại lợi ích chung cho xã hội. Do đó, việc thoái vốn dưới mệnh giá, dưới giá trị sổ sách kế toán (nhưng vẫn bảo đảm nguyên tắc đấu giá) sẽ giúp đẩy nhanh tiến trình này. Như vậy, xét về tổng thể, lợi ích mang lại cho xã hội lớn hơn so với phần lỗ mà Nhà nước phải chịu khi bán những cổ phần này.

## Quy định làm giảm tác dụng phụ mà vẫn duy trì được mục tiêu chính sách

Việc bỏ tội kinh doanh trái phép tại Bộ luật hình sự 2015 cũng nhận được phản ứng tích cực từ phía cộng đồng doanh nghiệp vì tính hợp lý. Trước đây, Điều 159, Bộ luật hình sự năm 1999 xử lý tất cả những hành vi "*kinh doanh mà không đăng ký kinh doanh*" hoặc "*kinh doanh không đúng với nội dung đã đăng ký*". Như vậy, kể cả khi cá nhân, tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh bình thường, không gây tác động tiêu cực nào đến xã hội mà chỉ đơn giản là chưa làm thủ tục đăng ký kinh doanh hoặc chưa điều chỉnh nội dung đã đăng ký thì đã có thể bị xử lý hình sự. Việc xử lý hình sự đối với hành vi này sẽ khiến một doanh nghiệp đang kinh doanh bình thường, tạo công ăn việc làm, giá trị thặng dư cho xã hội mà không gây bất kỳ một tác động tiêu cực nào phải dừng hoạt động. Rõ ràng, mục tiêu chính sách yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục hành chính là cần thiết, nhưng việc áp dụng chế tài hình sự đã gây ra "tác dụng phụ" quá lớn. Rõ ràng, sự thiếu sót hoàn tất thủ tục hành chính của doanh nghiệp cần được xử lý, nhưng chỉ nên dừng lại ở mức độ hành chính, việc xử lý hình sự là quá nặng.

Quy định bỏ thủ tục đăng ký hoặc cấp phép đầu tư đối với nhà đầu tư trong nước trong Luật đầu tư 2014 cũng được đánh giá là hợp lý. Yêu cầu thực hiện thủ tục đăng ký hoặc thẩm tra đầu tư để được cấp giấy chứng nhận đầu tư trước đây tạo ra rào cản tương đối lớn về thủ tục hành chính đối với các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong nước trong khi ý nghĩa về mặt quản lý lại không nhiều. Luật đầu tư 2014 đã bãi bỏ các thủ tục liên quan đến đầu tư của nhà đầu tư trong nước, chỉ giữ lại thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với một số dự án sử dụng các nguồn lực quốc gia (đất đai, tài nguyên), tác động lớn đến kinh tế - xã hội. Điều này là hợp lý vì Nhà nước chỉ cần quản lý những dự án có tác động đáng kể đến lợi ích công cộng, còn các dự án không hoặc ít tác động thì do nhà đầu tư tự quyết định. Như vậy, quy định mới vẫn đạt được mục tiêu quản lý nhưng không gây những phản ứng phụ không cần thiết.

## Các quy định không được tiên liệu đầy đủ tác dụng phụ không mong muốn

Rà soát các quy định được đề cử kém vì không đáp ứng tiêu chí hợp lý cũng cho thấy hiện tượng việc ban hành quy định có thể là cần thiết (để giải quyết một vướng mắc thực tiễn) nhưng cách thiết kế nội dung quy định lại dẫn tới nhiều hệ quả không mong muốn, từ đó quy định trở thành bất hợp lý, ví dụ: Khoản 8 Điều 4 của Nghị định 05/2015/NĐ-CP yêu cầu hợp đồng lao động (lập thành văn bản) phải có nội dung cụ thể về số lượng, chủng loại, chất lượng và thời hạn sử dụng của từng trang thiết bị bảo hộ lao động. Quy định này được suy đoán là nhằm tránh những tranh chấp trong quan hệ lao động về trang bị bảo hộ. Tuy nhiên, nhà làm luật đã "quên mất" rằng nhiều loại trang bị bảo hộ được thay đổi thường xuyên, như thay đổi về chủng loại để nâng cấp chất lượng, hoặc trang bị cũ hỏng, cần thay thế. Nếu ghi toàn bộ các thông tin trên vào hợp đồng thì sẽ dẫn đến việc doanh nghiệp và người lao động phải thường xuyên ký lại các hợp đồng này, gây tốn kém rất nhiều thời gian, chi phí.

Điều 106 của Bộ luật lao động 2012 quy định thời gian làm thêm giờ không quá 200 giờ/năm, trừ một số trường hợp đặc biệt do Chính phủ quy định thì được làm thêm giờ không quá 300 giờ/năm. Cơ quan soạn thảo lý giải mục đích của quy định này là nhằm bảo đảm sức khỏe, khả năng tái tạo sức lao động cũng như thời gian chăm sóc sức khỏe gia đình và các điều kiện xã hội của người lao động. Tuy nhiên, việc hạn chế số giờ làm thêm như vậy là quá thấp so với nhiều quốc gia khác như Trung Quốc 600 giờ/năm, Nhật Bản 720 giờ/năm, Malaysia 104 giờ/tháng. Hơn nữa, trong nhiều trường hợp người lao động chủ động muốn làm thêm giờ do họ được hưởng lương cao hơn, có thể được công ty trả tiền bữa ăn tối. Hiện tại theo thông tin từ Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội<sup>12</sup> thì Bộ này đang có kế hoạch trình phương án nới số giờ làm thêm cho phù hợp đưa vào Bộ luật lao động sửa đổi để Quốc hội thông qua trong giai đoạn tới.

<sup>12</sup> Tại Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam cuối kỳ ngày 05/12/2016

Một ví dụ khác là quy định hạn chế tỷ lệ học sinh của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Nghị định 73/2012/NĐ-CP. Theo đó, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài được phép tiếp nhận học sinh Việt Nam, nhưng số học sinh Việt Nam ở trường tiểu học và trung học cơ sở không quá 10% tổng số học sinh của trường, ở trường trung học phổ thông không quá 20% tổng số học sinh của trường. Quy định này khiến cho học sinh Việt Nam mất cơ hội tiếp cận với kiến thức, phương pháp giáo dục tiên bộ của thế giới, nhất là trong bối cảnh, hệ thống giáo dục của nước ta đang có nhiều bất cập. Việc giới hạn số lượng học sinh Việt Nam ở tỷ lệ rất thấp còn khiến cho các trường có vốn đầu tư nước ngoài và trường có vốn đầu tư trong nước không trực tiếp cạnh tranh vì sự khác nhau về quốc tịch của trẻ em, từ đó làm giảm động lực đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục của các trường.

Một ví dụ tương tự là quy định cấm kinh doanh dịch vụ photocopy màu tại điểm a khoản 2 Điều 30 của Nghị định 60/2014/NĐ-CP. Quy định này hướng tới mục đích gây khó khăn cho các đối tượng muốn làm giả giấy tờ. Tuy nhiên, tác dụng phụ của nó lại ngăn cản việc người dân sử dụng máy photocopy màu cho các mục đích chính đáng như sao chụp tài liệu, ảnh, thiệp mời... Quy định này cũng hạn chế quyền kinh doanh chính đáng của người dân và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ photocopy. Hơn nữa, quy định này cũng không thực sự giúp hạn chế hành vi làm giả giấy tờ do các loại máy scan và in màu cũng có thể thực hiện công việc tương tự như photocopy màu.

### Quy định dựa trên cảm tính của nhà làm luật

Trong các quy định được đề cử có một số quy định được xây dựng dựa trên mong muốn tốt đẹp của nhà làm luật là muốn các doanh nghiệp của Việt Nam lớn mạnh. Tuy nhiên, đơn vị soạn thảo lại lựa chọn công cụ can thiệp chính sách là các mệnh lệnh hành chính một cách máy móc không phù hợp với các quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường.

Khi xây dựng quy định yêu cầu doanh nghiệp dịch vụ đại lý tàu biển phải có nhân viên pháp chế (khoản 3 Điều 10 của Nghị định 30/2014/NĐ-CP), một trong những lý do được cơ quan soạn thảo đưa ra là nhằm giúp cho doanh nghiệp có năng lực giải quyết tranh chấp quốc tế, tránh thua lỗ. Nhưng tinh thần của quy định này lại có thể hiểu theo hướng để doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực pháp lý thì nhà làm luật lại đang cấm các doanh nghiệp không có nhân viên pháp chế được kinh doanh trong lĩnh vực đại lý tàu biển.

Khi xây dựng quy định yêu cầu tỷ lệ mạ băng và hàm ẩm của cá tra xuất khẩu (khoản 1 Điều 6 của Nghị định 36/2014/NĐ-CP), một trong những lý do được cơ quan soạn thảo đưa ra là nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm cá tra xuất khẩu của Việt Nam, đáp ứng yêu cầu thị trường. Nhưng hệ quả thực tế của quy định này lại là cấm xuất khẩu những sản phẩm chất lượng thấp hơn dù nhiều thị trường nước ngoài vẫn chấp nhận chất lượng thấp đó.

Hai quy định kém được đề cử trên đều có chung một đặc điểm là cơ quan nhà nước đều xuất phát từ mong muốn rất tốt đẹp, đó là doanh nghiệp Việt Nam có năng lực tốt hơn, lớn mạnh hơn, hàng hóa của Việt Nam có chất lượng tốt hơn trên thị trường quốc tế. Những điều này có thể được thực hiện thông qua các công cụ chính sách khác mềm dẻo hơn như tạo điều kiện, ưu đãi, hỗ trợ từ phía Nhà nước, chứ không nên sử dụng các quy định mang tính mệnh lệnh hành chính như trên. Ví dụ, để các doanh nghiệp đại lý vận tải biển nâng cao được năng lực pháp lý thì Nhà nước có thể hỗ trợ theo hình thức đào tạo, tư vấn, phát hành cẩm nang pháp luật vận tải biển cho doanh nghiệp. Hoặc để nâng cao chất lượng cá tra xuất khẩu thì có thể thông qua hình thức hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn chất lượng, chỉ dẫn địa lý.

### Kết luận và kiến nghị

Việc xác định tính hợp lý của quy định chủ yếu phụ thuộc vào công tác đánh giá dự báo tác động pháp luật (RIA). Nếu hoạt động này được thực hiện tốt thì ngay từ khi soạn thảo, cơ quan nhà nước đã có thể hình dung được tương đối rõ nét xem liệu quy định của mình đưa ra có giúp đạt được mục tiêu chính sách không, và có gây những tác dụng phụ nào (kể cả tác dụng tích cực lẫn tiêu cực).

Mặc dù Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 đã nhấn mạnh đến việc đánh giá tác động của pháp luật nhưng điều này mới chỉ dừng lại ở các chính sách lớn mà chưa được thể hiện trong từng quy định của văn bản pháp luật. Việc đánh giá tác động một cách bài bản toàn bộ các quy định của một văn bản có thể sẽ gây tốn kém nhiều thời gian và công sức của đơn vị soạn thảo. Tuy nhiên, điều này vẫn có thể được thực hiện thông qua những đánh giá định tính và đơn giản, được thể hiện ngay trong bản thuyết minh chi tiết của dự thảo mà các cơ quan soạn thảo vẫn thường chuẩn bị.



### 3. TÍNH THỐNG NHẤT CỦA QUY ĐỊNH

Cần chú trọng việc rà soát pháp luật để bảo đảm tính thống nhất của quy định

Tính thống nhất được thể hiện thông qua việc quy định không chồng chéo, mâu thuẫn với các quy định trong cùng một văn bản, không mâu thuẫn với các quy định trong các văn bản pháp luật khác, đặc biệt là các quy định ở cấp văn bản cao hơn. Điều này không chỉ tạo ra sự nhất quán về mặt pháp luật, mà tạo thuận lợi hơn cho cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân trong quá trình thực hiện.

Một trong những mục tiêu quan trọng của tính thống nhất là giúp cho việc áp dụng pháp luật trở nên nhất quán. Sẽ là rủi ro rất lớn đối với một doanh nghiệp khi cố gắng tìm hiểu các quy định của pháp luật để tuân thủ thì họ phát hiện ra có đến hai quy định cùng điều chỉnh hoạt động của mình nhưng lại xử lý theo hai hướng khác nhau. Bảo đảm tính thống nhất cũng là một trong những nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (tại khoản 1 Điều 3 của Luật năm 2008 và kế thừa tại khoản 1 Điều 5 của Luật năm 2015: *Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật*).

#### Quy định loại bỏ sự chồng chéo trong hệ thống pháp luật

Trong hệ thống pháp luật nước ta có không ít trường hợp, một vấn đề không được quy định đồng nhất trong nhiều văn bản khác nhau. Điều này gây ra khó khăn cho các đối tượng áp dụng, từ cả phía cơ quan quản lý nhà nước lẫn doanh nghiệp, nhất là khi các khái niệm về luật chung, luật riêng, luật chuyên ngành vẫn chưa được định nghĩa trong văn bản pháp luật.

Ví dụ, trường hợp các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và người tham gia mua bảo hiểm từ nhiều năm qua đã gặp rất nhiều rủi ro khi thực hiện hợp đồng bảo hiểm do có sự mâu thuẫn giữa Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và Bộ luật dân sự 2005. Hai văn bản này đều do Quốc hội ban hành và đều có nội dung về hợp đồng bảo hiểm, nhưng các quy định cụ thể lại mâu thuẫn nhau như việc xử lý hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp có gian dối, việc gia hạn nợ phí bảo hiểm hay chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn... Đã có nhiều vụ việc tranh chấp hợp đồng bảo hiểm được đưa ra tòa án và mỗi tòa lại áp dụng một văn bản khác nhau để giải quyết. Có tòa thì coi Bộ luật dân sự 2005 ban hành sau nên được ưu tiên áp dụng, lại có tòa thì coi Luật kinh doanh bảo hiểm 2000 là luật chuyên ngành nên được ưu tiên áp dụng. Chính vì lẽ đó, Bộ luật dân sự năm 2015 đã bỏ Mục Hợp đồng bảo hiểm và thống nhất áp dụng theo Luật kinh doanh bảo hiểm. Điều này đã nhận được sự đánh giá cao của các doanh nghiệp bảo hiểm.

#### Quy định trái với quy định tại văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn

Khi soạn thảo một quy định pháp luật, cơ quan nhà nước luôn phải tiến hành rà soát các văn bản pháp luật đã được ban hành để xác định xem quy định đó có chồng chéo, mâu thuẫn với các quy định khác

không. Tuy nhiên, không phải lúc nào điều này cũng được thực hiện một cách đầy đủ. Hiện tượng văn bản cấp dưới trái với văn bản cấp trên không phải là hiếm gặp trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Quy định về thủ tục kê khai giá tại Điều 16 Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính cũng được coi là một ví dụ về quy định không bảo đảm tính thống nhất. Luật giá có quy định "*Kê khai giá là việc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ gửi thông báo mức giá hàng hóa, dịch vụ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền...*" Tuy nhiên, thủ tục kê khai giá tại Thông tư 56 lại được quy định theo trình tự sau: (1) doanh nghiệp gửi văn bản kê khai giá; (2) cán bộ tiếp nhận, hướng dẫn hồ sơ; (3) cơ quan nhà nước sẽ rà soát nội dung văn bản của doanh nghiệp, bao gồm cả lý do điều chỉnh giá; (4) nếu cơ quan nhà nước thấy lý do điều chỉnh giá chưa phù hợp thì doanh nghiệp phải giải trình lại; (5) nếu doanh nghiệp giải trình quá 3 lần mà chưa được chấp nhận thì doanh nghiệp không được điều chỉnh giá. Như vậy, từ chỗ Luật chỉ yêu cầu **thông báo** – có tính chất cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý nhà nước, đến Thông tư hướng dẫn đã thành thủ tục **xin phép** – có sự xem xét và chấp thuận của cơ quan nhà nước mới được phép điều chỉnh.

Khoản 1 Điều 50 của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải và khoản 3 Điều 3 của Nghị định 86/2014/NĐ-CP đưa ra khái niệm "*kinh doanh vận tải không thu tiền trực tiếp*" nhằm chỉ hoạt động vận tải nội bộ của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, quy định này trái với khái niệm "*kinh doanh*" trong Luật doanh nghiệp bởi đây không phải là việc "*cung ứng dịch vụ trên thị trường*". Tên gọi và phạm vi điều chỉnh của Nghị định 86/2014/NĐ-CP chỉ dừng lại ở khái niệm "*kinh doanh vận tải*", do đó, việc điều chỉnh hoạt động vận tải nội bộ của các doanh nghiệp là chưa thực sự thống nhất. Theo cam kết của Việt Nam trong WTO, các doanh nghiệp có vốn nước ngoài từ 51% trở lên không được kinh doanh vận tải, nên không được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải. Do vậy, quy định này khiến cho hoạt động vận tải nội bộ của nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bị đình trệ, nhiều đội xe vận tải nội bộ đang hoạt động bình thường phải dừng lại. Cuối cùng, Chính phủ phải ban hành Nghị quyết 23/NQ-CP ngày 30/03/2016 cho phép cấp phù hiệu đối với xe vận tải nội bộ dù doanh nghiệp chủ xe không có Giấy phép kinh doanh vận tải. Đáng ra, trong trường hợp này, nếu việc quản lý hoạt động vận tải nội bộ của doanh nghiệp là cần thiết, thì vẫn có thể đưa ra quy định, nhưng không nên gọi đó là kinh doanh vận tải.

### Quy định vượt quá phạm vi thẩm quyền được giao

Trong một số trường hợp khác, cơ quan nhà nước đã ra văn bản hướng dẫn vượt nội dung được luật hoặc nghị định giao. Ví dụ, Luật an toàn thực phẩm và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật này không quy định về điều kiện đối với hàng hóa nhập khẩu, cũng không trao quyền cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều kiện này. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 9 của Thông tư 12/2015/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lại đặt ra điều kiện đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật nhập khẩu dựa trên việc cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu đăng ký với phía Việt Nam.

Một ví dụ khác là Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều kiện của cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. Tuy nhiên, Luật doanh nghiệp 2005 và Luật đầu tư 2014 không cho phép văn bản cấp thông tư được đặt ra điều kiện kinh doanh. Như vậy, Thông tư này đã trái với các văn bản pháp luật của Quốc hội.

Một ví dụ khác là quy định cấm đặt tên doanh nghiệp trùng với tên danh nhân cũng có dấu hiệu vượt luật, bởi Luật doanh nghiệp 2005 chỉ quy định cấm đặt tên doanh nghiệp mà sử dụng "*từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc*". Thông tư 10/2014/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hoá, Thể Thao và Du lịch và trước đó là Nghị định 43/2010/NĐ-CP lại có quy định "*Không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc, tên danh nhân để đặt tên riêng cho doanh nghiệp*". Như vậy, quy định này đã mở rộng phạm vi cấm đặt tên doanh nghiệp so với Luật doanh nghiệp.

## Kết luận và kiến nghị

Các vấn đề về tính thống nhất của pháp luật có thể được giải quyết nếu công tác rà soát sự chồng chéo, mâu thuẫn của pháp luật được thực hiện một cách đầy đủ, nghiêm túc hơn. Mặc dù có sự tham gia của nhiều thành phần trong các Ban soạn thảo, Tổ biên tập các dự thảo văn bản pháp luật, tuy nhiên, hiếm khi nào công tác rà soát pháp luật để tránh sự chồng chéo, mâu thuẫn được thực hiện một cách chuyên sâu và bài bản. Các cán bộ của cơ quan được giao chủ trì soạn thảo thường am hiểu tường tận công việc của mình, lĩnh vực mình phụ trách nhưng ít khi hiểu rõ toàn bộ hệ thống pháp luật. Một giải pháp có thể góp phần giảm bớt hiện tượng này là cần có sự tham gia phối hợp chặt chẽ của cán bộ pháp chế ngay trong những giai đoạn soạn thảo đầu tiên, chứ không chỉ trong khâu thẩm định văn bản như hiện nay.



## 4. TÍNH KHẢ THI CỦA QUY ĐỊNH

Nếu pháp luật được ban hành nhưng không có tính khả thi sẽ tạo rủi ro lớn cho doanh nghiệp bởi nếu họ làm đúng luật thì sẽ không thể cạnh tranh được với đối thủ, nhưng nếu làm sai luật thì luôn có nguy cơ bị xử lý

Tính khả thi của một quy định được xác định dựa trên khả năng quy định đó có thể được tổ chức thi hành đầy đủ trên thực tế và được tuân thủ nghiêm túc bởi các đối tượng liên quan. Một quy định là khả thi nếu tất cả các điều kiện về nguồn lực thực hiện, khả năng kiểm soát các vi phạm, quy trình thực tiễn triển khai đã được tính đến và có thể thực hiện được.

Trong một cuộc họp của Hội đồng chuyên gia, một thành viên của hội đồng đã nói: *"Đôi khi luật được xây dựng dựa trên mơ ước của một vị lãnh đạo nào đó, mà không có tính khả thi"*. Tình trạng này không phải hiếm gặp trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Một khi quy định không khả thi, không chỉ mơ ước của vị lãnh đạo không trở thành hiện thực, mà còn kéo theo hệ quả rất lớn, quy định không thể thực thi nghiêm túc và đầy đủ trên thực tế, lâu dài tạo tâm lý "nhờn luật" cho người dân, và cũng tạo sự bất an cho doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp làm đúng luật thì họ sẽ không thể cạnh tranh được trên thị trường, nhưng nếu không tuân thủ thì họ phải đối mặt với nguy cơ có thể bị xử lý vì vi phạm pháp luật bất kỳ lúc nào. Do đó, việc đánh giá được tính khả thi và đảm bảo được quy định thực thi một cách triệt để trên thực tế là một yếu tố góp phần tạo sự ổn định, an toàn của môi trường kinh doanh.

### Quy định có một số đối tượng không thể áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành

Một ví dụ quy định kém về tính khả thi là quy định về quản lý mạng xã hội và trò chơi điện tử tại Nghị định 72/2013/NĐ-CP và Thông tư 09/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông. Quy định này đưa ra rất nhiều các điều kiện để được thiết lập mạng xã hội, trò chơi điện tử. Tuy nhiên, các quy định này chỉ có thể áp dụng cho các doanh nghiệp tại Việt Nam mà không khả thi khi áp dụng cho các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ mạng xã hội hay trò chơi điện tử qua biên giới vào Việt Nam. Trên thực tế, các mạng xã hội lớn trên thế giới như Facebook, Instagram... hay các trò chơi điện tử như Clash of Clans, Calls of Duty... và rất nhiều trò chơi khác vẫn có thể dễ dàng tiếp cận người dùng tại Việt Nam. Kết quả là các doanh nghiệp tại Việt Nam rơi vào tình thế bất lợi hơn rất nhiều so với doanh nghiệp từ quốc gia khác. Đáng rằng, việc kiểm soát thông tin trên mạng internet là cần thiết, nhưng điều này nên được thực hiện thông qua các công cụ về kỹ thuật (lọc từ khóa) hoặc dựa trên phản hồi (report) của người dùng, chứ không nên sử dụng các công cụ về giấy phép và hành chính bởi các công cụ này chỉ có tác dụng trong lãnh thổ Việt Nam, chứ không thể tác động trên toàn bộ không gian mạng internet.

### Quy định không xác định cơ chế bảo đảm thực thi khi soạn thảo

Một quy định khác cũng được doanh nghiệp đánh giá rất thiếu tính khả thi là quy định quản lý đối với hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh buôn chuyến. Điều 72 Nghị định 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/9/2015 về đăng ký doanh nghiệp yêu cầu hộ kinh doanh buôn chuyến, kinh doanh lưu

động được phép kinh doanh ngoài địa điểm đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhưng phải thông báo với cơ quan thuế, cơ quan quản lý thị trường nơi đăng ký trụ sở và nơi tiến hành hoạt động kinh doanh. Cơ quan soạn thảo cho rằng quy định này giúp cho công tác quản lý, thu thập thông tin, số liệu đối với đối tượng hộ kinh doanh buôn chuyển, kinh doanh lưu động, phục vụ cho việc theo dõi, giám sát, đảm bảo tính trật tự, an toàn của môi trường kinh doanh trên địa bàn. Tuy nhiên, đặc thù của hoạt động kinh doanh buôn chuyển là lưu động, “nay đây, mai đó” nên việc yêu cầu thường xuyên khai báo với cơ quan thuế, cơ quan quản lý thị trường nơi tiến hành hoạt động kinh doanh là không khả thi. Hơn nữa, cơ quan có thẩm quyền rất khó giám sát việc các hộ kinh doanh lưu động, buôn chuyển đi tới những đâu. Kết quả là, hầu như tất cả các hộ kinh doanh buôn chuyển hiện nay đều đang vi phạm pháp luật vì không thông báo cho cơ quan nhà nước.

### Kết luận và kiến nghị

Kết cấu các văn bản pháp luật của Việt Nam thường không xác định ngay biện pháp bảo đảm thi hành trong cùng văn bản mà lại được thể hiện ở các văn bản khác. Một văn bản đặt ra chính sách mới, nhưng các biện pháp tuyên truyền giáo dục, phổ biến pháp luật, biện pháp kiểm soát, thanh tra, kiểm tra, biện pháp xử lý vi phạm hành chính, hoặc các biện pháp xử lý hình sự lại được quy định tại các văn bản khác. Quay trở lại ví dụ quy định yêu cầu hộ kinh doanh buôn chuyển, kinh doanh lưu động phải thông báo cho cơ quan thuế, cơ quan quản lý thị trường tại nơi tiến hành hoạt động kinh doanh, biện pháp bảo đảm thực thi cho quy định này đang được thể hiện tại điểm d khoản 1 Điều 41 của Nghị định 50/2016/NĐ-CP là phạt tiền từ 3 triệu đến 5 triệu đồng và “*buộc thông báo cho cơ quan thuế, cơ quan quản lý thị trường*”. Tuy nhiên, các biện pháp khác về tuyên truyền giáo dục, phổ biến pháp luật, hay lực lượng nào sẽ đảm nhận việc tuần tra, kiểm tra, đối chiếu với danh sách đã đăng ký thì lại không được tính toán và quy định luôn.

Chính vì lý do này, trong quá trình xây dựng văn bản pháp luật, cơ quan soạn thảo cần tính toán luôn các biện pháp bảo đảm thực thi đi kèm, tránh việc có những quy định ban hành rồi nhưng không rõ sẽ thực thi thế nào. Nếu không có biện pháp bảo đảm thi hành tốt thì cần cân nhắc tìm cách điều chỉnh hoặc loại bỏ quy định đó.



## 5. TÍNH MINH BẠCH CỦA QUY ĐỊNH

Trong quản lý nhà nước, minh bạch không bao giờ thừa

Quy định minh bạch là quy định đơn giản, dễ hiểu, không bị hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau, có thể áp dụng được ngay và hạn chế tối đa việc phải diễn giải thông qua các văn bản hướng dẫn hoặc người thực thi. Quy định minh bạch giúp cho quá trình thực hiện trở nên dễ dàng, nhanh chóng và ít rủi ro.

Qua kinh nghiệm tiếp nhận và phản ánh các ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp trong giai đoạn xây dựng pháp luật, VCCI nhận thấy tính minh bạch là tiêu chí thường xuyên bị vi phạm khi các cơ quan nhà nước soạn thảo pháp luật. Nhiều doanh nghiệp phản ánh rằng, họ không sợ các quy định của pháp luật, mà chỉ sợ các quy định không minh bạch, bởi nó đặt họ vào vị thế không thể yên tâm kinh doanh.

### Quy định làm rõ vấn đề, giúp hạn chế văn bản hướng dẫn

Một trong những điểm sáng về quy định tốt mang tính minh bạch là việc ban hành Danh mục ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh và ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Luật đầu tư 2014. Lần đầu tiên có một văn bản pháp luật liệt kê, tập hợp tất cả các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện hiện nay. Quy định này giúp cho các doanh nghiệp dễ dàng nhận biết được những ngành, nghề nào trước khi kinh doanh phải đáp ứng các điều kiện, đồng thời là “nút chặn” có hiệu quả đối với các nhà soạn chính sách khi muốn xây dựng, ban hành điều kiện kinh doanh cho một ngành, nghề nào đó - bởi các ngành, nghề đó không được vượt quá phạm vi của Danh mục. Thực tế, từ khi Luật đầu tư 2014 ra đời và có hiệu lực, Danh mục này đã “chặn” được khá nhiều quy định quy định về điều kiện kinh doanh của một ngành, nghề nào đó không có trong Danh mục.

### Quy định giúp giảm tùy tiện trong khâu áp dụng pháp luật

Nguyên tắc đối xử bình đẳng là một trong những phương pháp quản lý nhà nước minh bạch và đầy trách nhiệm. Một ví dụ như vậy là quy định về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài. Điểm e khoản 2 Điều 10 của Nghị định 118/2015/NĐ-CP đưa ra nguyên tắc đối xử bình đẳng khi chấp thuận đầu tư. Theo đó, khi nhà đầu tư nước ngoài đầu tiên xin phép kinh doanh một ngành nghề nào đó chưa được quy định trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia hoặc các quy định của pháp luật Việt Nam, chính quyền địa phương sẽ hỏi ý kiến bộ chuyên ngành. Nếu bộ chuyên ngành đồng ý rằng lĩnh vực đó cho phép nhà đầu tư nước ngoài tham gia thì các điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực đó sẽ được công bố trên website quốc gia về đầu tư nước ngoài. Nếu có một nhà đầu tư khác cũng muốn tham gia lĩnh vực đó thì các địa phương có thể tra cứu luôn trên website này mà không cần hỏi ý kiến bộ quản lý chuyên ngành nữa. Như vậy, các nhà đầu tư tại các địa phương khác nhau sẽ được đối xử tương đương nhau.

Nguyên tắc đối xử bình đẳng này rất có ý nghĩa, không chỉ trong thủ tục đầu tư nước ngoài, mà còn có thể mở rộng áp dụng cho lĩnh vực khác. Ví dụ, khi một doanh nghiệp muốn cải tạo chiếc xe tải của mình, họ phải nộp hồ sơ thiết kế sửa chữa lên cơ quan đăng kiểm để thẩm định về tính an toàn. Đã

xuất hiện tình trạng cùng một bộ hồ sơ, nhưng cơ quan đăng kiểm này chấp thuận, cơ quan khác lại không. Nếu áp dụng nguyên tắc đối xử bình đẳng, khi cơ quan đăng kiểm chấp thuận một mẫu thiết kế xe hoán cải thì mẫu thiết kế đó được đăng tải công khai, các trường hợp tiếp theo làm tương tự thì chắc chắn sẽ được chấp thuận. Rất nhiều thủ tục khác cũng có thể áp dụng tương tự như cấp phép xây dựng, thẩm định quy trình kiểm định, hiệu chỉnh, thử nghiệm thiết bị đo; đánh giá tác động môi trường; thẩm định công nghệ... Nếu điều này trở thành hiện thực sẽ làm tăng đáng kể tính minh bạch của hệ thống pháp luật Việt Nam.

### Quy định trao quyền quá lớn cho cán bộ thực thi

Đứng từ phía các quy định kém, quy định cấm đặt tên doanh nghiệp trùng với tên danh nhân cũng được coi là thiếu minh bạch. Mặc dù Chính phủ đã giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn nội dung này, nhưng Thông tư 10/2014/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã không thể đưa ra được danh mục các tên danh nhân bị cấm sử dụng để đặt cho tên của doanh nghiệp. Điều này khiến cho doanh nghiệp không có cơ sở chắc chắn để biết được rằng tên của mình có trùng với tên một danh nhân nào đó hay không. Sự thiếu minh bạch, thiếu rõ ràng này không chỉ khiến các doanh nghiệp gặp rủi ro mà còn gây khó cho việc thực thi của các cơ quan nhà nước.

Một quy định khác cũng được đánh giá kém về lý do minh bạch khoản 1 Điều 7 của Nghị định 78/2015/NĐ-CP và các biểu mẫu tại Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư yêu cầu doanh nghiệp phải ghi mã ngành nghề cấp bốn khi làm thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, thủ tục đầu tư. Trong khi đó, hệ thống ngành cấp bốn của Việt Nam chưa đầy đủ, chưa bao quát được hết các trường hợp trên thực tế, gây khó khăn cho doanh nghiệp khi xác định mã. Khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nếu có sự không thống nhất giữa cách hiểu của cơ quan nhà nước và doanh nghiệp về việc phân loại, áp mã thì doanh nghiệp có nguy cơ không được thành lập, đây được xem là cản trở cho doanh nghiệp không nên có, trong khi thủ tục này được xem là “điểm sáng” của Luật doanh nghiệp 2014. Hơn nữa, ngay trong Báo cáo tổng kết thi hành Luật doanh nghiệp 2005, cơ quan chủ trì soạn thảo cũng đã cho rằng đây là một trong những “điểm nghẽn”, khó khăn lớn nhất trong thủ tục đăng ký doanh nghiệp và cần phải được sửa đổi, nhưng Nghị định 78 vẫn duy trì, mặc dù đại diện nhiều doanh nghiệp đã có nhiều ý kiến về vấn đề này.

### Quy định định tính

Thủ tục kê khai giá tại Điều 16, Thông tư 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính cũng có quy định không minh bạch khi trao cho cơ quan nhà nước quyền từ chối cho doanh nghiệp điều chỉnh giá khi các lý do mà doanh nghiệp giải trình được coi là “không phù hợp” mà không hề có quy định cụ thể để xác định như thế nào là lý do phù hợp. Việc sử dụng một tiêu chí định tính như vậy là không rõ ràng, không minh bạch và gây khó khăn cho quá trình thực thi. Khi có sự bất đồng giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp về việc xác định một lý do nào đó là phù hợp hay không thì sẽ không có cơ sở nào để phân định.

### Kết luận và kiến nghị

Tình trạng đưa ra các quy định không minh bạch như vậy diễn ra tương đối phổ biến trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Trong đợt rà soát các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh nhằm phục vụ cho việc ban hành các Nghị định về điều kiện đầu tư kinh doanh thay cho các Thông tư hết hiệu lực từ ngày 01/ 7/2016, vấn đề quy định thiếu minh bạch, định tính như vậy cũng đã được đặt ra. Rất nhiều ý kiến thống nhất về sự bất cập của các quy định như vậy, nhưng chưa thống nhất về giải pháp. Dựa trên việc nghiên cứu kinh nghiệm quản lý của nhiều quốc gia phát triển, có một số hướng giải pháp sau có thể cân nhắc:

- *Thứ nhất*, bãi bỏ hoàn toàn các quy định thiếu minh bạch, định tính đó. Phương pháp này áp dụng dành cho những trường hợp mà các quy định đó cũng không thực sự cần thiết, hợp lý;
- *Thứ hai*, trong một số trường hợp, có thể bỏ quy định thiếu minh bạch trong các thủ tục hành chính như vậy, thay vào đó là yêu cầu doanh nghiệp và người dân khai báo trung thực về hiện trạng của mình, đồng thời áp dụng quản lý rủi ro vào khâu thanh tra, kiểm tra;
- *Thứ ba*, thay thế quy định định tính đó bằng một quy định định lượng rõ ràng và minh bạch. Phương pháp này áp dụng cho những trường hợp mà quy định đó là thực sự cần thiết và có thể định lượng được;
- *Thứ tư*, thay thế quy định định tính bằng một quy chuẩn kỹ thuật và cho phép doanh nghiệp và người dân sử dụng dịch vụ chứng nhận sự phù hợp để xác nhận tuân thủ, đồng thời bảo đảm sự cạnh tranh đầy đủ trong thị trường cung cấp dịch vụ chứng nhận sự phù hợp;
- *Thứ năm*, trong trường hợp không thể thực hiện các biện pháp trên thì có thể vẫn duy trì quy định định tính, nhưng bổ sung thêm nguyên tắc đối xử bình đẳng (như trên đã phân tích).

Như vậy, có rất nhiều cách để các cơ quan quản lý tăng tính minh bạch của quy định pháp luật.

## 6. CHI PHÍ TUÂN THỦ

Chỉ nên đặt ra một nghĩa vụ pháp lý mới đối với người dân và doanh nghiệp khi Nhà nước có thể chứng minh rõ ràng rằng, tổng chi phí để tuân thủ quy định đó thấp hơn rất nhiều so với lợi ích xã hội thu được

Chi phí tuân thủ là tổng các chi phí về tiền bạc, thời gian, công sức, cơ hội và cả những rủi ro mà tất cả các đối tượng chịu tác động gồm doanh nghiệp và người dân phải bỏ ra để tuân thủ quy định. Một quy định pháp luật tốt là quy định mà chi phí tuân thủ của doanh nghiệp và người dân là thấp nhất có thể.

Việc đánh giá quy định pháp luật dựa trên yếu tố chi phí tuân thủ được áp dụng khá phổ biến tại nhiều quốc gia phát triển. Tại Việt Nam, phương pháp này đã được áp dụng khi đánh giá tác động của thủ tục hành chính và đã mang lại nhiều kết quả tích cực.

### Quy định giúp tiết kiệm chi phí tuân thủ

Rất nhiều quy định được đề cử tốt do đã giúp tiết kiệm rất nhiều chi phí xã hội để tuân thủ chúng. Ví dụ như việc bãi bỏ quy định "*Tổ chức, cá nhân kinh doanh bất động sản phải bán nhà, công trình xây dựng thông qua sàn giao dịch bất động sản*" tại khoản 2 Điều 22 Luật kinh doanh bất động sản 2006 đã giúp tiết giảm rất nhiều chi phí không cần thiết. Trước đây, khi có quy định này, nhiều trường hợp bên mua nhà và bên bán nhà đã đạt được thỏa thuận với nhau, nhưng vẫn phải cùng nhau đến một sàn giao dịch bất động sản để làm thủ tục. Những trường hợp này, sàn giao dịch bất động sản không tạo ra bất kỳ một giá trị gia tăng nào (không thực hiện dịch vụ môi giới) nhưng vẫn hưởng phí. Với số lượng rất lớn các giao dịch bất động sản thì việc bãi bỏ quy định này giúp tiết kiệm rất nhiều chi phí xã hội.

Một ví dụ khác cũng được đánh giá rất cao là quy định giảm điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông tại khoản 1 Điều 141 của Luật doanh nghiệp 2014. Trước đây, theo Luật doanh nghiệp 2005, điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông lần đầu là 65% cổ phần và lần thứ hai là 51% cổ phần. Điều này khiến cho rất nhiều doanh nghiệp buộc phải tổ chức họp đại hội đồng cổ đông nhiều lần để đáp ứng quy định, mỗi lần họp phải bỏ rất nhiều chi phí đi lại, thuê địa điểm và thời gian của các cổ đông. Quy định mới cho phép tiến hành họp đại hội đồng cổ đông lần đầu chỉ cần 51% cổ phần và lần thứ hai là 33%, phù hợp với thông lệ quốc tế.

### Quy định cắt giảm thủ tục hành chính đối với sự việc có quy mô nhỏ

Một trong số những quy định cắt giảm thủ tục hành chính đối với sự việc có quy mô nhỏ là việc giảm tần suất kê khai thuế, từ kê khai theo tháng sang kê khai theo quý đối với doanh nghiệp có doanh thu năm liền trước từ 20 tỷ đến 50 tỷ đồng tại khoản 3 Điều 4 Nghị định 91/2014/NĐ-CP. Theo ước tính, quy định này giúp tiết giảm hơn một nửa công sức làm thủ tục thuế của gần 350.000 doanh nghiệp của Việt Nam, quy đổi công sức lao động tương ứng hơn 365 tỷ đồng/năm<sup>13</sup>.

<sup>13</sup> <http://www.baohaiquan.vn/Pages/Giam-tan-suat-ke-khai-nop-thue.aspx>

Tương tự, một quy định khác cũng giúp cắt giảm thủ tục hành chính đối với các trường hợp có quy mô nhỏ, nguy cơ hoặc tác động xã hội không đáng kể như quy định tại điểm e khoản 1 Điều 89 của Luật xây dựng 2014 đã bỏ thủ tục xin cấp giấy phép xây dựng đối với nhà ở thuộc dự án phát triển đô thị, dự án phát triển nhà có quy mô dưới 7 tầng và tổng diện tích sàn dưới 500m<sup>2</sup> có quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt. Việc bỏ quy định này giúp giảm chi phí tuân thủ của xã hội trong các trường hợp mà nguy cơ mất an toàn cho xã hội không quá lớn.

### Quy định rút ngắn thời gian và thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính

Quy định đăng ký hợp tác xã tại Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cải tiến đáng kể thủ tục hành chính, giúp giảm chi phí tuân thủ không cần thiết. Trong gần 10 năm, từ 2005 đến 2014, việc đăng ký thành lập hợp tác xã tại Việt Nam được thực hiện theo Thông tư 05/2005/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Các quy định về thủ tục đăng ký và nghĩa vụ báo cáo của các hợp tác xã nhìn chung khá nhiều nề, ví dụ như: (1) Yêu cầu hợp tác xã phải có biểu tượng (logo) và phải làm thủ tục đăng ký logo; (2) Cơ quan nhà nước sẽ gửi công văn khắp nơi để lấy ý kiến về tên hợp tác xã đăng ký. Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT đã bãi bỏ các quy định này, như vậy thủ tục đăng ký hợp tác xã trở nên đơn giản, tiệm cận với thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

### Quy định gây chi phí xã hội không đáng có

Ở phía ngược lại, cũng không ít quy định bị đề cử kém vì đã gây ra những chi phí xã hội không đáng có.

Quy định tại mục 2.2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 47/2011/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường là một ví dụ về sự lãng phí nguồn lực xã hội do chi phí tuân thủ quá cao. Quy định này yêu cầu nước thải ngành chăn nuôi phải kiểm tra 33 thông số tương tự như nước thải công nghiệp và trong trường hợp đáp ứng loại A thì chất lượng nước tương đương với nước sinh hoạt. Quy định này gây lãng phí bởi hai lý do: *Thứ nhất*, việc yêu cầu phải kiểm nghiệm cả 33 thông số (bao gồm cả những chỉ tiêu về kim loại, phóng xạ...) gây tốn kém trong khi nước thải chăn nuôi không có những chất này; *Thứ hai*, nước thải chăn nuôi có thể được sử dụng rất tốt cho cây trồng nên việc yêu cầu bắt buộc xử lý quá sạch sẽ gây lãng phí. Quy chuẩn này cao hơn rất nhiều so với các nước trong khu vực như Thái Lan, thậm chí cao hơn chỉ tiêu nước thải của Nhật Bản.<sup>14</sup>

### Quy định có chi phí tuân thủ cao do số lượng đối tượng tác động lớn

Nếu coi chi phí tuân thủ của quy định nêu trong ví dụ trên có giá trị lớn rơi vào một số ít đối tượng tác động, thì chi phí tuân thủ của nhiều quy định khác lại là tổng hợp những chi phí rất nhỏ của hàng triệu đối tượng. Ví dụ, chi phí tuân thủ quy định phải trang bị bình chữa cháy cho xe ô tô tại Thông tư 57/2015/TT-BCA của Bộ Công an lên rất cao. Ước tính với 3,5 triệu ô tô dưới 9 chỗ ngồi, mỗi ô tô phải trang bị bình chữa cháy có tem kiểm định cùng với dây cố định với giá trị trên dưới 300 ngàn đồng và có hạn sử dụng trong 5 năm thì để tuân thủ quy định này chi phí xã hội phải bỏ ra lên đến khoảng 210 tỷ đồng mỗi năm. Đó là chưa kể đến chi phí thời gian, công sức mua và lắp đặt bình cứu hỏa của người dân và chi phí kiểm tra, giám sát của các lực lượng chức năng. Như vậy, tổng chi phí xã hội phải bỏ ra ở đây là rất lớn, trong khi hiệu quả của chính sách thì chưa được thuyết minh rõ ràng.

<sup>14</sup> <http://www.24h.com.vn/thi-truong-tieu-dung/nuoc-thai-chan-nuoi-phai-dat-chuan-nguoi-cung-uong-duoc-c52a713067.html>

Một quy định khác cũng gây chi phí tuân thủ rất lớn là vấn đề "Giấy vàng - Giấy trắng"<sup>15</sup> trong đăng ký doanh nghiệp. Khoản 2 Điều 49 và các Điều 50, 51, 52, 53, 54 của Nghị định 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp có quy định về việc Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp nếu có nhu cầu. Việc bỏ ghi ngành nghề trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là một bước tiến lớn của Luật doanh nghiệp năm 2014. Tuy nhiên, việc cấp thêm Giấy xác nhận này tạo thêm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, gây tốn kém chi phí tuân thủ. Mặc dù quy định này chỉ áp dụng khi "doanh nghiệp có nhu cầu", nhưng doanh nghiệp nào cũng sẽ xin giấy này để tạo cảm giác "yên tâm", đặc biệt là để sử dụng làm các thủ tục hành chính khác với cơ quan nhà nước.

### Kết luận và kiến nghị

Phương pháp chi phí tuân thủ có ý nghĩa rất lớn trong giai đoạn soạn thảo chính sách và nên được áp dụng rộng rãi khi xây dựng pháp luật tại Việt Nam. Phương pháp này đòi hỏi nhà làm luật phải tính toán chi phí tuân thủ phải bỏ ra và lợi ích xã hội thu được của các phương án chính sách khác nhau, để từ đó lựa chọn một phương án tối ưu. Theo đó, cơ quan nhà nước chỉ nên đặt ra một nghĩa vụ pháp lý mới đối với người dân và doanh nghiệp khi có thể chứng minh rõ ràng rằng, lợi ích thu được từ quy định lớn hơn rất nhiều so với chi phí Nhà nước và xã hội phải bỏ ra để tuân thủ.<sup>16</sup>

<sup>15</sup> Giấy vàng là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy trắng là Giấy xác nhận nội dung đăng ký kinh doanh

<sup>16</sup> Mặc dù rất hiệu quả, song việc áp dụng phương pháp chi phí tuân thủ cũng cần được cân nhắc một cách thận trọng khi quy định được đưa ra có nguy cơ xâm phạm các quyền tự do cơ bản của con người, công dân. Theo đó, kể cả trong trường hợp đã chứng minh được lợi ích thu được lớn hơn chi phí tuân thủ, nhưng nếu quy định được đề xuất lại có nguy cơ xâm phạm các quyền tự do cơ bản của con người, công dân thì cũng không thể sử dụng phương pháp này,



## 7. QUYỀN TỰ DO KINH DOANH

Quyền tự do kinh doanh **chỉ** nên bị hạn chế “trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng”

Quyền tự do kinh doanh bao gồm quyền ra các quyết định đầu tư, lựa chọn ngành nghề, địa bàn, quy mô, hình thức kinh doanh, tự do hợp đồng, lựa chọn đối tác, tự chủ điều hành nội bộ, thuê mướn lao động... Quy định tốt là quy định không hạn chế các quyền trên hoặc chỉ hạn chế “trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng”.

Tự do kinh doanh là một quyền hiến định, “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm.” (Điều 33 Hiến pháp 2013). Điều 7 của Luật doanh nghiệp 2014 xác định nội hàm của quyền tự do kinh doanh là quyền tự do trong lựa chọn, quyết định (1) ngành nghề kinh doanh; (2) hình thức tổ chức kinh doanh; (3) địa bàn kinh doanh; (4) quy mô kinh doanh; (5) hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn; (6) lựa chọn thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng; (7) xuất khẩu, nhập khẩu; (8) sử dụng lao động; (9) ứng dụng khoa học và công nghệ; (10) chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản.

Mặc dù vậy, quyền tự do kinh doanh không phải là vô tận, mà vẫn bị hạn chế trong một số trường hợp. Khoản 2 Điều 14 của Hiến pháp cũng như khoản 1 Điều 7 của Luật đầu tư cho phép hạn chế quyền tự do kinh doanh **chỉ** “trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng”. Nói cách khác, Nhà nước có thể ban hành quy định hạn chế, can thiệp vào quyền tự do kinh doanh trong những trường hợp nhất định được nêu ở trên.

### Quy định can thiệp vào quyền tổ chức nội bộ của doanh nghiệp

Luật doanh nghiệp năm 2005 có quy định cấm một cá nhân đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của nhiều công ty khoản 2 Điều 116. Quy định này đã can thiệp sâu vào quyền tổ chức nội bộ của các doanh nghiệp. Việc một cá nhân làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của nhiều công ty không ảnh hưởng đến lợi ích của xã hội hay của các chủ thể khác. Trong trường hợp cá nhân đó không đủ năng lực để điều hành nhiều doanh nghiệp cùng một lúc thì những thành viên, cổ đông của các doanh nghiệp đó tự quyết định việc cử người khác thay thế mà không cần có sự can thiệp của Nhà nước. Do đó, việc Luật doanh nghiệp 2014 bỏ quy định hạn chế này đã được nhiều doanh nghiệp đánh giá cao.

Rất nhiều vấn đề mang tính nội bộ của doanh nghiệp, Nhà nước thực sự không nên can thiệp. Ví dụ, quy định tại khoản 6 Điều 10 của Nghị định 30/2014/NĐ-CP về việc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển phải có “cán bộ chuyên trách thực hiện pháp chế doanh nghiệp” có bằng đại học chuyên ngành luật và có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực pháp luật tối thiểu 02 năm đã can thiệp rất sâu vào công việc nội bộ của một doanh nghiệp. Quy định này đã can thiệp vào quyền tự quyết của doanh nghiệp trong việc sử dụng dịch vụ pháp lý theo hai hình thức (1) thuê mướn lao động hoặc (2) sử dụng dịch vụ tư vấn bên ngoài. Mỗi hình thức có ưu nhược điểm khác nhau và nên để doanh nghiệp tự lựa chọn phù hợp với nhu cầu và đặc thù của doanh nghiệp mình. Đối với những doanh nghiệp có nhu cầu

tư vấn pháp lý ít, không thường xuyên thì việc duy trì một nhân viên pháp chế sẽ là không cần thiết. Hơn nữa, trong trường hợp có sai sót về nội dung tư vấn thì nhân viên pháp chế chỉ phải chịu trách nhiệm rất hạn chế theo quy định của hợp đồng hoặc pháp luật lao động, trong khi công ty cung cấp dịch vụ tư vấn phải chịu trách nhiệm trên toàn bộ thiệt hại phát sinh. Đây chính là lý do nhiều doanh nghiệp chấp nhận sử dụng dịch vụ tư vấn bên ngoài, dù chi phí có thể lớn hơn.

Cũng tại Nghị định 60/2014/NĐ-CP, điểm e khoản 1 Điều 11 có yêu cầu người đứng đầu cơ sở in phải có bằng cao đẳng ngành in. Quy định này đã can thiệp quá sâu vào quyền lựa chọn người điều hành của doanh nghiệp. Các cổ đông, thành viên góp vốn sẽ tự biết lựa chọn người phù hợp nhất làm người đứng đầu doanh nghiệp của mình, dựa trên rất nhiều yếu tố, trong đó có cả trình độ, kiến thức chuyên môn. Bằng cấp không nhất thiết thể hiện trình độ điều hành doanh nghiệp tốt và tuân thủ pháp luật nghiêm túc, ngay trong ngành in có nhiều doanh nhân không có bằng cấp liên quan nhưng kinh doanh rất bài bản và thành công, ngược lại có trường hợp có bằng tiến sỹ ngành in nhưng vẫn thất bại và thua lỗ<sup>17</sup>. Việc Nhà nước đặt ra quy định bắt buộc như vậy thể hiện tư duy "lo hộ, nghĩ hộ" cho doanh nghiệp, can thiệp vào quyền tự do, tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp.

Cũng có ý kiến cho rằng việc yêu cầu người đứng đầu có bằng cấp chuyên môn trong lĩnh vực kinh doanh đã được quy định tại nhiều lĩnh vực khác như luật sư, kiểm toán độc lập, công chứng, thẩm định giá. Tuy nhiên, cần nhìn nhận sự khác biệt căn bản giữa các lĩnh vực dịch vụ này. Bốn loại dịch vụ này có điểm đặc thù là người cung cấp dịch vụ không chỉ chịu trách nhiệm đối với người sử dụng dịch vụ mà còn chịu trách nhiệm đối với bên thứ ba. Cụ thể, công ty luật có quyền đại diện cho thân chủ tham gia giao dịch với bên thứ ba, báo cáo kiểm toán độc lập là căn cứ để nhà đầu tư tin tưởng báo cáo tài chính của doanh nghiệp, văn bản công chứng là căn cứ để bên thứ ba tin tưởng vào hiệu lực của hợp đồng, còn chứng thư thẩm định giá là căn cứ để bên thứ ba mua bán hàng hóa. Người thực hiện giao dịch hay ký các văn bản này là người đứng đầu doanh nghiệp, do đó, người đứng đầu cần có năng lực chuyên môn để bảo vệ quyền lợi của bên thứ ba. Ngược lại, đối với các dịch vụ không có đặc điểm này thì việc yêu cầu người đứng đầu phải có bằng cấp chuyên môn là không cần thiết.

<sup>17</sup> Thông tin tại hội thảo đối thoại với doanh nghiệp ngành in do VCCI và Hiệp hội In Việt Nam tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 8/10/2014

### Quy định ngăn cản quyền tự do giao kết hợp đồng

Một quy định khác cũng được coi là can thiệp sâu vào quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp nằm tại điểm c khoản 3 Điều 24 của Nghị định 60/2014/NĐ-CP cấm các cơ sở in không được hợp tác với các cơ sở in khác để thực hiện chế bản, in, gia công sau in đối với sản phẩm in do mình đã nhận hợp tác. Quy định này bị cho là đã can thiệp bất hợp lý vào quyền tự do kinh doanh, cụ thể là quyền giao kết hợp đồng, bởi nhiều lý do:

- *Thứ nhất*, không có sự liên hệ trực tiếp giữa việc hợp tác giữa các cơ sở in với các lợi ích về quốc phòng, an ninh, an toàn, trật tự, sức khỏe, đạo đức, môi trường đến mức cần phải ngăn cấm;
- *Thứ hai*, kể cả trường hợp việc hợp tác khiến đơn hàng không được thực hiện đúng như cam kết thì đây cũng chỉ là vấn đề dân sự, nên được giải quyết bằng các biện pháp dân sự, không nên có sự can thiệp của hành chính nhà nước;
- *Thứ ba*, việc hợp tác giữa các doanh nghiệp để tận dụng lợi thế, tận dụng các nguồn lực dư thừa, nhân rồi là bình thường. Ví dụ, nếu một doanh nghiệp có máy móc, nhân lực dư thừa cho doanh nghiệp khác thuê mượn, hoặc phối hợp với nhau thì sẽ đỡ lãng phí;
- *Thứ tư*, việc ngăn cấm hợp tác giữa các cơ sở in với nhau, kể cả giữa công ty mẹ và công ty con sẽ làm giảm tính linh hoạt của việc tổ chức sản xuất, kinh doanh. Quy định này cản trở các doanh nghiệp thành lập các công ty con để tiếp cận thị trường mới, hoặc thử nghiệm các phương án kinh doanh mới, từ đó, làm giảm cơ hội đổi mới, sáng tạo của doanh nghiệp.

### Kết luận và kiến nghị

Trong quá trình xây dựng pháp luật, đơn vị soạn thảo cần hạn chế đưa ra các quy định can thiệp sâu vào quyền tự quyết của doanh nghiệp, đặc biệt là các vấn đề về tổ chức nội bộ và giao kết hợp đồng. Trong trường hợp buộc phải đưa ra các quy định vi phạm quyền tự do kinh doanh như vậy, đơn vị soạn thảo phải thuyết minh rất rõ về việc "không còn sự lựa chọn nào khác" nhằm bảo vệ các lợi ích công cộng.

## 8. THÚC ĐẨY CẠNH TRANH

### Cạnh tranh là bản chất của kinh tế thị trường

Quy định pháp luật về kinh doanh nên thúc đẩy cạnh tranh hoặc ít nhất không làm giảm tính cạnh tranh trên thị trường, không tạo cơ hội cho độc quyền hoặc thống lĩnh, hoặc phân biệt đối xử một cách vô lý giữa các đối thủ cạnh tranh. Các quy định tốt là những quy định không làm giảm cơ hội lựa chọn của khách hàng, không làm tăng giá và giảm hiệu quả, năng suất chung của nền kinh tế.

Cạnh tranh là nền tảng cho sự vận hành và phát triển nền kinh tế thị trường đúng nghĩa. Điều này không chỉ là lý thuyết kinh tế mà đã được chứng minh rất thuyết phục trong thực tiễn xây dựng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam. Rất nhiều ngành nghề kinh tế đã có sự phát triển vượt bậc trong thời gian ngắn khi có sự xuất hiện của doanh nghiệp mới cạnh tranh trên thị trường, như viễn thông, hàng không... Đáng tiếc rằng có không ít quy định của pháp luật lại có tác động hạn chế mức độ cạnh tranh của thị trường. Điều này là do hiếm khi cơ quan soạn thảo của Việt Nam chú ý đánh giá tác động của quy định đối với môi trường cạnh tranh, trong khi rất nhiều các tiêu chuẩn đánh giá chính sách kinh tế trên thế giới đều có yếu tố này. Chính vì vậy, thúc đẩy cạnh tranh đã được đưa vào thành một trong những tiêu chí để đánh giá một quy định pháp luật có liên quan đến kinh doanh.

### Quy định đặt các doanh nghiệp vào vị trí cạnh tranh với nhau

Một trong những quy định được đánh giá rất cao về việc thúc đẩy cạnh tranh là việc cho phép mở thông tuyến khám chữa bệnh có bảo hiểm y tế tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế năm 2014. Người dân khám chữa bệnh tại các bệnh viện cùng tuyến trên địa bàn toàn tỉnh được bảo hiểm y tế chi trả 100%, thay vì mức 70% như trước đây. Các bệnh viện tư nhân cũng sẽ được xếp hạng để tương ứng với các tuyến và được bảo hiểm y tế chi trả. Trước tiên, quy định này tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người tham gia bảo hiểm y tế. Nhưng yếu tố quan trọng nhất khiến quy định này được đánh giá cao chính là việc làm tăng tính cạnh tranh trên thị trường dịch vụ khám chữa bệnh, tạo động lực để các cơ sở y tế cả công lập và tư nhân nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm thu hút người bệnh.

Một quy định khác cũng được đánh giá cao về tính cạnh tranh là điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư 194/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính về kinh doanh bảo hiểm. Trước khi có Thông tư 194/2014/TT-BTC, các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm chỉ được phép mở tối đa 20 chi nhánh và văn phòng đại diện trên phạm vi toàn quốc. Việc hạn chế số lượng chi nhánh và văn phòng đại diện sẽ dẫn đến tình trạng "phân chia địa bàn" giữa các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, làm giảm tính cạnh tranh, giảm cơ hội lựa chọn, tiếp cận dịch vụ tốt hơn cho người tiêu dùng.

### Quy định tạo cơ chế độc quyền cho một hoặc một số doanh nghiệp

Cạnh tranh lành mạnh là việc doanh nghiệp giảm giá bán, nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ hay bổ sung thêm các dịch vụ hậu mãi, đi kèm bán hàng... Còn cạnh tranh không lành mạnh là các hành vi gièm pha đối thủ, lừa dối hoặc không thực hiện cam kết với người tiêu dùng, cắt giảm chi phí về an toàn, chi phí bảo vệ môi trường... Nhà nước nên khuyến khích cạnh tranh lành mạnh và trừng phạt

cạnh tranh không lành mạnh. Tuy nhiên, có một thực tế là khi nhà làm luật nhìn thấy hiện tượng các doanh nghiệp cạnh tranh không lành mạnh thì ban hành quy định cấm cạnh tranh hoặc hạn chế cạnh tranh. Rất nhiều quy định được đề cử kém cho thấy điều này.

Điển hình là quy định tại Thông tư 20/2011/TT-BCT của Bộ Công Thương về nhập khẩu xe ô tô. Xuất phát từ hiện tượng có một số doanh nghiệp nhập khẩu ô tô có các hành vi cạnh tranh không lành mạnh như cam kết bảo hành nhưng không thực hiện bảo hành cho người mua xe, khiến xe bị hỏng hóc, gây nguy cơ tai nạn, nhà làm luật đã ban hành quy định yêu cầu doanh nghiệp nhập khẩu ô tô phải có giấy ủy quyền của nhà sản xuất tại nước ngoài. Nhằm tối đa hóa lợi nhuận, nhiều hãng sản xuất ô tô lớn trên thế giới thường chỉ cấp một giấy ủy quyền cho một doanh nghiệp tại Việt Nam. Điều này dẫn đến tình trạng độc quyền, không có cạnh tranh trong việc cung ứng xe ô tô trên thị trường Việt Nam. Đáng ra, nhà làm luật chỉ nên xây dựng quy định sao cho vẫn bảo đảm chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh (ví dụ yêu cầu doanh nghiệp nhập khẩu xe ô tô phải mua bảo hiểm trách nhiệm bảo hành xe) mà vẫn không cấm đoán cạnh tranh lành mạnh.

### Quy định về điều kiện kinh doanh phân biệt quy mô

Quy định số lượng xe tối thiểu trong lĩnh vực vận tải hành khách bằng ô tô tại Nghị định 86/2013/NĐ-CP cũng được nhiều đề cử đánh giá là làm giảm tính cạnh tranh trên thị trường. Cụ thể, đối với xe khách doanh nghiệp phải có từ 20 xe, 10 xe, 5 xe trở lên tùy vào nơi đặt trụ sở tại thành phố, các tỉnh hay huyện nghèo; đối với taxi là từ 50 xe trở lên đối với đô thị lớn. Tương tự như trên, yêu cầu về quy mô tối thiểu của doanh nghiệp không liên quan đến vấn đề an toàn giao thông – vấn đề cốt lõi cần quản lý trong lĩnh vực vận tải hành khách bằng ô tô. Trong khi đó, hiện chưa có khảo sát hoặc bằng chứng có tính thuyết phục nào chứng minh doanh nghiệp quy mô lớn thì ít gây tai nạn hơn doanh nghiệp quy mô nhỏ, ít xe hơn.

Sự tồn tại của các quy định phân biệt quy mô như vậy rất dễ dẫn đến tình trạng độc quyền hoặc thỏa thuận hạn chế cạnh tranh (hay còn gọi là cartel). Nếu chỉ có một vài doanh nghiệp đáp ứng được quy mô lớn như vậy thì các doanh nghiệp này rất dễ bắt tay với nhau để tăng giá nhằm thu lợi. Nếu không có quy định yêu cầu quy mô lớn, một doanh nghiệp mới thành lập nằm ngoài cartel sẽ dễ dàng cung ứng dịch vụ với giá thấp hơn, nhằm thu hút khách hàng, nhanh chóng phát triển. Các quy định về điều kiện kinh doanh phân biệt quy mô như vậy khiến các doanh nghiệp trong cartel không phải đối mặt với những doanh nghiệp mới thành lập, nên cartel trở nên rất bền vững.

### Quy định khiến các doanh nghiệp phân chia thị trường

Một ví dụ khác được đề cử là quy định mỗi doanh nghiệp chỉ được đăng ký một hàm lượng hoạt chất cho mỗi dạng thành phẩm của thuốc bảo vệ thực vật tại điểm b khoản 5 Điều 5 của Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Quy định này làm giảm đáng kể chủng loại thuốc bảo vệ thực vật trên thị trường, giảm tính cạnh tranh của thị trường và giảm cơ hội lựa chọn của người tiêu dùng. Xuất phát từ việc một số doanh nghiệp đăng ký lưu hành thuốc bảo vệ thực vật có cùng hoạt chất nhưng khác nhau về hàm lượng, gây khó khăn cho người nông dân trong việc lựa chọn sản phẩm, cơ quan nhà nước đã đặt ra quy định này. Đáng lý ra, chỉ cần bổ sung các quy định về ghi nhãn, cung cấp thông tin thuốc cho người nông dân là đủ để giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, quy định này lại khiến cho các doanh nghiệp không thể đa dạng hóa sản phẩm, phù hợp với nhu cầu sử dụng của người mua nhằm phát huy hiệu quả diệt trừ sâu bệnh trong từng điều kiện khác nhau.

## Kết luận và kiến nghị

Việc đưa ra các quy định thúc đẩy cạnh tranh rất quan trọng trong nền kinh tế thị trường. Thay vì việc đặt ra những mệnh lệnh hành chính yêu cầu doanh nghiệp phải giảm giá hay nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ, trong nhiều trường hợp, Nhà nước chỉ cần đặt các doanh nghiệp vào vị thế phải cạnh tranh lành mạnh với nhau là đủ. Kể cả trong trường hợp có một hoặc một vài doanh nghiệp lớn vượt trội trên thị trường thì áp lực cạnh tranh từ các doanh nghiệp nhỏ hơn cũng sẽ khiến các doanh nghiệp lớn không thể đứng yên tại chỗ mà phải thường xuyên thay đổi, cải tiến để duy trì thị phần.

Mặc dù cạnh tranh có lợi như vậy, nhưng không phải doanh nghiệp nào cũng thích cạnh tranh. Trong quá trình xây dựng pháp luật, đôi khi chính những doanh nghiệp lại nêu ý kiến góp ý theo chiều hướng hạn chế cạnh tranh. Doanh nghiệp đó có thể đã muốn sử dụng quy định của pháp luật để loại bỏ đối thủ cạnh tranh nhằm duy trì và mở rộng thị phần của mình. Do đó, các đơn vị soạn thảo cần hết sức thận trọng khi xem xét, cân nhắc các ý kiến góp ý theo hướng hạn chế cạnh tranh của các doanh nghiệp.



## 9. KIỂM SOÁT NGUY CƠ NHỮNG NHIỀU

Kiên quyết, kiên trì xây dựng cơ chế phòng ngừa để không thể tham nhũng<sup>18</sup>

Quy định cần được xây dựng theo hướng hạn chế tối đa nguy cơ nảy sinh tham nhũng, tiêu cực trong quá trình thực thi. Điều này được thể hiện qua việc phân định rõ ràng về thẩm quyền, xác định rõ quyền và nghĩa vụ, trình tự thủ tục, tiền liệu và lấp đầy các kẽ hở có thể bị người thực thi lợi dụng để mưu lợi cá nhân.

Đây là một trong những tiêu chí mới trong đánh giá chất lượng quy định pháp luật. Trước đây tiêu chí này thường được xem xét trong khuôn khổ tiêu chí về tính minh bạch của quy định. Tuy nhiên, trước tình trạng các quy định pháp luật tạo cơ hội cho những nhiều ngày càng gia tăng, tiêu chí này đã được Nhóm Nghiên cứu tách riêng nhằm đánh giá tốt hơn về chất lượng của quy định pháp luật về vấn đề này.

Trên thực tế, nếu cán bộ thực thi công vụ hoàn toàn trong sạch, liêm chính, luôn đặt lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia lên trên hết thì dù pháp luật có kẽ hở thì cũng không phát sinh những nhiều, tiêu cực. Tuy nhiên, không phải lúc nào điều này cũng diễn ra. Do đó, trong vai trò của nhà làm luật thì cần thiết kể các quy định sao cho giảm thiểu tối đa các nguy cơ những nhiều của cán bộ thực thi.

### Quy định mang tính "Im lặng là đồng ý"

Hầu hết các thủ tục hành chính tại Việt Nam đều có quy định về thời hạn giải quyết. Hết thời hạn đó, cơ quan nhà nước phải có văn bản trả lời doanh nghiệp về việc chấp thuận hay không chấp thuận đơn đề nghị. Nếu hết thời hạn mà cơ quan nhà nước chưa trả lời thì doanh nghiệp và người dân có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện ra tòa hành chính. Tuy nhiên, trên thực tế, rất hiếm trường hợp doanh nghiệp và người dân sử dụng đến quyền này vì chi phí cơ hội quá lớn. Dẫn đến một thực tế là cơ quan nhà nước chậm trả lời thì người dân và doanh nghiệp thường vẫn cứ phải chờ đợi. Đây chính là cơ hội cho những nhiều, tiêu cực. Có một giải pháp khắc phục tình trạng này, đó là áp dụng nguyên tắc "im lặng là đồng ý" hay còn gọi là "tiếp cận phủ định". Theo đó, nếu cơ quan nhà nước chậm trả lời thì coi như chấp thuận đơn đề nghị của người dân và doanh nghiệp.

Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính (sửa đổi Thông tư 39/2014/TT-BTC) đã áp dụng nguyên tắc này. Theo đó, khi doanh nghiệp nộp đơn xin tự in hóa đơn, cơ quan thuế có 05 ngày để trả lời. Trường hợp sau 05 ngày làm việc cơ quan quản lý thuế trực tiếp không có ý kiến bằng văn bản thì doanh nghiệp được sử dụng hóa đơn tự in. Thủ trưởng cơ quan thuế phải chịu trách nhiệm về việc không có ý kiến bằng văn bản trả lời doanh nghiệp. Quy định này rất nhỏ, nhưng thể hiện một cách làm mới về quản lý nhà nước, làm giảm cơ hội cho tham nhũng.

Nếu nguyên tắc tương tự được áp dụng rộng rãi trong các thủ tục hành chính của Việt Nam sẽ là một bước đột phá trong bộ máy nhà nước. Ví dụ, quá thời hạn kiểm tra hải quan, kiểm tra chuyên ngành, nếu cơ quan nhà nước chưa có văn bản trả lời thì coi như hàng hóa của doanh nghiệp đáp ứng điều

<sup>18</sup> Trích Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc khóa XII

kiện nhập khẩu và được thông quan. Hay khi quá thời hạn ra kết luận thanh tra mà cơ quan nhà nước không có văn bản kết luận thì coi như doanh nghiệp không vi phạm. Hoặc trường hợp doanh nghiệp xin Giấy phép kinh doanh mà cơ quan nhà nước chậm trả lời, thì doanh nghiệp được quyền tiến hành hoạt động kinh doanh mà không phải đối mặt với nguy cơ bị xử phạt. Như vậy, các cán bộ nhà nước sẽ không còn cơ hội để cố ý kéo dài thời gian, chậm trễ trong việc thực hiện các thủ tục hành chính nhằm vùi vĩnh doanh nghiệp và người dân.

### Quy định theo chuẩn mực của một thủ tục hành chính

Điều 6 Nghị định 118/2015/NĐ-CP quy định về thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư đã đưa ra các nguyên tắc của một thủ tục hành chính và được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao. Ba nguyên tắc cơ bản bao gồm: (1) cơ quan nhà nước không được yêu cầu thêm thành phần hồ sơ so với quy định tại Nghị định; (2) trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan nhà nước chỉ được yêu cầu bổ sung hồ sơ một lần; (3) các cơ quan được lấy ý kiến về dự án đầu tư đó mà không trả lời trong thời hạn xác định thì coi như đồng ý. Các quy định này đều nhằm hạn chế nguy cơ những nhiễu của cán bộ thực thi. Các nguyên tắc này đã được quy định tại Nghị định 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát thủ tục hành chính, tuy nhiên, việc nhắc lại các nguyên tắc này trong từng thủ tục hành chính cụ thể vẫn làm tăng tính minh bạch trong quản lý nhà nước.

Mặc dù Nghị định 63/2010/NĐ-CP đã có quy định chặt chẽ về quy trình xây dựng quy định pháp luật về các thủ tục hành chính và đã có Cục kiểm soát thủ tục hành chính gác cửa vấn đề này, trên thực tế tình trạng vi phạm các chuẩn mực này vẫn diễn ra.

Quay trở lại quy định về cấp phép nhập khẩu máy móc, thiết bị gia công sau in tại Điều 27 của Nghị định 60/2014/NĐ-CP. Thủ tục hành chính này không có quy định về tiêu chí xét duyệt hồ sơ khiến doanh nghiệp không thể tiên liệu được rằng thiết bị của mình có được phép nhập khẩu hay không mà điều này phụ thuộc hoàn toàn vào ý chí chủ quan của cán bộ thực thi. Quy định này tạo kẽ hở cho những hành vi nhũng nhiễu từ phía cán bộ quản lý.

### Quy định có sự xung đột lợi ích

Quy định yêu cầu người đứng đầu cơ sở in phải có trình độ cao đẳng trở lên về chuyên ngành in hoặc được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in tại Điều 11 của Nghị định 60/2014/NĐ-CP có dấu hiệu xung đột lợi ích. Do năng lực của các cơ sở đào tạo cao đẳng ngành in không đáp ứng được nhu cầu nên hầu hết lãnh đạo các doanh nghiệp in phải xin cấp Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in. Để được cấp giấy này, lãnh đạo doanh nghiệp phải tham gia một khóa học kéo dài bốn ngày với chi phí 5 triệu đồng<sup>19</sup>. Cơ quan nhà nước vừa có chức năng quản lý hành chính về hoạt động in nhưng đồng thời lại cấp Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ in và có thu phí. Như vậy, ở đây có sự xung đột lợi ích của cùng một chủ thể, tạo nguy cơ những nhiễu, tiêu cực.

<sup>19</sup> <http://www.thesaigontimes.vn/145872/Doanh-nghiep-in-gong-minh-voi-giay-phep-con.html>

Kết luận và kiến nghị

Các ví dụ trên cho thấy, việc kiểm soát nguy cơ những nhiễu, tiêu cực ngay trong quá trình xây dựng pháp luật là hoàn toàn có thể thực hiện được thông qua các quy định chặt chẽ, không tạo cơ hội cho sự tùy tiện, và tránh những quy định tạo ra sự xung đột lợi ích của chủ thể quản lý nhà nước.

Muốn kiểm soát tốt nguy cơ những nhiễu trong các quy định của pháp luật đòi hỏi có một cơ chế độc lập trong xây dựng pháp luật. Trong trường hợp các cơ quan soạn thảo pháp luật cũng đồng thời là cơ quan có cơ hội thực hiện các hành vi những nhiễu tiêu cực thì việc loại bỏ các quy định kém chất lượng như vậy đòi hỏi phải có một bên khác độc lập tham gia. Hiện nay, cơ chế này đang được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo giao cho Bộ Tư pháp với chức năng "gác cửa" thẩm định các văn bản pháp luật<sup>20</sup>. Trong thời gian tới, cần có những nghiên cứu sâu hơn và hướng dẫn chi tiết hơn để Bộ Tư pháp có thể thực hiện được đầy đủ chức năng này.

<sup>20</sup> <http://www.thesaigontimes.vn/155294/Thu-tuong-Khong-duoc-cai-cam-vao-luat-noi-dung-vi-mot-nhom-nguoi.html>



## 10. THỜI ĐIỂM BAN HÀNH/ CÓ HIỆU LỰC

Thời điểm ban hành/có hiệu lực cũng là một yếu tố quan trọng giúp đánh giá các quy định pháp luật. Các quy định pháp luật cần được ban hành kịp thời nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, đặc biệt là các văn bản quy định chi tiết văn bản cấp trên, bên cạnh đó cũng cần có thời gian để các đối tượng tác động chuẩn bị thi hành và không gây mất ổn định cho môi trường kinh doanh.

Tiêu chí thứ 10 là Thời điểm ban hành, có hiệu lực của quy định. Đây là một tiêu chí mới, lần đầu tiên được sử dụng để đánh giá chất lượng quy định pháp luật. Qua quá trình tham gia xây dựng pháp luật, cộng đồng doanh nghiệp nhận thấy nhiều quy định có nội dung tốt, nhưng thời điểm ban hành, có hiệu lực không bảo đảm, gây ảnh hưởng rất lớn đến quyền lợi của doanh nghiệp. Ví dụ, nhiều văn bản chậm ban hành để hướng dẫn các quy định tiến bộ của Luật, khiến doanh nghiệp chậm được hưởng quyền. Theo thống kê, trong bốn năm từ 2012 đến 2015, chỉ có 5,47% các văn bản pháp luật được ban hành đúng tiến độ<sup>21</sup>. Một số văn bản lại quy định hồi tố, quy định trách nhiệm của doanh nghiệp. Một số văn bản khác lại có yêu cầu thực hiện quá nhanh, khiến doanh nghiệp không đủ thời gian chuẩn bị, hoặc có nhiều quy định thay đổi liên tục, khiến doanh nghiệp gặp rủi ro kinh doanh.

### Quy định chậm được ban hành để đáp ứng nhu cầu thực tiễn

Trở lại ví dụ về quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp tại Thông tư 47/2011/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định này gây khó khăn cho các doanh nghiệp một phần vì sự chậm trễ của việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải riêng cho ngành chăn nuôi. Về nguyên tắc, cơ quan nhà nước sẽ ban hành Quy chuẩn kỹ thuật nước thải riêng cho từng ngành kinh tế, đối với những ngành chưa có Quy chuẩn riêng thì áp dụng Quy chuẩn chung về nước thải công nghiệp tại Thông tư 47/2011/TT-BTNMT. Nước thải chăn nuôi có đặc điểm rất khác so với nước thải công nghiệp mà phải áp dụng quy chuẩn nước thải công nghiệp là không hợp lý. Đầu năm 2016, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành quy chuẩn nước thải riêng cho ngành chăn nuôi tại QCVN62-MT:2016/BTNMT ban hành theo Thông tư 04/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Về quy định bãi bỏ trần chi phí quảng cáo tại điểm m khoản 2 Điều 9, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2014, mặc dù được đánh giá là một quy định tốt, song cộng đồng doanh nghiệp cũng cho rằng điều này được thực hiện quá chậm trễ. Các kiến nghị đề xuất bãi bỏ đã được nhiều doanh nghiệp gửi đến cơ quan soạn thảo từ nhiều năm trước đó.

<sup>21</sup> Báo cáo đánh giá thực trạng và tác động của việc ban hành văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh trong khuôn khổ Dự án Quản trị nhà nước nhằm tăng trưởng toàn diện (GIG) tháng 11/2015. Năm 2012, không có văn bản quy định chi tiết nào được ban hành có hiệu lực cùng thời điểm với luật, pháp lệnh, trong khi cần có 22 văn bản hướng dẫn phải ra đời. Năm 2013 chỉ có 6/194 văn bản có hiệu lực cùng thời điểm với luật, pháp lệnh (đạt 3,09%). Năm 2014 có 7/108 văn bản có hiệu lực cùng thời điểm (6,48%). Năm 2015 có 14/156 văn bản được ban hành kịp thời (đạt 8,97%). Xem tại <http://www.thesaigontimes.vn/139017/luat-chu-yeu-de-treo.html>

### Quy định chậm ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm với văn bản cấp trên

Một số văn bản bị để cử kém vì lý do chậm ban hành, như Nghị định 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp chậm 4 tháng, Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính về thủ tục kê khai giá chậm 4 tháng, Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về thuốc bảo vệ thực vật chậm 8 tháng, Thông tư 10/2014/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về đặt tên doanh nghiệp chậm 4 năm. Đặc biệt, đối với hai văn bản là Nghị định 78/2015/NĐ-CP và Thông tư 10/2014/TT-BVHTTDL, việc chậm ban hành đã gây tác động lớn đến cộng đồng doanh nghiệp.

### Quy định mang tính hồi tố

Quy định về đặt tên văn phòng công chứng theo quy định của Luật công chứng 2014 có sự thay đổi theo hướng siết chặt hơn với Luật công chứng năm 2005. Đáng ra, quy định mới này không nên được áp dụng hồi tố cho các văn phòng công chứng đã thành lập trước ngày luật có hiệu lực, ngày 01/01/2015. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 79 của Luật công chứng yêu cầu các văn phòng thành lập trước ngày 01/01/2015 phải tiến hành đổi tên cho phù hợp với luật mới khi văn phòng đó thay đổi trụ sở. Việc đổi tên một văn phòng công chứng có ảnh hưởng rất lớn đến các văn phòng công chứng đã thành lập vì tên gọi gắn liền với thương hiệu, là một dạng tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

### Kết luận và kiến nghị

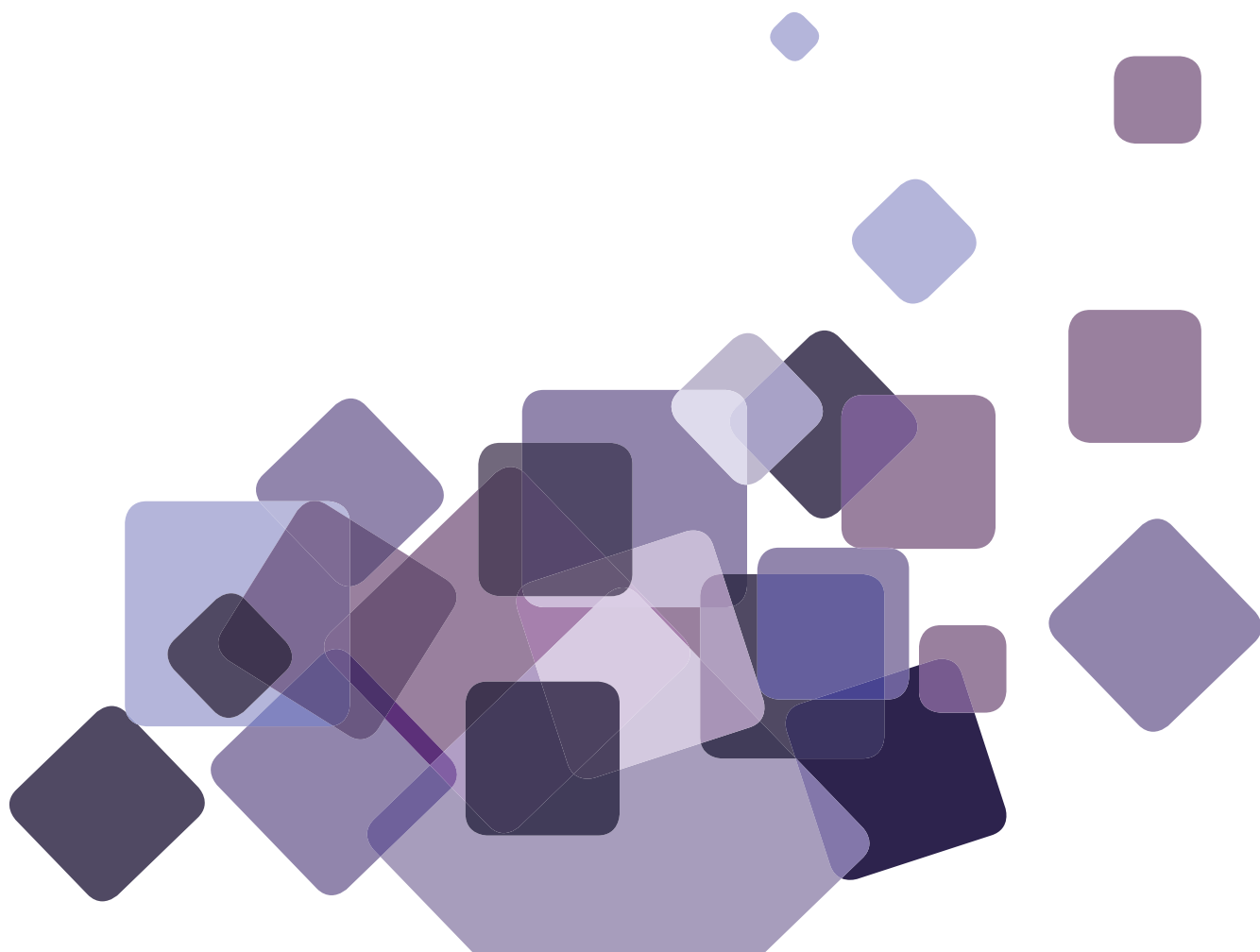
Việc cân nhắc về thời điểm ban hành, thời điểm có hiệu lực của văn pháp luật mang nhiều ý nghĩa quan trọng. Điều này không chỉ nhằm tuân thủ các quy định trong Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật mà còn có ý nghĩa thực tiễn trong quá trình áp dụng pháp luật, tác động trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của các doanh nghiệp và người dân. Tuy nhiên, vấn đề này lại chưa được chú trọng đúng mức trong các quá trình thảo luận chính sách. Do đó, các cơ quan soạn thảo nên chú ý hơn đến việc xác định thời điểm ban hành hoặc có hiệu lực của văn bản pháp luật. Trong một số trường hợp, khi mà một văn bản có nhiều quy định khác nhau thì có thể cần phải tính toán thời điểm có hiệu lực cho từng quy định và thể hiện trong quy định chuyển tiếp sao cho phù hợp với khả năng đáp ứng của các đối tượng tác động.

Đáp ứng tiến độ soạn thảo và ban hành văn bản pháp luật hiện nay đang là áp lực rất lớn đối với nhiều cơ quan nhà nước. Điều này đòi hỏi sự quan tâm sâu sát hơn của lãnh đạo các bộ, ngành cũng như việc đầu tư nhiều hơn nữa về nhân lực, vật lực dành cho công tác xây dựng pháp luật.

# 3

## Kiến nghị

|                                                               |    |
|---------------------------------------------------------------|----|
| 1. Đối thoại chính sách giữa doanh nghiệp và cơ quan nhà nước | 55 |
| 2. Đăng tải các thông tin trong quá trình xây dựng pháp luật  | 56 |
| 3. Tham vấn các đối tượng chịu tác động                       | 57 |
| 4. Tham vấn chuyên gia                                        | 58 |
| 5. Sự tham gia của cán bộ pháp chế                            | 59 |



Ước muốn về một nền pháp lý tốt hơn cho đất nước là ước muốn chung của tất cả những người tham gia vào quá trình xây dựng pháp luật tại Việt Nam và cả những người thực thi quy định pháp luật. Nhưng để có được càng ngày càng nhiều quy định pháp luật tốt hơn không phải là việc dễ dàng, nó đòi hỏi nhiều nguồn lực, kiến thức và cả sự quyết tâm của những người lãnh đạo đất nước. Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan nhà nước khác hiện nay đang đặt công tác xây dựng pháp luật, đổi mới thể chế kinh tế nằm ở trọng tâm hoạt động. Điều này đặt gánh nặng lên vai các cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật tại các bộ, ngành phải nỗ lực, vất vả để có được các văn bản pháp luật có chất lượng tốt hơn. Phần tiếp theo của báo cáo, những người tổ chức Cuộc bình chọn các quy định pháp luật hy vọng sẽ đưa ra được một số giải pháp giúp các cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật có thể làm tốt hơn công việc của mình.

Chất lượng văn bản pháp luật phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, từ nguồn tài chính cho các hoạt động nghiên cứu, đề xuất cho đến trình độ và đạo đức của nhà làm luật, nhưng không thể không kể đến một yếu tố rất quan trọng đó là công tác tham vấn ý kiến khi xây dựng văn bản. *"Không bao giờ có đủ nhà tù, đủ cảnh sát, đủ tòa án để thực thi một quy định pháp luật mà không được người dân ủng hộ"*<sup>22</sup>. Quả thật, việc tham vấn không chỉ giúp cho nhà làm luật có thêm nhiều nguồn thông tin, đứng từ nhiều góc độ khác nhau để quan sát vấn đề, mà còn là dịp để người dân và doanh nghiệp hiểu hơn về quy định pháp luật để từ đó có thể ủng hộ và tuân thủ tốt hơn.

Quan sát những văn bản được đề cử, dễ nhận thấy một xu hướng là văn bản nào càng được tham vấn sớm và kỹ lưỡng thì càng dễ có những quy định tốt, còn văn bản nào mà cơ quan soạn thảo tự mình ban hành, hoặc chỉ tham vấn ở quy mô hẹp thì dễ bị đánh giá thấp. Điều này là dễ hiểu vì quá trình tham vấn, tự nó đã giúp loại bỏ các quy định kém, đưa thêm vào các quy định tốt trước khi văn bản được ban hành.

<sup>22</sup> Hubert H. Humphrey (Nguyên Phó Tổng thống Hoa Kỳ từ năm 1965 đến năm 1969).  
Xem tại: <https://www.brainyquote.com/quotes/quotes/h/hubertthu133156.html>



## 1. ĐỐI THOẠI CHÍNH SÁCH GIỮA DOANH NGHIỆP VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Cuộc bình chọn cho thấy rất nhiều các đề cử quy định tốt là việc sửa đổi hoặc bãi bỏ các quy định chưa phù hợp trước đây. Do đó, công tác rà soát và theo dõi thi hành pháp luật là hết sức quan trọng. Việc rà soát và theo dõi thi hành pháp luật có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức, nhưng nhiều doanh nghiệp cho rằng hiệu quả nhất là các buổi đối thoại trực tiếp.

Tại nhiều địa phương, mô hình đối thoại chính sách, cà phê doanh nhân giữa doanh nghiệp và chính quyền đã giúp tháo gỡ rất nhiều khó khăn cho cộng đồng doanh nghiệp, cải thiện chất lượng điều hành và môi trường kinh doanh cấp tỉnh. Ở cấp trung ương, nhiều bộ, ngành cũng đã có các cuộc đối thoại thường niên với doanh nghiệp, từ đó giải quyết nhiều vấn đề bất cập thực tiễn cũng như cải thiện chính sách kinh tế.

Hàng năm, nhiều Bộ vẫn thường tổ chức các Hội nghị đối thoại cải cách thủ tục hành chính với các doanh nghiệp. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, công tác tổ chức các buổi đối thoại đó chưa thực sự hiệu quả, nhiều doanh nghiệp phản ánh với VCCI rằng họ không biết thời gian và địa điểm của các Hội nghị đó để có thể đối thoại với lãnh đạo cao nhất của các Bộ.

Do đó, giải pháp tốt hơn là trước khi buổi đối thoại diễn ra, các Bộ nên chủ động đăng tin mời hội thảo trên báo chí trước nhiều ngày, thông báo nêu rõ đây là dịp tiếp xúc giữa lãnh đạo Bộ với doanh nghiệp, người dân nhằm tháo gỡ vướng mắc về pháp luật và thủ tục hành chính, mời tất cả các cá nhân, tổ chức quan tâm đến tham dự và có cả số điện thoại liên hệ để đăng ký tham gia, phát biểu. Làm như vậy sẽ thu hút được nhiều ý kiến đóng góp giúp cho các quy định pháp luật của Bộ trở nên tốt hơn.



## 2. ĐĂNG TÀI CÁC THÔNG TIN TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

Trong quá trình áp dụng Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008, nhiều cơ quan soạn thảo chỉ thực hiện yêu cầu tối thiểu của Luật là đăng tải công khai dự thảo văn bản trên website của mình trong thời hạn 60 ngày. Theo phản ánh của rất nhiều cơ quan soạn thảo và của cả cộng đồng doanh nghiệp, việc này thường không mang lại hiệu quả vì nhiều lý do khác nhau như:

- dự thảo được đăng tải phân tán tại nhiều website của nhiều bộ, ngành, gây khó khăn cho việc tìm kiếm;
- các tài liệu được đăng tải thường chỉ dừng lại ở dự thảo, mà không có các tài liệu khác như tờ trình, bản thuyết minh, báo cáo đánh giá tác động, báo cáo tổng kết thi hành, báo cáo học tập kinh nghiệm quốc tế... thậm chí nhiều khi còn không có phụ lục của dự thảo;
- chỉ đăng dự thảo đầu tiên mà không có các phiên bản cập nhật hơn, đặc biệt là dự thảo cuối cùng;
- sử dụng ngôn ngữ, thông tin liên lạc không thực sự thân thiện với người dùng;
- không nêu thời hạn tiếp nhận bình luận, khiến nhiều trường hợp người muốn bình luận không biết bình luận của mình tại thời điểm đó liệu có còn ý nghĩa không...

Do đó, có một số gợi ý cách làm sau có thể cải thiện hiệu quả của việc đăng tải công khai thông tin về quá trình soạn thảo pháp luật:

- *Cần đăng tải thông tin một cách thân thiện, cởi mở và cầu thị.* Ví dụ như phần lấy ý kiến dự thảo để ở ngay trang chủ của website của cơ quan, đăng tải đầy đủ thông tin liên lạc gồm điện thoại, email, fax, thư tín; đăng tải đầy đủ các tài liệu đi kèm dự thảo; chú ý đăng tải phiên bản dự thảo cuối cùng; nên để thời gian đủ để nghiên cứu và góp ý, có thể chủ động cung cấp thông tin về lịch thẩm định, thẩm tra và trình văn bản;
- *Nên có một số bản tóm tắt các vấn đề lấy ý kiến* một cách ngắn gọn, tập trung vào các điểm chính của văn bản hoặc có ý kiến khác nhau và nên phân loại theo từng nhóm đối tượng. Mỗi nhóm đối tượng lại cần có bản tóm tắt riêng các vấn đề lấy ý kiến.



### 3. THAM VẤN CÁC ĐỐI TƯỢNG CHỊU TÁC ĐỘNG

Trong một số trường hợp, cơ quan soạn thảo cần thực hiện các hoạt động tham vấn sâu hơn, ví dụ khi có yêu cầu của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên hoặc các hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, hoặc yêu cầu của cơ quan thẩm định, thẩm tra, cơ quan có thẩm quyền ban hành. Lúc này, dự thảo không chỉ được đăng tải trên mạng internet mà còn cần được tổ chức các hoạt động tham vấn sâu như hội thảo, công văn mời góp ý, phiếu lấy ý kiến, điện thoại, khảo sát thực địa...

Trong giai đoạn này, nguy cơ lớn nhất nổi lên là văn bản không được tham vấn đầy đủ các nhóm đối tượng chịu tác động, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Một khảo sát của VCCI năm 2015<sup>23</sup> chỉ ra rằng, rất nhiều trường hợp cơ quan nhà nước ban hành quy định mang tính quản lý kinh tế ngành mà chỉ tham vấn ý kiến các doanh nghiệp lớn hoặc các doanh nghiệp nhà nước. Các doanh nghiệp này thường có tiềm lực lớn, dễ dàng đáp ứng các quy định được đặt ra, thậm chí được hưởng lợi do bớt đối thủ cạnh tranh nên có xu hướng ủng hộ quy định này. Ngược lại, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa không thể đáp ứng các điều kiện kinh doanh này lại không được tham vấn một cách đầy đủ. Vấn đề này ảnh hưởng lớn đến chất lượng quy định pháp luật, đặc biệt ở các tiêu chí về quyền tự do kinh doanh, thúc đẩy cạnh tranh, thậm chí cả sự cần thiết của quy định.

<sup>23</sup> Dự án Tăng cường tiếng nói của doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ trong xây dựng pháp luật, VCCI tháng 8/2015



## 4. THAM VẤN CHUYÊN GIA

Tham vấn chuyên gia cũng là một giải pháp tốt để nâng cao chất lượng văn bản pháp luật. Việc tham vấn ý kiến chuyên gia nên bao gồm đủ hai nhóm chuyên gia, một là những chuyên gia có trình độ chuyên môn sâu về lĩnh vực mà văn bản đề cập đến và hai là những chuyên gia có kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực quản lý kinh tế khác nhau. Thực tiễn cho thấy, các cơ quan soạn thảo thường "quên" nhóm chuyên gia thứ hai. Kinh nghiệm quản lý của các lĩnh vực khác có thể là bài học rất có giá trị cho việc xây dựng quy định cụ thể nào đó.

Các chuyên gia có kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực quản lý kinh tế khác nhau thường là các chuyên gia về chính sách công, hành chính công, các nhà kinh tế học hoặc các luật sư nhiều kinh nghiệm. Đây là nguồn thông tin, cung cấp rất nhiều ý tưởng tốt cho các cơ quan soạn thảo pháp luật về kinh tế.



## 5. SỰ THAM GIA CỦA CÁN BỘ PHÁP CHẾ

Sự tham gia của cán bộ pháp chế là hết sức cần thiết trong quá trình xây dựng pháp luật. Mặc dù vậy, nhiều trường hợp hiện nay, cán bộ pháp chế chỉ giữ vai trò thẩm định dự thảo văn bản và rà soát về câu chữ, hình thức chứ không tham gia từ đầu. Tuy nhiên, ngoài các chức năng trên, cán bộ pháp chế còn giữ vai trò rất quan trọng trong việc bảo đảm sự thống nhất của pháp luật. Tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản pháp luật hoặc văn bản hướng dẫn trái với văn bản cấp trên một phần là do cán bộ pháp chế không tham gia thực hiện công tác rà soát pháp luật giai đoạn đầu soạn thảo. Do đó, các cơ quan soạn thảo cần bảo đảm có sự tham gia của cán bộ pháp chế ngay từ đầu quá trình xây dựng pháp luật nhằm trả lời câu hỏi về tính thống nhất của quy định so với các văn bản pháp luật khác.

Nội dung rà soát của cán bộ pháp chế không chỉ dừng lại ở lĩnh vực quản lý của Bộ mình mà còn cần mở rộng ra các ngành, lĩnh vực khác nhằm tránh sự chồng chéo, mâu thuẫn với các mảng pháp luật khác. Trong trường hợp phát hiện có nguy cơ chồng chéo, mâu thuẫn thì cần sớm có sự trao đổi với bộ, ngành bên còn lại để hiểu rõ hơn vấn đề và tìm biện pháp tháo gỡ. Trong trường hợp có nghi vấn về việc phạm vi của quy định có thể không phù hợp với văn bản cấp trên thì cần sớm tham vấn ý kiến của Bộ Tư pháp, các Vụ chuyên môn hoặc Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật nhằm thống nhất về cách hiểu văn bản pháp luật.





Các quy định được đề cử tốt  
Các quy định được đề cử kém





1

## 2

**Quyền tự do kinh doanh:** Việc xác định các ngành nghề kinh doanh bị cấm hoặc có điều kiện sẽ giúp bảo vệ quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp ở điểm, doanh nghiệp sẽ được tự do kinh doanh các ngành, nghề không có trong các Danh mục này mà không bị ràng buộc bởi bất kỳ điều kiện nào.

3

**NỘI DUNG**

**Bãi bỏ quy định về mức trần 15% cho hoạt động quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hỗ trợ... liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp**

**ĐIỀU LUẬT**

Điểm m khoản 2 Điều 9, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014

**LÝ DO**

**Sự cần thiết:** Quy định về mức trần chi phí quảng cáo đã cản trở cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ, mới gia nhập thị trường chưa có thương hiệu nên nhu cầu chi cho quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại rất lớn.

**Quyền tự do kinh doanh:** Việc chi bao nhiêu cho quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại thuộc về quyền tự quyết của doanh nghiệp và các chi phí đó là chi phí hợp lý để được trừ khi tính thuế.

**Tính hợp lý, khả thi:** Việc khống chế mức trần cho hoạt động quảng cáo, tiếp thị, khuyến mãi... khiến cho các doanh nghiệp trên thực tế phải tìm cách “lách” để hợp thức hóa các khoản chi cho hoạt động này vượt mức trần quy định.

Hơn nữa, việc bỏ mức trần này cũng không tạo ra rủi ro quá lớn về gian lận thuế, bởi doanh nghiệp phải xuất trình những hóa đơn, chứng từ để chứng minh tính hợp lý trong các khoản chi này và Nhà nước có thể kiểm soát thông qua nhiều công cụ quản lý thuế hiện tại.

**Cạnh tranh:** Cải thiện đáng kể tính cạnh tranh của các doanh nghiệp trong việc tiếp cận người tiêu dùng, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ, mới gia nhập thị trường.

4

**NỘI DUNG**

**Bỏ quy định: "Tổ chức, cá nhân kinh doanh bất động sản phải bán nhà, công trình xây dựng thông qua sàn giao dịch bất động sản."**

**ĐIỀU LUẬT**

Luật kinh doanh bất động sản 2014 bãi bỏ quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật kinh doanh bất động sản 2006

**LÝ DO**

**Sự cần thiết:** Việc mua bán bất động sản có thể được thể hiện bằng nhiều hình thức khác nhau. Từ trước đến nay, phương thức giao dịch trực tiếp (không qua sàn) vẫn được các bên sử dụng là chủ yếu, do mức độ thuận tiện của phương thức này. Giới hạn về phương thức giao dịch, sẽ làm cho các hoạt động giao dịch trở nên khó khăn. Việc bỏ quy định này đã giúp chủ đầu tư và khách hàng tự chủ trong việc lựa chọn hình thức bán hàng, nếu sàn giao dịch giúp bán hàng tốt hơn, các bên sẽ lựa chọn sàn giao dịch, còn nếu các bên có thể tự giao dịch mà không cần sàn thì vẫn được phép.

**Quyền tự do kinh doanh:** Việc bỏ quy định này đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản lựa chọn các phương thức giao dịch phù hợp, thúc đẩy hoạt động kinh doanh.

**Chi phí tuân thủ:** Trước đây, có nhiều sàn giao dịch bất động sản chỉ ngồi giữa xác nhận giao dịch giữa chủ đầu tư và khách hàng mà không tạo ra chút giá trị gia tăng nào. Việc bãi bỏ quy định đã giúp giảm bớt được các thủ tục, chi phí (khi phải thực hiện qua sàn) trong các giao dịch bất động sản mà doanh nghiệp và người dân phải chi trả.

**Tính hợp lý, khả thi:** Bỏ quy định này là phù hợp với thực tế hoạt động giao dịch bất động sản ở nước ta.

**Cạnh tranh:** Làm tăng tính cạnh tranh của chính các sàn giao dịch. Các sàn này buộc phải tự mình cung cấp dịch vụ tốt hơn, chi phí thấp hơn để thu hút các chủ dự án sử dụng dịch vụ.

5

**NỘI DUNG**

**Giảm tần suất kê khai thuế theo quy thay vì theo tháng đối với doanh nghiệp có doanh thu năm liền trước từ 20 tỷ đến 50 tỷ**

**ĐIỀU LUẬT**

Khoản 3 Điều 4 Nghị định 91/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/10/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định quy định về thuế

**LÝ DO**

**Sự cần thiết:** Chi phí hành chính của việc làm thủ tục kê khai và nộp thuế của Việt Nam hiện đang ở mức cao. Đây là quy định có tác động về việc giảm thời gian kê khai và nộp thuế, giúp tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp và xã hội.

**Tính hợp lý:** Xu hướng phân loại các thủ tục hành chính theo mức độ và đơn giản hóa đối với các trường hợp có tác động thấp là phù hợp.

**Chi phí tuân thủ:** Giảm rất nhiều chi phí xã hội cho việc làm thủ tục hành chính thuế

|   |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6 | <b>NỘI DUNG</b><br><br>Nhà đầu tư trong nước không phải thực hiện bất kỳ thủ tục đầu tư nào trừ trường hợp đầu tư vào các dự án phải được chấp thuận thủ tục đầu tư<br><br><b>ĐIỀU LUẬT</b><br><br>Điều 36 Luật đầu tư năm 2014 | <b>LÝ DO</b><br><br><b>Sự cần thiết:</b> Yêu cầu thực hiện thủ tục đăng ký hoặc thẩm tra đầu tư để được cấp giấy chứng nhận đầu tư trước đây tạo ra rào cản tương đối lớn về thủ tục hành chính đối với các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong nước trong khi ý nghĩa về mặt quản lý lại không nhiều.<br><br>Luật đầu tư 2014 đã bãi bỏ các thủ tục liên quan đến đầu tư của nhà đầu tư trong nước, chỉ giữ lại thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với một số dự án sử dụng các nguồn lực quốc gia (đất đai, tài nguyên), tác động lớn đến kinh tế - xã hội là cần thiết, vừa cởi bỏ về rào cản thủ tục vừa đảm bảo được mục tiêu quản lý nhà nước – chỉ kiểm soát tính hiệu quả đối với các dự án có tác động đến kinh tế, xã hội, sử dụng nguồn lực hạn chế của quốc gia.<br><br><b>Quyền tự do kinh doanh:</b> Quy định này đã bãi bỏ nhiều thủ tục hành chính cho các nhà đầu tư trong nước, góp phần tạo điều kiện cho các nhà đầu tư thực hiện các hoạt động kinh doanh thuận lợi hơn.<br><br><b>Nguy cơ những nhiễu:</b> Quy định này cũng giúp giảm nhiều nguy cơ nhiễu nhiễu phát sinh từ các thủ tục hành chính (đã được bãi bỏ).<br><br><b>Tính hợp lý:</b> Quy định này đã thể hiện được chính sách quản lý hợp lý của Nhà nước đối với các dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước: kiểm soát chặt chẽ các dự án đầu tư có sử dụng nguồn lực quốc gia (đất đai, tài nguyên), tác động lớn đến kinh tế xã hội – những dự án mà việc thực hiện có thể ảnh hưởng đến trật tự công, còn những dự án đầu tư khác (ít tác động đến lợi ích công cộng), nhà đầu tư được tự do quyết định.<br><br><b>Chi phí tuân thủ:</b> Việc bỏ thủ tục đăng ký hoặc thẩm tra để cấp giấy chứng nhận đầu tư giúp giảm rất nhiều chi phí và thời gian thực hiện thủ tục hành chính của doanh nghiệp.<br><br><b>Cạnh tranh:</b> Quy định giúp làm tăng tính cạnh tranh của các doanh nghiệp nhờ việc giảm rào cản gia nhập thị trường, công bằng hơn trong việc tiếp cận nguồn lực. |
|   |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7 | <b>NỘI DUNG</b><br><br>Điều kiện kinh doanh bất động sản có vốn pháp định được chứng minh bằng vốn điều lệ và doanh nghiệp không phải đăng ký xác định mức vốn pháp định<br><br><b>ĐIỀU LUẬT</b><br><br>Điều 4, Nghị định 76/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/5/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bất động sản | <b>LÝ DO</b><br><br><b>Tính hợp lý:</b> Về mặt thực tế, yêu cầu điều kiện về vốn pháp định thường ít tính khả thi vì doanh nghiệp chỉ phải chứng minh đáp ứng điều kiện này tại thời điểm cấp phép hoặc thời điểm kiểm tra. Khó có thể kiểm soát được liệu rằng doanh nghiệp có duy trì mức vốn này suốt thời gian hoạt động kinh doanh được không. Vì yêu cầu vốn pháp định được quy định trong Luật kinh doanh bất động sản, quy định hướng dẫn điều này tại Nghị định đã theo hướng “giảm nhẹ” thủ tục cho doanh nghiệp bằng cách không yêu cầu doanh nghiệp đăng ký xác định mức vốn pháp định, chứng minh bằng vốn điều lệ, là hợp lý, vì vừa không trái Luật vừa tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.<br><br><b>Chi phí tuân thủ:</b> Giảm chi phí và thời gian thực hiện thủ tục xác nhận vốn pháp định. |
|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

|   |                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8 | <b>NỘI DUNG</b><br><br>Cho phép người nước ngoài có các quyền sở hữu nhà ở như công dân Việt Nam<br><br><b>ĐIỀU LUẬT</b><br><br>Điểm a khoản 2 Điều 161 Luật nhà ở năm 2014 | <b>LÝ DO</b><br><br><b>Sự cần thiết:</b> Người nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam sẽ ít ảnh hưởng tới các trật tự công (an ninh quốc gia, lợi ích quốc phòng), hơn nữa Nhà nước có các công cụ quản lý để kiểm soát được những ảnh hưởng đó (nếu có), ví dụ: chính sách quản lý về xuất, nhập cảnh; quản lý cư trú; quản lý lao động nước ngoài. Do đó, không cho phép người nước ngoài sở hữu nhà ở ở nước ta là không cần thiết.<br><br>Đứng dưới góc độ của thị trường, mở rộng đối tượng sở hữu nhà cho người nước ngoài, sẽ thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển (cầu sẽ tăng), nhất là trong bối cảnh, thị trường này trong thời gian dài đang “đóng băng”, mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản phát triển.<br><br><b>Tính hợp lý, khả thi:</b> Quy định này đồng thời cũng giúp tăng thêm cầu cho thị trường bất động sản, đặc biệt là phân khúc sản phẩm trung và cao cấp, góp phần thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển.<br><br>Thực tế, khi quy định này được triển khai, rất nhiều người nước ngoài đã mua và sở hữu nhà ở nước ta và chưa có ghi nhận nào về những tác động tiêu cực của việc người nước ngoài sở hữu nhà ở Việt Nam. |
|   |                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

9

NỘI DUNG

**Nguyên tắc áp dụng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài:** Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài đã được phép đầu tư trong các ngành chưa cam kết hoặc không được quy định tại Biểu mẫu cam kết của Việt Nam trong WTO và điều ước quốc tế về đầu tư khác mà pháp luật Việt Nam chưa có quy định về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài và đã được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài thì việc xem xét, quyết định hoạt động đầu tư của nhà đầu tư trong cùng ngành nghề đó, Cơ quan đăng ký đầu tư không phải lấy ý kiến của Bộ quản lý ngành.

ĐIỀU LUẬT

Điểm e khoản 2 Điều 10 và Điều 13 Nghị định 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/11/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư

LÝ DO

**Sự cần thiết:** Trước đây, đối với các ngành, phân ngành chưa được quy định (trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia hoặc các quy định của pháp luật Việt Nam), nhà đầu tư nước ngoài muốn được đầu tư, cần phải có ý kiến của các Bộ quản lý chuyên ngành. Chưa có tiêu chí rõ ràng nào về việc cho ý kiến này, do đó có thể nảy sinh tình trạng, cùng trong một điều kiện nhưng nhà đầu tư nước ngoài này được cấp phép nhưng nhà đầu tư khác lại không.

Nguyên tắc này được đặt ra sẽ hạn chế được tình trạng trên, bảo đảm các cơ quan nhà nước luôn có chung một tiêu chí khi xem xét, quyết định dự án của nhà đầu tư nước ngoài trong cùng một điều kiện.

**Tính thống nhất:** Quy định này giúp đảm bảo sự nhất quán giữa các địa phương trong việc xem xét, quyết định hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài đối với cùng một ngành nghề kinh doanh.

**Tính minh bạch:** Quy định này vừa giúp cho các nhà đầu tư nước ngoài nhận biết được các điều kiện đầu tư đối với các ngành nghề mà mình dự định đầu tư, vừa giúp cơ quan nhà nước xác định được các tiêu chí khi xem xét, quyết định chấp thuận/từ chối các dự án của nhà đầu tư nước ngoài.

**Nguy cơ những nhiễu:** Việc giảm thủ tục xin ý kiến Bộ quản lý ngành sẽ giảm nguy cơ những nhiễu.

**Chi phí tuân thủ:** Quy định giúp đơn giản hóa và minh bạch hóa thủ tục hành chính từ đó giảm chi phí tuân thủ cho các đối tượng áp dụng.

10

NỘI DUNG

**Bộ quy định về chứng chỉ hành nghề và văn bản xác nhận vốn pháp định tại Hồ sơ để nghị thành lập doanh nghiệp**

ĐIỀU LUẬT

Điều 20 đến Điều 23, Luật doanh nghiệp năm 2014

LÝ DO

**Sự cần thiết:** Vốn pháp định, chứng chỉ hành nghề là các quy định về điều kiện kinh doanh, được quy định tại pháp luật chuyên ngành, cho dù doanh nghiệp đáp ứng tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp, thì cũng tiếp tục phải chứng minh với cơ quan quản lý chuyên ngành nếu muốn hoạt động trong ngành, nghề đó. Như vậy, sẽ có sự chồng lấn về quản lý giữa các cơ quan nhà nước trong cùng một vấn đề.

Các cơ quan đăng ký kinh doanh chỉ quản lý về hoạt động liên quan đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp chứ không phải kiểm soát việc đáp ứng điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp, hơn nữa, ngay cả khi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, cũng không cần thiết phải chứng minh mình đáp ứng đầy đủ điều kiện kinh doanh ngay tại thời điểm đăng ký kinh doanh.

**Tính thống nhất:** Thống nhất về quản lý giữa các cơ quan nhà nước đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp: cơ quan đăng ký kinh doanh chỉ quản lý đối với hoạt động liên quan đến đăng ký kinh doanh, các cơ quan quản lý chuyên ngành sẽ kiểm soát về các điều kiện kinh doanh tương ứng, tránh hiện tượng chồng lấn về phạm vi quản lý.

**Quyền tự do kinh doanh:** Giảm rào cản gia nhập thị trường.

**Kiểm soát nguy cơ những nhiễu:** Giảm nguy cơ những nhiễu khi làm thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

**Tính hợp lý:** Quy định này sẽ đưa thủ tục đăng ký kinh doanh về đúng bản chất: khai sinh ra doanh nghiệp (cung cấp các giấy tờ mang tính định danh mà không phải chứng minh đáp ứng điều kiện kinh doanh tại thời điểm đăng ký), còn doanh nghiệp hoạt động trong những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì sẽ phải đáp ứng các điều kiện về sau, theo các quy định của pháp luật chuyên ngành.

**Chi phí tuân thủ:** Giảm chi phí và thời gian khi thực hiện thủ tục thành lập doanh nghiệp.

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 11 | <p><b>NỘI DUNG</b></p> <p>Nhà đầu tư nước ngoài được mua ít hơn 51% cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh không có điều kiện mà không phải thực hiện thủ tục đăng ký</p> <p><b>ĐIỀU LUẬT</b></p> <p>Khoản 4 Điều 26 Luật đầu tư năm 2014</p>                           | <p><b>LÝ DO</b></p> <p><b>Sự cần thiết:</b> Quy định này giúp hỗ trợ thị trường M&amp;A, thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài.</p> <p>Đối với những ngành, nghề có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài, đã có cơ chế kiểm soát của các văn bản pháp luật chuyên ngành. Những ngành, nghề không có điều kiện với nhà đầu tư nước ngoài, thì việc đầu tư với số vốn dưới 51% sẽ ít ảnh hưởng đến các mục tiêu quản lý nhà nước, do đó không cần thiết phải quy định các thủ tục để kiểm soát đối với các đối tượng này.</p> <p><b>Quyền tự do kinh doanh:</b> Đối với các thị trường bình thường mà nhà nước không cần kiểm soát chặt chẽ thì không cần thiết phải can thiệp quá sâu vào quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p><b>Nguy cơ những nhiễu:</b> Việc giảm số lần, các trường hợp phải làm thủ tục đăng ký thay đổi, xin phép sẽ giảm nguy cơ những nhiễu.</p> <p><b>Tính hợp lý:</b> Quy định này hợp lý vì vẫn giúp thu hút vốn đầu tư nước ngoài mà vẫn bảo đảm yêu cầu bảo hộ sản xuất trong nước tương ứng với mức được phép trong các cam kết quốc tế.</p> <p><b>Chi phí tuân thủ:</b> Quy định giúp giảm chi phí làm thủ tục hành chính, giúp tận dụng, phân bổ các nguồn lực xã hội tốt hơn.</p> |
| 12 | <p><b>NỘI DUNG</b></p> <p>Mở rộng phạm vi kinh doanh bất động sản của người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</p> <p><b>ĐIỀU LUẬT</b></p> <p>Khoản 2 và khoản 3 Điều 11 Luật kinh doanh bất động sản năm 2014</p>                                              | <p><b>LÝ DO</b></p> <p><b>Sự cần thiết:</b> Quy định này tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào thị trường bất động sản ở Việt Nam và thúc đẩy thị trường này phát triển.</p> <p><b>Cạnh tranh:</b> Quy định này cho phép nhiều doanh nghiệp tham gia vào thị trường bất động sản (không hạn chế như trước đây xuất phát từ nguồn gốc vốn), từ đó thúc đẩy hoạt động cạnh tranh trên thị trường bất động sản.</p> <p><b>Tính hợp lý, khả thi:</b> Quy định này sẽ thu hút được nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường bất động sản của nước ta và góp phần thúc đẩy thị trường phát triển.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 13 | <p><b>NỘI DUNG</b></p> <p>Tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới</p> <p><b>ĐIỀU LUẬT</b></p> <p>Điều 6, 7 Thông tư 91/2015/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải ngày 31/12/2015 quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ</p> | <p><b>LÝ DO</b></p> <p><b>Sự cần thiết:</b> Việc quy định tốc độ của xe cơ giới trên đường bộ thấp, không tương ứng với cơ sở hạ tầng hiện tại khiến cho việc lưu thông mất rất nhiều thời gian và chi phí vận tải, điều này ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Trong thời gian qua, cơ sở hạ tầng đã được cải thiện đáng kể, do đó, việc nâng tốc độ lưu thông của xe cơ giới là cần thiết.</p> <p><b>Tính hợp lý:</b> Thực tế, thời gian qua, chất lượng hạ tầng giao thông đường bộ đã được nâng cấp rất nhiều, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nâng cao tốc độ phương tiện. Tốc độ tối đa cho phép hiện nay của Việt Nam vẫn thấp hơn một số quốc gia khác trong khu vực và thấp hơn rất nhiều so với các nước phát triển trên thế giới.</p> <p><b>Tính khả thi:</b> Kể cả trên đoạn đường cho phép tốc độ tối đa cao nhưng nếu có ùn tắc, chướng ngại vật hoặc sự cố thì các lái xe vẫn giảm tốc độ, chứ không phải lúc nào cũng chạy với tốc độ tối đa. Nhưng khi không có sự cố gì mà cứ bắt chạy chậm sẽ gây tổn kém cho xã hội.</p> <p><b>Chi phí tuân thủ:</b> Quy định giúp giảm các chi phí về thời gian, nhiên liệu, khấu hao phương tiện, hạ tầng giao thông vận tải.</p>                     |
| 14 | <p><b>NỘI DUNG</b></p> <p>Trường hợp sau 5 ngày làm việc cơ quan quản lý thuế trực tiếp không có ý kiến bằng văn bản thì doanh nghiệp được sử dụng hóa đơn tự in Thủ trưởng cơ quan thuế phải chịu trách nhiệm về việc không có ý kiến bằng văn bản trả lời doanh nghiệp</p>                      | <p><b>LÝ DO</b></p> <p><b>Sự cần thiết:</b> Thông thường, các quy định về thủ tục hành chính đều có nội dung về thời hạn thực hiện. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải trả lời việc chấp nhận hay không chấp nhận đơn của người dân và doanh nghiệp trong khoảng thời gian đó. Các quy định này lại không đề cập việc hết thời hạn đó mà cơ quan nhà nước không trả lời thì sao. Trường hợp đó, doanh nghiệp và người dân có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính. Tuy nhiên, thời gian và chi phí cho việc khiếu nại, khởi kiện quá lớn nên tình trạng vi phạm về thời gian thực hiện thủ tục diễn ra ở nhiều nơi.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

**ĐIỀU LUẬT**

Khoản 4 Điều 3, Thông tư 26/2015/TT-BTC sửa đổi Thông tư 39/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27/02/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ

**Tính minh bạch:** Quy định rất minh bạch khi quy định rõ hướng xử lý khi cơ quan nhà nước chậm trả lời.

**Nguy cơ những nhiễu:** Cán bộ nhà nước sẽ khó những nhiễu bằng cách chậm làm thủ tục như trước đây.

**Tính hợp lý:** Một số thủ tục hành chính khác cũng có quy định tương tự, nhưng riêng quy định này có thêm đoạn: “Thủ trưởng cơ quan thuế phải chịu trách nhiệm về việc không có ý kiến bằng văn bản”. Tức là kể cả khi hồ sơ của doanh nghiệp có sai sót thì việc chậm trả lời doanh nghiệp vẫn là sai sót của cơ quan nhà nước, chứ không phải là của doanh nghiệp.

**Chi phí tuân thủ:** Quy định giúp loại bỏ các trường hợp chậm làm thủ tục hành chính, giảm chi phí về thời gian đối với các trường hợp này.

## 15

**NỘI DUNG**

Mở rộng đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội, trong đó có các đối tượng là: Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở

**ĐIỀU LUẬT**

Điều 49 Luật nhà ở năm 2014

**LÝ DO**

**Sự cần thiết:** “Chỗ ở” là nhu cầu cơ bản của con người và đảm bảo cho người dân đều có chỗ ở là chính sách phát triển kinh tế - xã hội tiến bộ, cần hướng tới. Thực tế hiện nay, có rất nhiều đối tượng không đủ khả năng có được nhà ở vì thu nhập thấp, giá cả nhà ở quá cao. Do đó, để các đối tượng yếu thế có thể có được chỗ ở, cần thiết phải có các chính sách hỗ trợ.

**Tính hợp lý:** Biện pháp hỗ trợ người mua nhà (bên cầu) phù hợp hơn so với việc hỗ trợ trực tiếp cho bên bán nhà (bên cung), bởi nó vẫn sẽ giúp duy trì sự cạnh tranh nhất định trên thị trường. Các bên xây nhà vẫn phải cạnh tranh với nhau để bảo đảm chất lượng nhà ở từ đó mới thu hút được người mua nhà.

## 16

**NỘI DUNG**

Cho phép một cá nhân làm giám đốc đồng thời của nhiều Công ty cổ phần

**ĐIỀU LUẬT**

Luật doanh nghiệp 2014 bãi bỏ quy định tại Điều 116, Luật doanh nghiệp năm 2005

**LÝ DO**

**Sự cần thiết:** Việc hạn chế cá nhân đồng thời làm Giám đốc của nhiều công ty cổ phần là không cần thiết.

**Quyền tự do kinh doanh:** Việc bỏ đi quy định này sẽ không làm hạn chế quyền tự do kinh doanh của cá nhân trong nhiều lĩnh vực kinh doanh khác nhau, đồng thời sẽ đáp ứng được các yêu cầu của các doanh nghiệp lớn.

**Tính hợp lý:** Việc doanh nghiệp bố trí ai làm Tổng giám đốc, giám đốc là quyền của các cổ đông, thành viên. Một người nếu đủ năng lực, có khả năng phân công, quản trị tốt thì vẫn có thể làm giám đốc của nhiều doanh nghiệp mà vẫn hiệu quả. Còn nếu không hiệu quả thì tự các cổ đông, thành viên sẽ bố trí lại, chứ không cần phải có quy định cấm.

**Chi phí tuân thủ:** Quy định này giúp giảm chi phí xã hội nhờ việc tận dụng tốt hơn năng lực và sức lao động của các cá nhân làm giám đốc.

## 17

**NỘI DUNG**

Quy định giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông cho doanh nghiệp từ 25% xuống 22% (từ 01/1/2014) và giảm tiếp xuống 20% (từ 01/1/2016)

**ĐIỀU LUẬT**

Khoản 6 Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013

**LÝ DO**

**Sự cần thiết:** Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ở nước ta thuộc dạng cao nếu so sánh với các nước khác. Cùng với nhiều gánh nặng về phí và thuế khác, thì đây trở thành gánh nặng tài chính tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và cản trở đáng kể đến sự phát triển của doanh nghiệp. Từ đó, thì nguồn thu từ thuế thu nhập doanh nghiệp cũng sẽ suy giảm và ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách.

Việc giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ có tác động khuyến khích kinh doanh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tăng tích lũy, trên cơ sở đó có thêm nguồn lực để quay trở lại tăng đầu tư vào hoạt động kinh doanh và đóng góp vào ngân sách nhà nước.

Do đó, việc hạ mức thuế suất là cần thiết.

**Tính hợp lý:** Quy định này có tác dụng thúc đẩy sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp do doanh nghiệp sẽ có nhiều nguồn tài chính hơn từ việc giảm thuế suất, từ đó thúc đẩy phát triển của nền kinh tế.

Quy định này có tác dụng tích cực đối với tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, trong đó, những lĩnh vực được hưởng lợi nhiều là sản xuất đồ uống không cồn, may mặc, sợi, phương tiện vận tải và phụ tùng, truyền thông... Đây là những lĩnh vực mà Việt Nam có lợi thế so sánh, có thị trường tiêu thụ trong nước và tiềm năng xuất khẩu và là những ngành sử dụng nhiều lao động. Đồng thời việc áp dụng mức thuế suất 20% cho doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng có tác dụng thúc đẩy và hỗ trợ doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa phát triển.

**Cạnh tranh:** Quy định này tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy việc gia nhập thị trường của nhiều chủ thể kinh doanh, qua đó thúc đẩy thị trường cạnh tranh phát triển.

Quy định này còn giúp giảm hiện tượng chuyển giá của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng hơn, bởi thuế suất thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam đủ thấp sẽ cạnh tranh với các quốc gia có mức thuế suất thấp khác.

18 **NỘI DUNG**

**Mở “thông tuyến” khám chữa bệnh theo bảo hiểm y tế:**

Người tham gia bảo hiểm y tế đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại trạm y tế tuyến xã hoặc phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện tuyến huyện được quyền khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại trạm y tế tuyến xã hoặc phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện tuyến huyện trong cùng địa bàn tỉnh và được thanh toán theo mức như khám đúng tuyến.

Người dân tộc thiểu số và người thuộc hộ gia đình nghèo tham gia bảo hiểm y tế đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người tham gia bảo hiểm y tế đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo khi tự đi khám bệnh, chữa bệnh không đúng tuyến được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với bệnh viện tuyến huyện, điều trị nội trú đối với bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến trung ương và có mức hưởng như mức đi khám đúng tuyến.

**ĐIỀU LUẬT**

Khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật bảo hiểm y tế năm 2014

**LÝ DO**

**Sự cần thiết:** Việc giới hạn về tuyến khám bệnh, chữa bệnh và mức chi phí thanh toán bảo hiểm y tế (BHYT) theo tuyến khám khiến cho người dân không muốn/không có động lực tham gia BHYT vì nhiều nguyên nhân (ví dụ: do đặc thù công việc, họ không thể đến đúng tuyến mà mình đăng ký; họ muốn khám ở cơ sở y tế ở tuyến cao hơn để đảm bảo về yếu tố chuyên môn...). Điều này sẽ dẫn tới mục tiêu: tất cả người dân đều tham gia vào BHYT, đảm bảo sự cân đối của nguồn quỹ (không chỉ có người có bệnh, thực sự muốn khám BHYT mới đăng ký) sẽ không đạt được.

Trong thời gian gần đây, việc đầu tư xây dựng các cơ sở y tế đang được triển khai, sự phát triển của các phòng khám tư nhân, bệnh viện tư nhân, thì yếu tố quá tải từ tuyến trên đã được giảm đi nhiều.

Do đó, chính sách về thông tuyến này là cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân cũng như thúc đẩy nhiều người tham gia BHYT.

**Tính hợp lý:** Quy định này đã đảm bảo quyền lợi cho người tham gia BHYT và phù hợp với nhu cầu thực tế của người dân.

19

**NỘI DUNG**

**Công ty TNHH và Công ty Cổ phần có thể có nhiều hơn một đại diện theo pháp luật**

**ĐIỀU LUẬT**

Khoản 2 Điều 13 Luật doanh nghiệp năm 2014

**LÝ DO**

**Sự cần thiết:** Về mặt nguyên tắc, người đại diện theo pháp luật thực hiện các hoạt động nhân danh doanh nghiệp, chứ không phải là nhân danh cá nhân. Mọi hoạt động của người đại diện theo pháp luật (trong phạm vi quyền hạn) thì doanh nghiệp sẽ chịu trách nhiệm. Do đó, có bao nhiêu người đại diện pháp luật đi chăng nữa, thì tính chất pháp lý đều do doanh nghiệp chịu trách nhiệm. Vì vậy, cho phép doanh nghiệp tự quyết định số lượng người đại diện theo pháp luật, phạm vi thẩm quyền là cần thiết, miễn là doanh nghiệp đăng ký và công khai về số lượng người đại diện để giảm thiểu tranh chấp phát sinh sau này.

**Tính hợp lý:** Quy định này giúp giảm nguy cơ doanh nghiệp bị đình trệ hoạt động khi người đại diện theo pháp luật bị ốm đau, bận công tác hoặc không hợp tác. Trước nay, các doanh nghiệp gặp không ít khó khăn mỗi khi người đại diện theo pháp luật có công việc phải đi xa, bởi trên pháp luật, các văn bản liên quan đến doanh nghiệp đều phải do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký tên. Đây là điểm mới, tiến bộ của Luật doanh nghiệp 2014 khi đưa ra cơ chế giải quyết trong trường hợp người đại diện theo pháp luật thường xuyên vắng mặt tại Việt Nam.

**Quyền tự do kinh doanh:** Doanh nghiệp có thể chủ động hơn trong việc đưa ra các quyết định nội bộ của mình mà không ảnh hưởng đến quyền lợi của bên nào khác.

**Chi phí tuân thủ:** Quy định này giúp giảm chi phí quản trị doanh nghiệp do có thể linh hoạt hơn về mặt nhân sự.

20

**NỘI DUNG**

**Doanh nghiệp bảo hiểm được mở chi nhánh trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam**

**ĐIỀU LUẬT**

Điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư 194/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 17/12/2014

**LÝ DO**

**Sự cần thiết:** Trước đây, theo Thông tư 12525/2012/TT-BTC, doanh nghiệp bảo hiểm chỉ được mở tối đa 20 chi nhánh và văn phòng đại diện. Bảo hiểm là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và được kiểm soát bằng các điều kiện kinh doanh, giấy phép. Khi đã được cấp phép, đồng nghĩa với việc hoạt động của doanh nghiệp sẽ không gây ảnh hưởng đến các trật tự công. Do đó, giới hạn về số lượng chi nhánh, văn phòng đại diện (những đơn vị, bộ phận có tính chất thúc đẩy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp) là không cần thiết và có tính chất cản trở hoạt động của doanh nghiệp.

**Quyền tự do kinh doanh:** Việc mở bao nhiêu chi nhánh và văn phòng đại diện là quyết định của doanh nghiệp - tùy thuộc vào chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Đứng về phương diện quản lý nhà nước, đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đã được quản lý thông qua công cụ cấp phép cũng như những thủ tục đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện - đây là những phương thức có thể kiểm soát được những tác động của hoạt động kinh doanh này tới các lợi ích công. Do đó, quy định về giới hạn về số lượng chi nhánh, văn phòng đại diện được mở là can thiệp sâu vào quyền tự quyết của doanh nghiệp. Vì vậy, bỏ quy định này là đảm bảo quyền tự do kinh doanh.

**Tính hợp lý:** Quy định này có tác dụng tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp bảo hiểm.

**Chi phí tuân thủ:** Doanh nghiệp có quyền mở nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện nhằm thuận tiện cho việc kinh doanh của mình, và thuận tiện cho khách hàng.

**Cạnh tranh:** Việc hạn chế số chi nhánh và văn phòng đại diện sẽ dẫn đến tình trạng "phân chia địa bàn" giữa các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, làm giảm tính cạnh tranh, giảm cơ hội tiếp cận dịch vụ tốt hơn cho người tiêu dùng.

21

**NỘI DUNG**

**Mở rộng việc cho phép các chủ đầu tư dự án được cho thuê, cho thuê mua bất động sản hình thành trong tương lai**

**ĐIỀU LUẬT**

Điều 54, Luật kinh doanh bất động sản năm 2014

**LÝ DO**

**Sự cần thiết:** "Nhà, công trình xây dựng hình thành trong tương lai" được xem là loại tài sản được phép đưa vào kinh doanh theo Luật kinh doanh bất động sản năm 2014 (trong khi Luật 2006 không xác định đây là loại bất động sản được đưa vào kinh doanh). Và "cho thuê, cho thuê mua" là một trong những hình thức kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản. Do đó, cho phép áp dụng hình thức kinh doanh này đối với "Nhà, công trình xây dựng hình thành trong tương lai" là cần thiết, hợp lý (thay vì chỉ được bán bất động sản hình thành trong tương lai như Luật 2006).

**Quyền tự do kinh doanh:** Quy định này đã cho phép doanh nghiệp tự quyết các hình thức kinh doanh đối với bất động sản hình thành trong tương lai thay vì chỉ giới hạn trong hình thức giao dịch là "bán".

**Tính hợp lý:** Quy định này tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc mở rộng các hình thức kinh doanh đối với bất động sản. Dưới góc độ khách hàng, cũng tăng khả năng lựa chọn các hình thức giao dịch đối với bất động sản. Qua đó, thúc đẩy sự phát triển của thị trường bất động sản.

22

NỘI DUNG

Thủ tục đăng ký, thành lập hợp tác xã được đơn giản hóa tiệm cận với thủ tục thành lập doanh nghiệp (thời gian giải quyết ngắn (05 ngày), yêu cầu cơ quan có thẩm quyền không được yêu cầu thêm giấy tờ)

ĐIỀU LUẬT

Điều 6, Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 26/5/2014 hướng dẫn thủ tục đăng ký hợp tác xã và báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã

LÝ DO

**Sự cần thiết:** Trước Nhà nước, địa vị pháp lý của hợp tác xã và doanh nghiệp là tương đương nhau do đó, thủ tục đăng ký thành lập, thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã và doanh nghiệp nên được quy định tương tự nhau.

**Tính minh bạch:** Thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã được quy định rõ ràng, cụ thể, có thể thực hiện được trên thực tế: thời gian làm thủ tục chỉ 05 ngày làm việc, có mẫu kê khai cho các tài liệu trong Hồ sơ đăng ký, cán bộ tiếp nhận không được yêu cầu thêm bất kỳ giấy tờ nào khác ngoài các giấy tờ đã được quy định...

**Nguy cơ những nhiễu:** Giảm nguy cơ những nhiễu từ cán bộ tiếp nhận và xử lý hồ sơ do thủ tục đăng ký thành lập đã được quy định rõ ràng, cụ thể và có quy định cán bộ tiếp nhận không được yêu cầu thêm giấy tờ.

**Chi phí tuân thủ:** Giảm rất nhiều chi phí tuân thủ cho các hợp tác xã, hội viên hợp tác xã.

23

NỘI DUNG

Chuyển chức năng tập huấn cho người điều hành vận tải cho Hiệp hội doanh nghiệp

ĐIỀU LUẬT

Khoản 3 Điều 1, Thông tư 60/2015/TT-BGTVT

LÝ DO

**Sự cần thiết:** Đối với các hoạt động tập huấn nghiệp vụ, các tổ chức ngoài Nhà nước có thể thực hiện được. Nhà nước nên đứng ở vai trò quản lý và chuyển giao cho xã hội những hoạt động mà tổ chức tư nhân có thể thực hiện. Quy định này thể hiện được xu hướng tiến bộ này.

**Tính hợp lý:** Quy định này đã phù hợp với xu hướng “thị trường hóa” của các hoạt động đào tạo, tập huấn, tạo điều kiện cho các hiệp hội doanh nghiệp, cơ sở đào tạo - các chủ thể có đủ năng lực chuyên môn để thực hiện các hoạt động này.

**Cạnh tranh:** Việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ do nhiều đơn vị khác nhau cung cấp sẽ tạo ra tính cạnh tranh, giúp nâng cao chất lượng và giảm chi phí của công tác này.

**Nguy cơ những nhiễu:** Các hoạt động do Nhà nước cung cấp sẽ mang “đáng dấp” nhiều của hành chính, do đó sẽ có nhiều nguy cơ về sự nhiễu - xuất phát từ tính chất hành chính. Trao quyền cho các tổ chức ngoài nhà nước thực hiện và có sự cạnh tranh giữa các chủ thể cung cấp dịch vụ, thì vấn đề này sẽ không còn nữa.

24

NỘI DUNG

Miễn giấy phép xây dựng Nhà ở thuộc dự án phát triển đô thị, dự án phát triển nhà ở có quy mô dưới 7 tầng và tổng diện tích sàn dưới 500m<sup>2</sup> có quy hoạch chi tiết 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt

ĐIỀU LUẬT

Điểm e khoản 1 Điều 89, Luật xây dựng năm 2014

LÝ DO

**Sự cần thiết:** Các dự án quy mô nhỏ đã có quy hoạch chi tiết thì các nguy cơ về mất an toàn về xây dựng và công trình rất thấp. Do đó, Nhà nước không nhất thiết phải quản lý bằng công cụ giấy phép.

**Nguy cơ những nhiễu:** Việc miễn giấy phép sẽ giảm nguy cơ những nhiễu từ khâu cấp phép cũng như thanh kiểm tra sau này.

**Tính hợp lý:** Việc đơn giản hóa, miễn thủ tục hành chính đối với một số trường hợp thực hiện hoạt động quy mô nhỏ, không hoặc nguy cơ gây nguy hiểm cho xã hội rất thấp là phương pháp quản lý hợp lý. Thay vì thiết kế chung một thủ tục hành chính dành cho tất cả các đối tượng, tất cả các quy mô, cần nghiên cứu để giảm tần suất, giảm thời gian hoặc miễn các thủ tục hành chính không cần thiết đối với các trường hợp quy mô nhỏ.

**Chi phí tuân thủ:** Quy định giúp giảm chi phí tuân thủ cho việc xin giấy phép xây dựng.

25

NỘI DUNG

Bỏ Mục về Hợp đồng bảo hiểm trong Bộ luật dân sự

ĐIỀU LUẬT

Bộ luật dân sự 2015 đã bỏ Mục về Hợp đồng bảo hiểm của Bộ luật dân sự 2005

LÝ DO

**Sự cần thiết:** Luật kinh doanh bảo hiểm đã có quy định khá chi tiết về hợp đồng bảo hiểm, khi có các vấn đề liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, các quy định tại Luật sẽ được áp dụng trực tiếp, thay vì các quy định tại Bộ luật dân sự. Do đó, việc Bộ luật dân sự cũng quy định về hợp đồng bảo hiểm với những nội dung trùng với Luật kinh doanh bảo hiểm sẽ xây ra hiện tượng: hoặc là chồng lấn (và sẽ không được áp dụng, vì sẽ có xu hướng áp dụng luật chuyên ngành) hoặc là mâu thuẫn (thực tế, nhiều quy định tại Bộ luật dân sự 2005 về hợp đồng bảo hiểm là chưa thống nhất với Luật kinh doanh bảo hiểm).

Do đó, việc Bộ luật dân sự 2015 không quy định về Hợp đồng bảo hiểm là cần thiết và hợp lý.

**Tính thống nhất:** Quy định này giúp loại bỏ sự chồng chéo của pháp luật.

26

**NỘI DUNG**

Tòa án không được từ chối giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng

**ĐIỀU LUẬT**

Khoản 2 Điều 14, Bộ luật dân sự 2015

Khoản 2 Điều 4, Bộ luật tố tụng dân sự 2015

**Tính hợp lý:** Việc bỏ Mục về Hợp đồng bảo hiểm trong Bộ luật dân sự sẽ giúp tránh được những điểm mâu thuẫn. Việc bỏ chương hợp đồng bảo hiểm cũng không gây "khoảng trống pháp luật" bởi các hợp đồng bảo hiểm hiện nay chỉ được lập trong kinh doanh, không tồn tại hợp đồng bảo hiểm ngoài kinh doanh (thuần túy dân sự).

**LÝ DO**

**Sự cần thiết:** Các chủ thể có quyền được yêu cầu giải quyết mọi tranh chấp dân sự phát sinh - kể cả các tranh chấp đó có được quy định hay không quy định trong văn bản pháp luật. Nhiệm vụ của Tòa án là giải quyết các tranh chấp dân sự đó.

Tòa án từ chối giải quyết vụ việc dân sự vì chưa có điều luật để áp dụng xảy ra nhiều trên thực tế. Điều này khiến cho quyền lợi của các chủ thể dân sự bị ảnh hưởng và Tòa án không thực hiện đúng vai trò của mình.

Quy định về nguyên tắc này là cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể và đảm bảo Tòa án thực hiện đúng vai trò của mình.

**Tính thống nhất:** Giúp lấp các lỗ hổng pháp lý mà công tác xây dựng pháp luật chưa làm được.

**Nguy cơ những nhiễu:** Giảm nguy cơ những nhiễu của cán bộ tòa án khi từ chối thụ lý đơn khởi kiện vì lý do chưa có luật áp dụng.

**Tính hợp lý:** Quy định này giúp tăng trách nhiệm giải trình của tòa án trong việc đứng ra giải quyết tranh chấp, bảo vệ quyền lợi của các bên trong quan hệ dân sự. Khởi kiện ra tòa thường là phương án cuối cùng để người dân và doanh nghiệp đòi lại quyền lợi chính đáng của mình. Nếu tòa án lại từ chối xét xử thì có thể dẫn đến việc các lợi ích chính đáng của người dân và doanh nghiệp không được bảo vệ hoặc sẽ nảy sinh các biện pháp khác giải quyết khác không phù hợp.

27

**NỘI DUNG**

Nâng thời hạn giao đất nông nghiệp từ 20 năm lên 50 năm

**ĐIỀU LUẬT**

Điều 126 và 127, Luật đất đai năm 2013

**LÝ DO**

**Sự cần thiết:** Nhu cầu sử dụng đất ổn định, lâu dài vào mục đích nông nghiệp của người dân là chính đáng.

**Tính hợp lý:** Việc kéo dài thời hạn giao đất giúp người nông dân có tâm lý ổn định, yên tâm canh tác và đầu tư vào đất đai, nông nghiệp, từ đó tạo nguồn cung ổn định các hàng hóa nông sản cho xã hội. Ví dụ, một số vùng như Tây Nguyên đang phát triển khu nông sản tập trung, vùng hàng hóa như cà phê, hồ tiêu hay đồng bằng sông Cửu Long đang thực hiện mô hình cánh đồng mẫu lớn nên có thể khuyến khích được sự sang tạo của người nông dân.

28

**NỘI DUNG**

Giảm điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông

**ĐIỀU LUẬT**

Khoản 1 Điều 141, Luật doanh nghiệp năm 2014

**LÝ DO**

**Sự cần thiết:** Các điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông theo Luật doanh nghiệp 2005 trước đây khá cao, 65% lần đầu và 51% lần hai, khiến cho nhiều doanh nghiệp phải tiến hành đại hội cổ đông nhiều lần, gây tốn kém chi phí.

**Tính hợp lý:** Quy định giảm tỷ lệ xuống còn 51% lần đầu và 33% lần hai phù hợp với thông lệ quốc tế và tạo thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp.

**Chi phí tuân thủ:** Quy định giúp giảm đáng kể chi phí tuân thủ của các doanh nghiệp trong việc tiến hành các cuộc họp đại hội đồng cổ đông.

29

**NỘI DUNG**

Các nguyên tắc làm thủ tục đầu tư: (1) không yêu cầu thêm hồ sơ; (2) chỉ yêu cầu bổ sung hồ sơ 1 lần; (3) đơn vị được lấy ý kiến không trả lời coi như đồng ý

**ĐIỀU LUẬT**

Điều 6, Nghị định 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/11/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư năm 2014

**LÝ DO**

**Sự cần thiết:** Một trong những lý do gây khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính xuất phát từ các cán bộ thực thi (yêu cầu hoàn thiện hồ sơ nhiều lần, yêu cầu thêm những giấy tờ không quy định, không trả lời đúng hạn ...). Rất nhiều các quy định liên quan đến thủ tục hành chính không đặt ra các nguyên tắc này, vì vậy tạo ra rất nhiều "cơ hội" cho các cán bộ thực thi những nhiễu, gây khó khăn trong khi doanh nghiệp lại không có căn cứ để khiếu nại.

Việc đưa ra những nguyên tắc này là cần thiết để giải quyết tình trạng những nhiễu trên.

**Tính minh bạch:** Tăng tính minh bạch của việc thực hiện thủ tục hành chính về đầu tư. Nhà đầu tư sẽ nhận biết được các nguyên tắc khi thực hiện thủ tục đầu tư và từ đó có thể bảo vệ quyền lợi của mình.

**NỘI DUNG**

Cho phép thoái vốn dưới mệnh giá, dưới giá trị sổ sách kế toán khi cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước

**ĐIỀU LUẬT**

Điều 4, Điều 5 Quyết định 51/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15/9/2014 quy định một số nội dung về thoái vốn bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước

**Nguy cơ những nhiễu:** Giảm nguy cơ những nhiễu của việc làm thủ tục hành chính về đầu tư.

**Tính hợp lý:** Quy định này sẽ giảm được tình trạng những nhiễu, gây phiền phức và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính về đầu tư.

**Chi phí tuân thủ:** Quy định giúp giảm chi phí tuân thủ (thời gian và chi phí không chính thức) của doanh nghiệp khi làm các thủ tục hành chính.

**LÝ DO**

**Sự cần thiết:** Một trong những khó khăn lớn nhất của việc thoái vốn, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước nằm ở quy định không cho phép thoái vốn dưới mệnh giá, giá trị sổ sách kế toán.

**Tính hợp lý, khả thi:** Việc thoái vốn tại các doanh nghiệp nhà nước không chỉ nhằm mục đích thu lợi về cho nhà nước mà còn giúp thay đổi cơ chế, động lực để quản trị tốt hơn các doanh nghiệp này, giúp nâng cao hiệu quả kinh tế. Do đó, việc thoái vốn dưới mệnh giá, dưới giá trị sổ sách kế toán (nhưng vẫn bảo đảm nguyên tắc đầu giá) sẽ giúp đẩy nhanh tiến trình này.

**Chi phí tuân thủ:** Giúp nhanh chóng chuyển các nguồn lực sản xuất từ các doanh nghiệp, giúp tận dụng tốt hơn các nguồn lực xã hội vào sản xuất kinh doanh.



# Các quy định được đề cử kém

Lưu ý: Các số thứ tự trong bảng biểu này được đánh ngẫu nhiên, không được hiểu là tốt nhất hay kém nhất

## 1



### NỘI DUNG

**Hạn chế đối với hoạt động hợp tác của các cơ sở in.** Cơ sở in “không được hợp tác với các cơ sở in khác để thực hiện chế bản, in, gia công sau in đối với sản phẩm in do mình đã nhận hợp tác”.

### QUY ĐỊNH

Điểm c khoản 3 Điều 24 Nghị định 60/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/6/2014 quy định về hoạt động in

### LÝ DO

**Sự cần thiết:** Hoạt động hợp tác của các cơ sở in ít tác động đến các trật tự công, do đó không cần thiết phải hạn chế hoạt động này.

**Quyền tự do kinh doanh:** Hợp tác với các cơ sở in khác là hoạt động kinh doanh bình thường của doanh nghiệp, vì các chiến lược kinh doanh. Việc hạn chế hoạt động hợp tác của doanh nghiệp in là can thiệp vào quyền tự chủ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

**Tính hợp lý:** Việc hợp tác giữa các doanh nghiệp để tận dụng lợi thế, tận dụng các nguồn lực dư thừa, nhàn rỗi là bình thường. Việc ngăn cấm hợp tác giữa các cơ sở in với nhau sẽ làm giảm tính linh hoạt của việc tổ chức sản xuất, kinh doanh.

**Tính khả thi:** Sự hợp tác giữa các cơ sở in được thể hiện dưới nhiều hình thức, cách thức khác nhau, cơ quan nhà nước rất khó kiểm soát (không có phương thức kiểm soát hiệu quả hoặc không đủ nguồn lực) được hoạt động này.

**Chi phí tuân thủ:** Quy định này làm giảm hiệu quả kinh tế của ngành in, gây lãng phí, tổn kém chi phí xã hội vì các doanh nghiệp phải mất thời gian để hợp thức hóa việc hợp tác với cơ sở in khác.

### PHẢN HỒI CỦA BỘ

Công văn số 1719/BTTTT-PC của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 26/5/2016 về việc cung cấp thông tin thêm cho Cuộc bình chọn các quy định pháp luật:

Thực hiện Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đã thành lập Tổ công tác rà soát, đơn giản hóa nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động in, do Lãnh đạo Bộ là Tổ trưởng Tổ công tác, các thành viên là lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Pháp chế và Cục Xuất bản, In và Phát hành), đại diện các Cơ quan có liên quan gồm Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính.

Tổ Công tác đã làm việc với Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính (Bộ Tư pháp), Hiệp hội In Việt Nam, Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính... và khoảng 40 cơ sở in trên cả nước để lấy ý kiến góp ý về thủ tục hành chính liên quan đến cơ sở in. Tổ công tác đã tiến hành các cuộc họp để trao đổi, thảo luận, thống nhất về danh mục các thủ tục hành chính thuộc nhóm, thứ tự thực hiện các thủ tục hành chính; nội dung phương án đơn giản hóa để xuất thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính (Bộ Tư pháp) và Tổ công tác của Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức nhiều cuộc họp để thảo luận. Để đảm bảo tính khách quan và thể hiện ý kiến đa chiều của các bên, Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính và Tổ công tác đã mời đại diện VCCI và đại diện Hiệp hội In Việt Nam, đại diện một số doanh nghiệp in

tham dự họp, nêu các câu hỏi và phát biểu ý kiến. Trong quá trình thảo luận, Tổ công tác đã giải đáp mọi câu hỏi liên quan đến các quy định và thủ tục hành chính về hoạt động in của Cục Kiểm tra văn bản, VCCI và đại diện Hiệp hội In Việt Nam, đại diện một số doanh nghiệp in, trong đó bao gồm toàn bộ các nội dung trong danh mục được đề cử quy định tối của Quý cơ quan gửi kèm công văn số 1013/PTM-PC.

Tại buổi làm việc cuối cùng ngày 06/11/2015 giữa Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp), Tổ công tác, đại diện VCCI, đại diện Hiệp hội In Việt Nam, một lần nữa, Tổ công tác đã giải đáp lại toàn bộ các nội dung trên, bao gồm những nội dung Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ đề xuất với Thủ tướng Chính phủ để giảm nhẹ thủ tục hành chính, nội dung có thể bỏ, nội dung giữ nguyên và lý do cần cứ pháp lý, tình hình thực tế của từng nội dung. Tại cuộc họp này, đại diện các bên có mặt đều ghi nhận sự cầu thị và nỗ lực của Tổ công tác và Bộ Thông tin và Truyền thông trong quá trình tiến hành rà soát đơn giản hóa nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động in, nhằm tạo môi trường kinh doanh đơn giản và thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp in.

Trên tinh thần làm việc đó, tháng 12/2015, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có Tờ trình gửi Thủ tướng Chính phủ để đề xuất đơn giản hóa một số thủ tục hành chính trong hoạt động in, đồng thời giải trình với Văn phòng Chính phủ những lý do, căn cứ pháp lý, tình hình thực tế đối với một số ít những thủ tục nào vẫn cần tiếp tục thực hiện.

Ngày 19/01/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 143/QĐ-TTg phê duyệt Phương án đơn giản hóa nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động của các cơ sở in thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Như vậy, đối với những vấn đề nêu tại Công văn số 1013/PTC-PC ngày 05/5/2016 của VCCI về các nội dung liên quan đến Nghị định 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có những giải đáp cụ thể liên quan đến thủ tục hành chính cần đơn giản hóa và trên cơ sở đó Thủ tướng Chính phủ cũng đã phê duyệt các nội dung của Bộ đề xuất và được quy định cụ thể tại Quyết định 143/QĐ-TTg nêu trên.

## 2

### NỘI DUNG

**Nội dung của hợp đồng lao động.** Nội dung hợp đồng lao động phải có nội dung: “Trang bị bảo hộ lao động cho người lao động: Ghi cụ thể số lượng, chủng loại, chất lượng và thời hạn sử dụng của từng loại trang bị bảo hộ lao động theo quy định của người sử dụng lao động”.

### QUY ĐỊNH

Khoản 8 Điều 4 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động

### LÝ DO

**Quyền tự do kinh doanh:** Việc bắt buộc phải ghi rất chi tiết về một nội dung không cốt lõi của hợp đồng lao động, đã hạn chế quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp.

**Tính hợp lý:** Việc yêu cầu nội dung quá chi tiết như số lượng, chủng loại, chất lượng, thời hạn sử dụng của từng loại trang bị bảo hộ lao động là bất hợp lý, bởi nội dung này sẽ thay đổi trong quá trình thực hiện (ví dụ: chủng loại về trang bị bảo hộ lao động sẽ thay đổi về loại so với loại đã thỏa thuận ban đầu nếu như muốn nâng cấp chất lượng hoặc loại cũ đã hỏng và cần thay thế loại mới...).

**Tính khả thi:** Quy định này luôn đặt doanh nghiệp vào tình trạng vi phạm và tìm cách “lách” các quy định.

**Nguy cơ những nhiễu:** Quy định này gây ra nguy cơ những nhiễu trong quá trình thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về lao động, do doanh nghiệp phải đối mặt với nguy cơ bị xử phạt, trong khi rất khó để tuân thủ quy định.

**Chi phí tuân thủ:** Nếu không muốn vi phạm thì phải ký lại hợp đồng để thay đổi một nội dung nhỏ - điều này sẽ mất rất nhiều chi phí và thời gian của các bên.

### PHẢN HỒI CỦA BỘ

Công văn số 1733/LĐTĐXH-PC ngày 19/05/2016 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc cung cấp thông tin chọn các quy định pháp luật:

Trong quá trình xây dựng văn bản hướng dẫn Bộ luật Lao động, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã đề xuất Chính phủ, Quốc hội cho phép quy định chi tiết các nội dung Bộ luật Lao động chưa quy định cụ thể hoặc còn nhiều các hiểu khác nhau để tạo điều kiện thuận lợi trong tổ chức thực hiện. Vì vậy, Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 được Chính phủ

ban hành đã cơ bản giải quyết các nội dung trên. Tuy nhiên, khi triển khai, một số doanh nghiệp gặp khó khăn do quy định chưa bảo đảm tính linh hoạt. Vì vậy, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội sẽ tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi trên cơ sở điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng đảm bảo nguyên tắc an toàn lao động đối với người lao động và thực tiễn của doanh nghiệp, có sự tham gia, thống nhất của đại diện người lao động tại doanh nghiệp.

## 3

### NỘI DUNG

**Khi cột đo xăng bị hư hỏng, chỉ được thuê cơ sở khác sửa chữa nếu được cơ sở sản xuất, nhập khẩu, cung cấp phương tiện đo đồng ý.** Khi cột đo xăng dầu bị hư hỏng các chi tiết, bộ phận chức năng đã được niêm phong kẹp chì, thương nhân bán lẻ xăng phải liên hệ và đề nghị bằng văn bản tới cơ sở sản xuất, nhập khẩu, cung cấp phương tiện đo để tiến hành sửa chữa đồng thời gửi tới Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và tổ chức đã kiểm định phương tiện đo. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ sở sản xuất, nhập khẩu, cung cấp phương tiện đo phải đáp ứng đề nghị sửa chữa của thương nhân. Thương nhân có quyền lựa chọn cơ sở khác thực hiện sửa chữa khi cơ sở sản xuất, nhập khẩu, cung cấp phương tiện đo đã giải thể, phá sản hoặc cơ sở sản xuất, nhập khẩu, cung cấp phương tiện đo có văn bản từ chối thực hiện với lý do chính đáng gửi thương nhân và Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

### QUY ĐỊNH

Khoản 6 Điều 6 Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 25/8/2015 quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu

### LÝ DO

**Sự cần thiết:** “Cột đo xăng” là hàng hóa thuộc Nhóm 2, trước khi đưa vào sử dụng phải được kiểm định, hiệu chuẩn và có chứng nhận sự phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật. Về mặt nguyên tắc, cho dù cột xăng này được sửa chữa bởi chủ thể nào thì khi đưa vào sử dụng cũng phải đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định và được một tổ chức chứng nhận chứng nhận.

Do đó, yêu cầu bắt buộc phải cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện sửa chữa và khi cơ sở này không sửa thì mới được lựa chọn đơn vị khác là không cần thiết.

Quyền tự do kinh doanh: ảnh hưởng đến quyền tự do lựa chọn đối tác giao kết hợp đồng, sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp.

**Tính hợp lý:** Quy định này làm giảm cơ hội lựa chọn của doanh nghiệp, tốn kém chi phí mà lại không tạo được lợi ích rõ ràng nào cho xã hội.

**Chi phí tuân thủ:** gây ra chi phí tuân thủ do phải thực hiện nhiều thủ tục, thời gian chờ đợi kéo dài, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp bán lẻ xăng dầu.

**Thúc đẩy cạnh tranh:** Quy định này tạo ra sự phụ thuộc của nhà bán lẻ và bên cung cấp thiết bị, làm giảm tính cạnh tranh trên thị trường dịch vụ sửa chữa thiết bị.

### PHẢN HỒI CỦA BỘ

Công văn số 1945/BKHCN-TDC của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 17/05/2016 về việc ban hành quy định về việc sửa chữa cột đo xăng dầu tại Thông tư 15/2015/TT-BKHCN:

1. Mục nội dung trong Danh mục đề cử quy định đề cử tối kèm theo Công văn số 1013/PTM-PC ngày 05/5/2016 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) có ghi: “*Khi cột đo xăng bị hư hỏng, chỉ được thuê cơ sở khác sửa chữa nếu được cơ sở sản xuất, nhập khẩu, cung cấp phương tiện đo đồng ý*”. Việc ghi như vậy là không đầy đủ dẫn đến sự hiểu lầm rằng mọi hư hỏng của cột đo xăng dầu chỉ được thuê cơ sở khác sửa chữa nếu được cơ sở sản xuất, nhập khẩu cung cấp phương tiện đo đồng ý hoặc hiểu lầm mọi hư hỏng doanh nghiệp đều phải tuân thủ các quy định của Thông tư 15/2015/TT-BKHCN.

Trong khi Khoản 6 Điều 6 tại Thông tư 15/2015/TT-BKHCN có quy định: “*Khi phát hiện kết quả đo lường xăng dầu không bảo đảm yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều này hoặc trường hợp cột đo xăng dầu bị hư tổn phải tiến hành hiệu chỉnh, sửa chữa, thay thế (sau đây viết tắt là sửa chữa) các chi tiết, bộ phận, chức năng (viết tắt là bộ phận) đã được niêm phong hoặc kẹp chì, thương nhân phải thực hiện biện pháp khắc phục...*”.

Quy định trên nhấn mạnh và làm rõ chỉ những hư hỏng, sai lệch đo lường, bộ phận đo đã niêm phong, kẹp chì của cột đo xăng dầu mới phải thực hiện các quy định của Thông tư này. Đồng thời, quy định trên cũng phù hợp với quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng tại Điểm b Khoản 2 Điều 22 Nghị

định số 97/2013/NĐ-CP ngày 27/8/2013 của Chính phủ: “Tự ý tháo dỡ niêm phong kẹp chì, dấu kiểm định, tem kiểm định trên phương tiện đo mà không thông báo với cơ quan có thẩm quyền theo quy định.”.

Các sai, hỏng khác còn lại không liên quan đến bộ phận đo đã niêm phong, kẹp chì thì thương nhân bán lẻ hoàn toàn chủ động thực hiện sửa chữa theo nhu cầu.

Các quy định này nhằm ngăn cản khả năng can thiệp, làm thay đổi các đặc tính kỹ thuật đo lường của cột đo xăng dầu để gian lận thương mại, gây thiệt hại cho người tiêu dùng (kết quả thanh tra, kiểm tra cho thấy hành vi can thiệp làm thay đổi các đặc tính kỹ thuật đo lường chiếm 70% vi phạm về đo lường hoặc hành vi cố tình xóa dấu vết để lẩn tránh sự phát hiện trước khi các cơ quan thanh tra, kiểm tra đến)

2. Thời gian qua thông qua các hội thảo, phổ biến hướng dẫn thực hiện Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN tại TP Hồ Chí Minh, Bắc Giang, Bắc Ninh, Phú Thọ, Đắk Lắk, Nha Trang, Cần Thơ, Tổng cục đã nhận được nhiều ý kiến đánh giá tích cực từ phía các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, người tiêu dùng và các cơ sở sản xuất, kinh doanh cột đo xăng dầu.

# 4

## NỘI DUNG

**Ghi mã ngành cấp bốn khi làm thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, thủ tục đầu tư.** Khi thực hiện các thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp phải thực hiện mã hóa ngành nghề mà mình đăng ký theo ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam. Yêu cầu nhà đầu tư phải điền mã ngành VSIC và CPC, nếu có, đối với ngành, nghề đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà nhà đầu tư góp vốn/mua cổ phần/phần vốn góp.

## QUY ĐỊNH

Khoản 1 Điều 7 Nghị định 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/9/2015 về đăng ký doanh nghiệp.

Phụ lục về các biểu mẫu trong Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam

## LÝ DO

**Tính thống nhất:** Luật doanh nghiệp 2014 không quy định về việc doanh nghiệp phải ghi mã ngành nghề khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Hơn nữa, việc đơn giản hóa thủ tục đăng ký doanh nghiệp là một trong những sửa đổi quan trọng nhất của Luật Doanh nghiệp 2014, quy định này đang đi ngược lại tinh thần này.

**Tính minh bạch:** Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam vẫn chưa bao quát hết các ngành, kinh tế trên thực tế dẫn tới hiện tượng doanh nghiệp cũng như cơ quan nhà nước không biết xác định ngành, nghề kinh doanh thuộc mã nào.

**Tính hợp lý:** Việc ghi mã ngành nghề cấp bốn khi đăng ký kinh doanh hoặc làm thủ tục đầu tư nhằm mục tiêu thống kê của nhà nước. Do đó, trách nhiệm thực hiện việc ghi mã thuộc về cơ quan nhà nước, nhưng lại được đẩy cho doanh nghiệp.

**Chi phí tuân thủ:** Quy định này làm mất thời gian cho doanh nghiệp phải tra cứu mã ngành, nghề để ghi.

**Nguy cơ những nhiễu:** Quy định tạo nguy cơ những nhiễu khi cán bộ từ chối hồ sơ của doanh nghiệp vì lý do chưa ghi hoặc ghi không đúng mã ngành nghề.

**Thời điểm ban hành, có hiệu lực:** Chậm 4 tháng so với yêu cầu của Quốc hội, gây tác động lớn đến việc thành lập doanh nghiệp.

## PHẢN HỒI CỦA BỘ

Công văn số 4211/BKHĐT-PTDN của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 01/6/2016 về việc cung cấp thông tin thêm cho Cuộc bình chọn các quy định pháp luật:

**Về tính thống nhất:** Quy định này không làm ảnh hưởng đến tính thống nhất giữa Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và Luật Doanh nghiệp 2014.

Luật doanh nghiệp 2014 bãi bỏ việc ghi ngành, nghề kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mục đích làm nhằm luật hóa quy định của Hiến pháp về quyền tự do kinh doanh: “mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm” thay vì chỉ được kinh doanh những ngành, nghề ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp như trước đây. Còn quy định ghi ngành, nghề kinh doanh cấp bốn trên Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp là nhằm phục vụ cho lợi ích của doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước (bao gồm mục đích thống kê, phân tích, dự báo...), không

làm ảnh hưởng đến quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp. Doanh nghiệp được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm; kể cả các ngành nghề chưa có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC), cơ quan đăng ký kinh doanh vẫn ghi nhận thông tin đăng ký của doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

*Về tính minh bạch:* Quy định, cơ sở pháp lý liên quan đến việc ghi mã ngành cấp bốn đã đảm bảo đầy đủ và minh bạch.

Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC) là một hệ thống chuẩn để áp dụng chung, thống nhất cho tất cả các đối tượng bao gồm: cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân có liên quan. VSIC được xây dựng trên cơ sở phân ngành chuẩn quốc tế (ISIC) với kết cấu chặt chẽ, các phân ngành được quy định khá chi tiết, trong đó đã bao gồm nội hàm cụ thể của từng ngành. Do đó, doanh nghiệp có thể xác định một cách chính xác về ngành, nghề dự kiến kinh doanh của mình.

Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong VSIC và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, khoản 5 Điều 6 Nghị định 78/2015/NĐ-CP đã quy định “*cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi nhận ngành, nghề kinh doanh này vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nếu không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để bổ sung ngành, nghề kinh doanh mới*”. Đồng thời, tại Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 quy định biểu mẫu thực hiện đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam, tại mẫu 1.4 có quy định về việc nhà đầu tư điền mã ngành VSIC và CPC, nếu có, đối với ngành nghề đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà nhà đầu tư góp vốn/mua cổ phần/phần vốn góp nếu ngành nghề đó thuộc danh mục các ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài nhằm đảm bảo xem xét sự phù hợp với cam kết mở cửa thị trường của Việt Nam cho nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại các điều ước quốc tế.

Quy định này tạo điều kiện cho nhà đầu tư thể hiện quyền của mình, qua đó khẳng định việc nhà đầu tư đã tuân thủ các quy định của pháp luật và đáp ứng các điều kiện đầu tư áp dụng cho nhà đầu tư nước ngoài mà không thụ động để các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư xếp mã ngành cũng như xem xét sự phù hợp với quy định của pháp luật.

*Về tính hợp lý:* Việc để doanh nghiệp tự ghi mã ngành, nghề trên Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp là hợp lý trên cơ sở đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước. Việc này không đơn thuần chỉ vì mục đích thống kê, và không thể hiểu là “đẩy trách nhiệm” cho doanh nghiệp.

- Thứ nhất, doanh nghiệp là người nắm rõ nhất lĩnh vực mà họ dự kiến kinh doanh, do vậy việc tự ghi ngành, nghề kinh doanh đảm bảo tính chủ động, tính tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp đối với những thông tin đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước; đồng thời, đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp do thông tin về ngành, nghề kinh doanh cũng là cơ sở để xác định mức thuế, các ưu đãi về thuế mà doanh nghiệp được hưởng theo quy định (nếu có).
- Thứ hai, việc doanh nghiệp tự ghi ngành, nghề kinh doanh phục vụ lợi ích lâu dài cho chính doanh nghiệp. Dữ liệu thống kê doanh nghiệp theo lĩnh vực kinh doanh là một đầu vào quan trọng cho việc đánh giá môi trường, tình hình đầu tư kinh doanh và công tác xây dựng chính sách vĩ mô, qua đó cơ quan quản lý nhà nước có cơ sở để đưa ra những quyết định chính sách có lợi nhất cho sự phát triển của doanh nghiệp. Đồng thời, đây cũng là dữ liệu thông tin hữu ích để hỗ trợ doanh nghiệp tham khảo trong việc lựa chọn, đưa ra quyết định phù hợp về hợp tác, đầu tư.
- Thứ ba, mối quan hệ giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước là một mối quan hệ hai chiều. Cơ quan quản lý nhà nước vừa quản lý, vừa tạo điều kiện cho sự phát triển của doanh nghiệp; đồng thời, khi tham gia hoạt động trong nền kinh tế, doanh nghiệp có trách nhiệm phải tìm hiểu những quy định pháp lý liên quan, và tự chịu trách nhiệm với yếu tố thuộc về mình, do mình đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước.
- Thứ tư, quy định về việc doanh nghiệp lựa chọn và ghi ngành, nghề kinh doanh theo ngành kinh tế cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam là quy định phù hợp với thông lệ quốc tế. Theo thống kê của các chuyên gia pháp lý quốc tế, hiện có khoảng 150 quốc gia trên thế giới sử dụng hệ thống mã ngành cấp 4, thậm chí phân cấp cụ thể hơn trong đăng ký doanh nghiệp, trong đó bao gồm những quốc gia được xếp hạng cao trong bảng đánh giá về môi trường kinh doanh như New Zealand, Singapore, Mỹ, Canada...

*Về chi phí tuân thủ:* Việc quy định doanh nghiệp tự lựa chọn và ghi ngành, nghề đăng ký kinh doanh theo Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam không phải là một quy định mới (Nghị định số 43/2010/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp đã có quy định này), do đó, không làm phát sinh thêm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính. Việc tra cứu mã ngành, nghề cũng không mất nhiều thời gian của doanh nghiệp vì công cụ tra cứu thuận tiện (đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: <http://dangkykinhdoanh.gov.vn>) và tại các Phòng đăng ký kinh doanh cũng đã có hướng dẫn cụ thể. Hơn nữa, như đã đề cập ở trên, việc tự ghi ngành, nghề kinh doanh đảm bảo lợi ích lâu dài cho doanh nghiệp, vì vậy, chi phí thời gian mà doanh nghiệp bỏ ra cho việc tra cứu và ghi mã ngành, nghề là chi phí hợp lý.

*Về nguy cơ những nhiễu:* Để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, khoản 1 Điều 7 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP đã quy định: cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm hướng dẫn, đối chiếu và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Do vậy, không có căn cứ khi đưa ra ý kiến về nguy cơ những nhiễu phát sinh từ quy định này. Hơn nữa, việc ghi ngành nghề theo một quy chuẩn để cả doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước cùng hiểu thống nhất sẽ hạn chế việc những nhiễu doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.

*Về thời điểm ban hành, có hiệu lực:* Trong thời gian Nghị định số 78/2015/NĐ-CP chưa có hiệu lực thi hành, việc đăng ký doanh nghiệp vẫn thực hiện theo quy định của Nghị định số 43/2010/NĐ-CP và Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT. Trong đó, quy định về việc ghi ngành, nghề kinh doanh trên Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp tại Nghị định 78/2015/NĐ-CP và Nghị định 43/2010/NĐ-CP cơ bản là không có nhiều khác biệt, do vậy, không có tác động tiêu cực của việc chậm ban hành quy định về ghi ngành, nghề kinh doanh khi thực hiện đăng ký doanh nghiệp.

# 5

## **NỘI DUNG**

**Thủ tục kê khai giá.** Thủ tục kê khai giá bao gồm các bước sau:

- (1) Doanh nghiệp gửi văn bản kê khai giá;
- (2) Cán bộ cơ quan nhà nước sẽ tiếp nhận và xem xét có đủ thành phần, số lượng không. Nếu không sẽ bị trả về để bổ sung. Nếu có sẽ thực hiện rà soát;
- (3) Cơ quan nhà nước sẽ rà soát nội dung Văn bản kê khai và phần giải trình lý do điều chỉnh giá. Nếu nội dung giải trình chưa phù hợp thì sẽ phải giải trình lại. Sau 3 lần giải trình mà chưa được đáp ứng yêu cầu, doanh nghiệp không được điều chỉnh giá

## **QUY ĐỊNH**

Điều 16 Thông tư số 56/2014/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định 177/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá

## **LÝ DO**

**Tính thống nhất:** Luật giá quy định “kê khai giá” là thủ tục mang tính chất thông báo. Thủ tục kê khai giá tại Điều 16 Thông tư 56 được thiết kế tương tự như thủ tục xin phép, trong đó cơ quan nhà nước sẽ xem xét các yếu tố về giá và yêu cầu doanh nghiệp giải trình nếu việc điều chỉnh giá không hợp lý, nếu giải trình của doanh nghiệp không được chấp thuận thì doanh nghiệp không được tăng giá.

**Tính minh bạch:** Tiêu chí để cơ quan nhà nước xem xét và đánh giá tính phù hợp của giải trình việc điều chỉnh giá chưa rõ ràng, vì vậy doanh nghiệp luôn đứng trước nguy cơ bị từ chối được điều chỉnh giá mà không rõ lý do và phụ thuộc hoàn toàn vào quyết định của cán bộ thực thi.

**Quyền tự do kinh doanh:** “Kê khai giá” là biện pháp quản lý tiếp nhận thông tin về giá của một số hàng hóa, dịch vụ và Nhà nước sẽ không can thiệp vào yếu tố quyết định giá của doanh nghiệp như các biện pháp quản lý giá khác. Điều này cho thấy, các loại hàng hóa, dịch vụ phải áp dụng biện pháp kê khai giá, hoặc thời điểm áp dụng biện pháp này, mức độ tác động của các mặt hàng này đến đời sống là không lớn (đến mức Nhà nước phải can thiệp bằng biện pháp quản lý về giá mạnh hơn: ví dụ, đăng ký giá, kiểm tra yếu tố hình thành giá) và doanh nghiệp có toàn quyền quyết định về giá đối với hàng hóa, dịch vụ mà mình cung cấp.

Việc quy định thủ tục kê khai giá trong đó Nhà nước có xem xét đến các yếu tố giá được điều chỉnh và doanh nghiệp không được điều chỉnh giá khi không giải trình hợp lý là sự can thiệp sâu vào quyền tự quyết định về giá của doanh nghiệp.

**Nguy cơ những nhiễu:** Do sự thiếu rõ ràng của các tiêu chí xem xét việc giải trình việc điều chỉnh giá nên quy định này sẽ tạo nguy cơ những nhiễu, tiêu cực từ các cán bộ thực thi.

**Tính hợp lý:** Mục tiêu của việc kê khai giá là để cơ quan quản lý có đủ thông tin về diễn biến giá trên thị trường; bên cạnh đó, giúp người dân có thể biết đến giá cả hàng hóa, dịch vụ tốt hơn. Việc cơ quan nhà nước xem xét lại quyết định điều chỉnh giá của doanh nghiệp đã vượt ra khỏi mục tiêu chính sách ban đầu.

**Chi phí tuân thủ:** Doanh nghiệp buộc phải làm thủ tục hành chính phức tạp hơn, do phải chờ đợi việc rà soát của cơ quan nhà nước, phải giải trình nếu cơ quan nhà nước yêu cầu chỉ phải cung cấp thông tin như yêu cầu của Luật.

**Cạnh tranh:** Quy định này khiến doanh nghiệp chậm phản ứng hơn với sự thay đổi của thị trường, làm giảm cơ hội cạnh tranh về giá của doanh nghiệp.

**Thời điểm ban hành, có hiệu lực:** Chậm ban hành 6 tháng.

## **PHẢN HỒI CỦA BỘ**

*(i) Đối với các ý kiến cho rằng Thông tư 56/2014/TT-BTC đã đưa ra thủ tục phải có sự xem xét, đồng ý của cơ quan nhà nước là mang tính xin phép, không phù hợp với tinh thần của Luật giá (tính thống nhất), vượt ra ngoài mục tiêu chính sách ban đầu của việc kê khai giá là để cơ quan quản lý có đủ thông tin về diễn biến giá thị trường (tính hợp lý).*

Quá trình xây dựng và ban hành Thông tư số 56/2014/TT-BTC được thực hiện theo đúng quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008. Các nội dung trong Thông tư số 56/2014/TT-BTC, bao gồm nội dung về kê khai giá phù hợp với các quy định tại Luật giá, Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định quy tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá (sau đây gọi tắt là Nghị định số 177/2013/NĐ-CP) và không chống chéo với các văn bản quy phạm pháp luật khác. Cụ thể: Khoản 4 Điều 12 Luật giá cũng quy định, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có nghĩa vụ kê khai giá bán hoặc giá mua hàng hóa, dịch vụ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của mức giá đã kê khai đối với hàng hóa,

dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo quy định của Chính phủ. Đồng thời, Điều 15 và Điều 16 của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP cũng quy định rõ về hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá và tổ chức việc kê khai giá.

Luật giá đã quy định kê khai giá là nghĩa vụ của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo quy định của Chính phủ. Mục đích của việc kê khai giá là giúp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý giá nắm bắt được thường xuyên thông tin giá cả của những mặt hàng thuộc diện bình ổn giá và các hàng hóa, dịch vụ quan trọng thiết yếu đối với nền kinh tế và đời sống nhân dân để có thể tham mưu kịp thời cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định các biện pháp điều hành và bình ổn giá đúng đắn, phù hợp. Do đó, việc quy định về thủ tục kê khai giá tại Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định quy tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá và Thông tư số 56/2014/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP là thống nhất với quy định của Luật giá và hợp lý trong việc quản lý giá của một số lượng hạn chế những hàng hóa quan trọng, thiết yếu.

*(ii) Đối với các ý cho rằng: việc cơ quan nhà nước có quyền từ chối doanh nghiệp thay đổi giá dựa trên tính “phù hợp” của cấu thành giá là chưa minh bạch (tính minh bạch); việc thiếu rõ ràng của các tiêu chí cho phép thay đổi giá nên tạo điều kiện cho những nhiễu, tiêu cực (nguy cơ những nhiễu).*

Quy trình kê khai giá đã được quy định rõ ràng, cụ thể tại Điều 16 của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP và Điều 15, Điều 16 của Thông tư số 56/2014/TT-BTC. Đây không phải là cơ chế xin – cho theo hướng cơ quan nhà nước có quyền từ chối doanh nghiệp thay đổi giá dựa trên tính hợp lý của cấu thành giá. Căn cứ vào các quy định tại Điều 15 và Điều 16 Thông tư số 56/2014/TT-BTC, các doanh nghiệp được tự quyết định giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh; thực hiện điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá. Việc quy định về giải trình lý do điều chỉnh giá, giải trình về các yếu tố hình thành giá tăng hoặc giảm chi thực hiện khi văn bản kê khai giá có nội dung chưa rõ. Quy định này nhằm thực hiện chức năng giám sát của cơ quan nhà nước để góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của người tiêu dùng (nếu trong trường hợp tăng giá không hợp lý hoặc giảm giá không phù hợp với diễn biến giảm của giá nhiên liệu như trường hợp đối với giá cước vận tải trong thời gian qua).

Qua đánh giá tổng kết 02 năm thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP cho thấy đa số các Bộ, ngành và địa phương đều nhất trí về sự cần thiết của việc quy định về lý do giải trình điều chỉnh giá, giải trình yếu tố hình thành giá cũng như thời hạn kê khai giá; tuy nhiên, cũng đề nghị cần điều chỉnh cho phù hợp hơn với tình hình thực tế. Chẳng hạn, đối với một số mặt hàng có tính chất đặc thù, biến động giá thường xuyên theo ngày phụ thuộc nhiều vào diễn biến tình hình dịch bệnh, mùa vụ (mặt hàng nông sản, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, vắc xin, đường, muối...), cần mở rộng sự linh hoạt hơn đối với thời hạn kê khai giá khi các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải thực hiện kê khai giá liên tục theo các biến động của thị trường và yếu tố hình thành giá. Bộ Tài chính ghi nhận đưa các nội dung trên vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

Về việc Chính phủ và Bộ Tài chính không quy định “cứng” về “các tiêu chí cho phép thay đổi giá”: Xét về nguyên tắc, quy định cụ thể, định lượng rõ ràng về “các tiêu chí thay đổi giá” đảm bảo tính minh bạch hơn; tuy nhiên, rất khó thực hiện và khả thi trong thực tế. Bởi với mỗi hàng hóa, dịch vụ khác nhau thì cơ cấu giá thành và việc phân bổ chi phí để xác định giá thành sản phẩm khác nhau; và cần do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định trên cơ sở tính toán bảo đảm bù đắp chi phí sản xuất, kinh doanh thực tế hợp lý, có lợi nhuận, phù hợp với các yếu tố hình thành giá. Việc quy định “cứng” về “các tiêu chí cho phép thay đổi giá” có thể dẫn đến vi phạm quyền tự định giá của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh. Nó cũng có thể dẫn đến nguy cơ “lách luật” của các doanh nghiệp trong quá trình thực hiện kê khai giá, tương tự như đối với quy định “cứng” về giá thị trường biến động để công bố và áp dụng biện pháp bình ổn giá trước đây.

*(iii) Đối với quyền tự do kinh doanh:* Việc kê khai giá không áp dụng đại trà cho tất cả hàng hóa, dịch vụ mà chỉ áp dụng cho một số lượng hạn chế những mặt hàng thuộc diện kê khai giá theo quy định tại Điều 15 Nghị định 177/2013/NĐ-CP; Điều 16 Thông tư 56/2014/TT-BTC quy định chỉ đề nghị cá nhân và tổ chức giải trình khi Văn bản kê khai giá có nội dung chưa rõ ràng về các yếu tố hình thành giá tăng hoặc giảm dẫn tới mức giá kê khai tăng hoặc giảm. Đồng thời, Thông tư đã quy định rất cụ thể về thời gian yêu cầu giải trình (4 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Văn bản kê khai), 5 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Văn bản kê khai hoặc văn bản giải trình nếu cơ quan quản lý không có ý kiến thì cá nhân, tổ chức được điều chỉnh giá theo mức đã kê khai.

Ngoài ra, đối với mặt hàng được quy định tại Khoản 1 Điều 3 và khoản 1 Điều 15 Nghị định 177/2013/NĐ-CP trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá, hàng hóa, dịch vụ thì cá nhân có quyền điều chỉnh trong phạm vi 3% so với mức giá đã kê khai liên kế trước đó và chỉ cần gửi thông báo cho cơ quan quản lý, trường hợp tăng hoặc giảm quá 3% thì mới tiến hành kê khai giá theo quy định đã được hướng dẫn cụ thể tại Điều 17 Thông tư 56/2014/TT-BTC. Qua đó có thể thấy các quy định tại trên không hạn chế quyền tự do kinh doanh của cá nhân, tổ chức.

*(iv) Đối với tính cạnh tranh:* Như đã trình bày ở trên, hiện nay doanh nghiệp được chủ động quyết định (tự định giá) hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất; được chủ động điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá. Việc kê khai giá và giải trình về lý do điều chỉnh giá hoặc giải trình về các yếu tố hình thành giá tăng hoặc giảm chi thực hiện khi có nội dung chưa rõ ràng. Quy định này chỉ áp dụng cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá. Việc này góp phần ngăn ngừa tình trạng tăng, giảm giá bất hợp lý (bán thấp hơn giá thành để thầu tóm thị trường), điều chỉnh giá không phù hợp với sự thay đổi của yếu tố hình thành giá, gây tác động xấu đến thị trường, góp phần bảo vệ người tiêu dùng.

*(v) Đối với chi phí tuân thủ:* Ngay trong khâu soạn thảo, Bộ Tài chính cũng đã tiến hành đánh giá tác động, tính toán chi phí tuân thủ thủ tục hành chính theo các quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.

Ngoài ra, Điều 16 Thông tư 56/2014/TT-BTC quy định trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận văn bản kê khai giá hoặc văn bản giải trình, nếu cơ quan nhà nước không có ý kiến thì tổ chức, cá nhân được điều chỉnh giá theo mức giá và thời

gian điều chỉnh đã kê khai. Trường hợp sau ba (03) lần giải trình mà vẫn chưa được chấp thuận thì áp dụng mức giá trước khi thực hiện kê khai. Như vậy, không có việc doanh nghiệp phải đợi quyết định của cơ quan quản lý để được điều chỉnh giá.

(vi) Về thời điểm ban hành Thông tư chậm 06 tháng (thời điểm ban hành, có hiệu lực)

Thời điểm ban hành Thông tư là ngày 28/4/2016, chậm sau thời điểm Nghị định số 177/2013/NĐ-CP có hiệu lực là 04 tháng (không phải 06 tháng như theo ý kiến của VCCI) bởi các lý do sau:

- Thứ nhất, đối tượng áp dụng của Thông tư rất rộng, bao gồm cả các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động quản lý giá của nhà nước trên lãnh thổ Việt Nam. Nội dung của Thông tư hướng dẫn thực hiện những vấn đề quan trọng của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP, như bình ổn giá; định giá; hiệp thương giá; kiểm tra yếu tố hình thành giá; kê khai giá... Do đó, với tính chất trọng yếu của Thông tư như trên, trong quá trình xây dựng Thông tư, Cục Quản lý giá đã phải tổ chức nhiều cuộc họp thảo luận trong Cục và trong Bộ (bao gồm các đơn vị Vụ Pháp chế, Tổng cục Dữ trữ nhà nước, Tổng cục Thuế, Vụ Chính sách thuế, Vụ Hợp tác quốc tế...) để hoàn thiện các dự thảo.
- Đồng thời, việc lấy ý kiến của các đối tượng chịu tác động chính sách và các tầng lớp nhân dân trong xã hội là cần thiết. Cụ thể, Bộ Tài chính đã có công văn số 15844/BTC-QLG ngày 18/11/2013 gửi các Bộ, ngành, UBND và Sở Tài chính các địa phương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Trung ương hội của một số hội, hiệp hội nghề nghiệp và ngành hàng liên quan đề nghị tham gia ý kiến vào dự thảo Thông tư; đồng thời đăng dự thảo trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính với thời gian tối thiểu 60 ngày để lấy ý kiến rộng rãi. Các ý kiến tham gia đều được Cục Quản lý giá giải trình, tiếp thu đầy đủ theo quy định.
- Thứ hai, trong quá trình lấy ý kiến, một số đơn vị gửi ý kiến chậm so với văn bản yêu cầu của Bộ Tài chính. Đặc biệt, sau thời gian xin ý kiến rộng rãi theo quy định, ngày 28/02/2014, Cục Quản lý giá tiếp tục nhận được ý kiến tham gia của Phòng Thương mại Châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) về dự thảo Thông tư, tập trung kiến nghị sửa đổi các nội dung về quy trình đăng ký giá và kê khai giá tại dự thảo Thông tư. Cục Quản lý giá tiếp tục nghiên cứu, tổ chức họp, giải trình và báo cáo Bộ đối với các nội dung kiến nghị của Eurocham.

Ngoài ra, trước thời điểm Thông tư có hiệu lực (ngày 14/6/2014), Bộ Tài chính đã có công văn số 7747/BTC-QLG ngày 11/6/2014 đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Tài chính và các Sở, ban ngành liên quan thực hiện triển khai các quy định của Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

# 6

## NỘI DUNG

**“Giấy vàng – Giấy trắng” trong đăng ký doanh nghiệp – sự thiếu rõ ràng tạo ra gánh nặng về thủ tục hành chính và đi ngược lại tinh thần cải cách thể hiện trong Luật doanh nghiệp 2014.** Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp

## QUY ĐỊNH

Khoản 2 Điều 49; Điều 50, 51, 52, 53, 54 Nghị định 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/9/2015 về đăng ký doanh nghiệp

## LÝ DO

**Tính thống nhất:** Luật doanh nghiệp 2014 quy định Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không còn ghi ngành, nghề đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, khi hướng dẫn Luật doanh nghiệp, Nghị định 78 lại quy định “Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp”. Quy định này không thể hiện triệt để tinh thần cải cách trong Luật doanh nghiệp về việc không ghi ngành, nghề đăng ký kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

**Tính hợp lý:** Quy định tạo ra tiền lệ không tốt. Mặc dù Nghị định có quy định Giấy trắng được cấp nếu doanh nghiệp có nhu cầu. Nhưng việc quy định có thêm một loại giấy tờ này khiến cho doanh nghiệp nào cũng phải thực hiện để tạo cảm giác “yên tâm”. Doanh nghiệp sẽ có một Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và rất nhiều giấy xác nhận về xác nhận nội dung kinh doanh, trong khi trước đây doanh nghiệp chỉ cần một Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là có tất cả các thông tin. Điều này khiến cho quy định có tính cải cách về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trở nên “nửa vời”.

**Chi phí tuân thủ:** Phát sinh thêm thủ tục hành chính: Khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy vàng), doanh nghiệp còn được cấp thêm Giấy xác nhận về việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp (Giấy trắng) để ghi các nội dung không có trên “Giấy vàng” như ngành nghề kinh doanh, thông tin cổ đông. Và khi có bất kỳ sự thay đổi về các nội dung này, doanh nghiệp lại thực hiện thủ tục để được cấp “Giấy trắng” mới.

Mặc dù đây là thủ tục mang tính tự nguyện, nhưng vì có quy định nên doanh nghiệp nào cũng sẽ thực hiện để chứng minh mình hoạt động kinh doanh đúng ngành, nghề mà mình đã đăng ký.

## PHẢN HỒI CỦA BỘ

**Công văn số 4211/BKHĐT-PTDN của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 01/06/2016 về việc cung cấp thông tin thêm cho Cuộc bình chọn các quy định pháp luật:**

*Về tính thống nhất:* (riêng đối với trường hợp bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh): Quy định về việc cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh không làm ảnh hưởng đến tính thống nhất giữa Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và Luật doanh nghiệp 2014.

Tương tự như đã đề cập ở nội dung (1), quy định này hoàn toàn không ảnh hưởng đến quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp, và cũng không đi ngược với tinh thần đề cao quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp như đã được thể hiện thông qua việc bỏ nội dung về ngành, nghề kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

*Về tính hợp lý:* Nhằm cụ thể hóa quan điểm cải cách và đề cao quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp 2014 đã giới hạn lại các nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong quá trình nghiên cứu, xây dựng Luật và các văn bản hướng dẫn đã có ý kiến trái chiều về vấn đề này. Một bộ phận doanh nghiệp đồng tình với tinh thần cải cách và cho rằng không cần những thông tin như ngành, nghề kinh doanh, danh sách cổ đông trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Ngược lại, một bộ phận khác vẫn mong muốn Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thể hiện được những thông tin này để tiện cho doanh nghiệp trong những mục đích kinh doanh, trao đổi với đối tác, cơ quan quản lý nhà nước khác. Đồng thời, có ý kiến cho rằng bắt buộc phải cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp để hoàn thiện một thủ tục hành chính cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.

Để đáp ứng yêu cầu, mong muốn của các đối tượng khác nhau và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện giao dịch với bên thứ ba. Nghị định số 78/2015/NĐ-CP đã bổ sung thêm quy định về việc cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (nếu doanh nghiệp có yêu cầu). Đây không phải là quy định bắt buộc, doanh nghiệp có quyền không nhận Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Ngoài ra, để nâng cao sự chủ động, linh hoạt, tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, Nghị định cũng đã cho phép doanh nghiệp lựa chọn đến Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc truy cập Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để nhận biết kết quả của thủ tục đăng ký. Như vậy, thay vì phải đến trực tiếp Phòng Đăng ký kinh doanh để nhận kết quả như trước đây, doanh nghiệp hoàn toàn có thể kiểm tra thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

*Về tính minh bạch:* Khoản 4 Điều 49 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định rõ: “Doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh với Phòng Đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi” (quy định tương tự đối với những thay đổi khác).

Việc đề nghị được cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp phụ thuộc vào nhu cầu của doanh nghiệp sau khi thủ tục thông báo bổ sung, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp được hoàn thành và có thể là sau thời điểm doanh nghiệp đã thay đổi ngành, nghề kinh doanh trên thực tế. Vì vậy, lo ngại “doanh nghiệp khi thay đổi ngành, nghề kinh doanh sẽ được thực hiện ngay hay là phải chờ cấp “Giấy trắng” mới được phép thay đổi” là hiểu sai về bản chất.

*Về chi phí tuân thủ:* Cần nhấn mạnh rằng, việc cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoàn toàn phụ thuộc vào nhu cầu của doanh nghiệp, không phải là một quy định bắt buộc, do đó, chi phí cho việc cấp Giấy này không phải là chi phí tuân thủ bắt buộc. Như đã phân tích ở trên, nếu nói rằng “thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký doanh nghiệp không khác so với quy định trong Luật doanh nghiệp 2014” thì đó là do sự tìm hiểu, hiểu biết chưa đầy đủ về những quy định mới trong lĩnh vực này.

# 7

## NỘI DUNG

**Muốn chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài cũng phải xin phép.** Doanh nghiệp có dự án đầu tư ra nước ngoài khi quyết định chấm dứt hoạt động hoặc chuyển nhượng dự án đầu tư ra nước ngoài thì phải nộp hồ sơ xin được chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài. Nói cách khác, muốn chấm dứt hoạt động doanh nghiệp phải xin phép chấm dứt hoạt động.

## QUY ĐỊNH

Điều 25 Nghị định 83/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/9/2015 quy định về đầu tư ra nước ngoài

**LÝ DO**

**Sự cần thiết:** nhìn ở phương diện logic, nếu trong trường hợp doanh nghiệp đã hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng dự án đầu tư và không có bất kỳ dự án đầu tư nào ở nước ngoài nhưng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không chấp nhận việc đề nghị chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp thì giải quyết như thế nào? Trường hợp này, nên cho phép doanh nghiệp thực hiện thủ tục thông báo cho cơ quan quản lý về đầu tư để ban hành Quyết định chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận thì hợp lý hơn.

**Chi phí tuân thủ:** Việc chấm dứt hoạt động đầu tư do tình hình hoạt động, chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trong một số trường hợp nằm ngoài khả năng của doanh nghiệp nên buộc phải có quyết định chấm dứt hoạt động. Nếu với những trường hợp này doanh nghiệp phải “xin phép” mới được phép chấm dứt hoạt động đầu tư ra nước ngoài sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp.

**Nguy cơ những nhiễu:** Quy định tạo nguy cơ những nhiễu không cần thiết khi doanh nghiệp phải xin thì mới được chấm dứt hoạt động đầu tư thay vì chỉ cần thông báo.

**Quyền tự do kinh doanh:** việc chấm dứt hoạt động thuộc về quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan nhà nước không nên can thiệp bằng việc có cho phép chấm dứt hoạt động hay không.

**PHẢN HỒI CỦA BỘ**

Công văn số 4211/BKHĐT-PTDN của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 01/6/2016 về việc cung cấp thông tin thêm cho Cuộc bình chọn các quy định pháp luật:

Luật đầu tư số 67/2014/QH13 (được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, chính thức có hiệu lực ngày 01/7/2015) đã quy định cụ thể các trường hợp chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài và quy định Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các trường hợp đó (Điều 62).

Theo quy định này, việc chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài là quyền của nhà đầu tư Việt Nam. Nhà đầu tư tự quyết định và thực hiện việc chấm dứt dự án theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư. Chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài là Thông báo của cơ quan quản lý nhà nước tới nhà đầu tư và các cơ quan liên quan về việc Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài hết hiệu lực để các cơ quan này biết và phối hợp quản lý theo dõi hoạt động chuyển tiền về Việt Nam và thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước cũng như biết việc dự án đã chấm dứt.

Căn cứ Luật đầu tư, Chính phủ ban hành Nghị định 83/2015/NĐ-CP ngày 25/9/2015 quy định về đầu tư ra nước ngoài, trong đó quy định về “chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài” (Điều 25). Quy định này hướng dẫn cụ thể thủ tục cho các trường hợp chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài. Trong một số trường hợp chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài quy định tại điểm d, e Khoản 1 Điều 62 của Luật đầu tư mà nhà đầu tư không đề nghị chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài gửi nhà đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước liên quan. Do vậy, có thể thấy là các thủ tục này chỉ mang tính “thông báo, đề nghị” không phải là thủ tục “xin cho”. Việc quy định các thủ tục này là cần thiết, nhằm tạo điều kiện để các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

**8**

**NỘI DUNG**

**Cấp giấy phép nhập khẩu cho một số máy móc, thiết bị gia công sau in.** Những loại máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động gia công sau in như “máy dao xén giấy, máy gấp sách, máy đóng sách (đóng thép hoặc khâu chỉ), máy vào bìa, máy ký mã liên hợp, dây chuyển liên hợp hoàn thiện sản phẩm in” phải xin giấy phép nhập khẩu nếu muốn nhập khẩu. Nghị định không có quy định về căn cứ xét duyệt để cấp phép nhập khẩu.

**QUY ĐỊNH**

Điều 27 Nghị định 60/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/6/2014 quy định về hoạt động in

**LÝ DO**

**Sự cần thiết:** Việc nhập khẩu các loại máy móc như dao xén giấy, máy gấp sách, máy đóng sách, máy vào bìa, máy ký mã liên hợp, dây chuyển liên hợp hoàn thiện sản phẩm in không có tác động rõ ràng nào đến lợi ích công cộng. Đây là các hàng hóa thông thường, tương tự như các loại hàng hóa khác trên thị trường. Do đó, Nhà nước không cần kiểm soát bằng hoạt động cấp phép đối với việc nhập khẩu các loại hàng hóa này.

**Tính hợp lý:** Các hàng hóa thông thường không bị kiểm soát bằng giấy phép nhập khẩu, những máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động gia công sau in trên tương tự như các loại hàng hóa này lại bị kiểm soát bằng giấy phép nhập khẩu, là chưa hợp lý.

Rất nhiều đối tượng sử dụng các loại máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động gia công sau in là các đối tượng yếu thế, quy định này sẽ gây khó khăn cho các đối tượng này.

**Tính minh bạch:** việc không quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ khiến doanh nghiệp không thể tiên liệu được rằng thiết bị của mình có được phép nhập khẩu hay không.

**Chi phí tuân thủ:** Trước thời điểm Nghị định 60 có hiệu lực, các máy móc, thiết bị này không phải xin giấy phép nhập khẩu cho mỗi lần nhập khẩu. Việc thay đổi về phương thức quản lý đối với loại hàng hóa này sẽ tạo nên gánh nặng rất lớn về thủ tục cho các đối tượng chịu tác động.

**Nguy cơ nhũng nhiễu:** Việc không có tiêu chí tạo dư địa cho tình trạng nhũng nhiễu từ các cán bộ thực thi, có nguy cơ phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp khi cùng thực hiện thủ tục xin giấy phép.

## **PHẢN HỒI CỦA BỘ**

**Công văn số 1719/BTTTT-PC của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 26/5/2016 về việc cung cấp thông tin thêm cho Cuộc bình chọn các quy định pháp luật:**

Thực hiện Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đã thành lập Tổ công tác rà soát, đơn giản hóa nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động in, do Lãnh đạo Bộ là Tổ trưởng Tổ công tác, các thành viên là lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Pháp chế và Cục Xuất bản, In và Phát hành), đại diện các Cơ quan có liên quan gồm Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính.

Tổ Công tác đã làm việc với Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính (Bộ Tư pháp), Hiệp hội In Việt Nam, Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính... và khoảng 40 cơ sở in trên cả nước để lấy ý kiến góp ý về thủ tục hành chính liên quan đến cơ sở in. Tổ công tác đã tiến hành các cuộc họp để trao đổi, thảo luận, thống nhất về danh mục các thủ tục hành chính thuộc nhóm, thứ tự thực hiện các thủ tục hành chính; nội dung phương án đơn giản hóa để xuất thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính (Bộ Tư pháp) và Tổ công tác của Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức nhiều cuộc họp để thảo luận. Để đảm bảo tính khách quan và thể hiện ý kiến đa chiều của các bên, Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính và Tổ công tác đã mời đại diện VCCI và đại diện hiệp hội In Việt Nam, đại diện một số doanh nghiệp in tham dự họp, nêu các câu hỏi và phát biểu ý kiến. Trong quá trình thảo luận, Tổ công tác đã giải đáp mọi câu hỏi liên quan đến các quy định và thủ tục hành chính về hoạt động in của Cục kiểm tra văn bản, VCCI và đại diện Hiệp hội In Việt Nam, đại diện một số doanh nghiệp in, trong đó bao gồm toàn bộ các nội dung trong danh mục được đề cử quy định tối của Quý cơ quan gửi kèm công văn số 1013/PTM-PC.

Tại buổi làm việc cuối cùng ngày 06/11/2015 giữa Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp), Tổ công tác, đại diện VCCI, đại diện Hiệp hội In Việt Nam, một lần nữa, Tổ công tác đã giải đáp lại toàn bộ các nội dung trên, bao gồm những nội dung Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ đề xuất với Thủ tướng Chính phủ để giảm nhẹ thủ tục hành chính, nội dung có thể bỏ, nội dung giữ nguyên và lý do căn cứ pháp lý, tình hình thực tế của từng nội dung. Tại cuộc họp này, đại diện các bên có mặt đều ghi nhận sự cầu thị và nỗ lực của Tổ công tác và Bộ Thông tin và Truyền thông trong quá trình tiến hành rà soát đơn giản hóa nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động in, nhằm tạo môi trường kinh doanh đơn giản và thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp in.

Trên tinh thần làm việc đó, tháng 12/2015, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có Tờ trình gửi Thủ tướng Chính phủ để đề xuất đơn giản hóa một số thủ tục hành chính trong hoạt động in, đồng thời giải trình với Văn phòng Chính phủ những lý do, căn cứ pháp lý, tình hình thực tế đối với một số ít những thủ tục nào vẫn cần tiếp tục thực hiện.

Ngày 19/01/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 143/QĐ-TTg phê duyệt Phương án đơn giản hóa nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động của các cơ sở in thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Như vậy, đối với những vấn đề nêu tại Công văn số 1013/PTC-PC ngày 05/5/2016 của VCCI về các nội dung liên quan đến Nghị định 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có những giải đáp cụ thể liên quan đến thủ tục hành chính cần đơn giản hóa và trên cơ sở đó Thủ tướng Chính phủ cũng đã phê duyệt các nội dung của Bộ đề xuất và được quy định cụ thể tại Quyết định 143/QĐ-TTg nêu trên.

# 9



## **NỘI DUNG**

**Thay đổi trụ sở phải thay đổi tên gọi của Văn phòng công chứng.** Tổ chức hành nghề công chứng được thành lập trước ngày 01/01/2015 (Luật công chứng 2014 có hiệu lực) thay đổi “trụ sở” thì phải thay đổi tên gọi của Văn phòng công chứng phù hợp với Luật 2014 (Tên gọi của văn phòng công chứng phải bao gồm cụm từ “Văn phòng công chứng” kèm theo họ tên của Trưởng Văn phòng hoặc họ tên của một công chứng viên hợp danh khác của Văn phòng công chứng do các công chứng viên hợp danh thỏa thuận, không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của tổ chức hành nghề công chứng khác, không được vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc).

## **QUY ĐỊNH**

Khoản 2 Điều 79 Luật công chứng năm 2014

## **LÝ DO**

**Tính hợp lý:** Trước đây, Luật 2006 chỉ yêu cầu tên văn phòng công chứng phải có cụm từ “văn phòng công chứng” và không vi phạm về thuần phong mỹ tục. Luật 2014 bổ sung yêu cầu tên của văn phòng công chứng phải gắn liền với tên của trưởng văn phòng hoặc thành viên hợp danh, không cần gắn liền với địa điểm. Như vậy, việc yêu cầu đổi tên khi đổi trụ sở văn phòng công chứng là chưa phù hợp.

**Chi phí tuân thủ:** Quy định này gây khó khăn cho doanh nghiệp do tên của Văn phòng gắn liền với thương hiệu. Các văn phòng đã hoạt động trước đó, phần nào đã tạo dựng được thương hiệu thông qua tên của Văn phòng. Nếu yêu cầu Văn phòng phải thay đổi tên khi thay đổi trụ sở sẽ khiến cho văn phòng “mất đi” thương hiệu đã gây dựng trước đó hoặc tốn khá nhiều chi phí để thông báo cho các khách hàng, đối tác về sự thay đổi này.

**Thời điểm ban hành/có hiệu lực:** Quy định này có tính chất hồi tố vì đã đặt ra nghĩa vụ đổi tên đối với các phòng công chứng đã đăng ký hoạt động ổn định từ trước ngày luật này có hiệu lực.

## **PHẢN HỒI CỦA BỘ**

**Công văn số 1640/BTP-PLDSKT ngày 23/5/2016 của Bộ Tư pháp về việc cung cấp thông tin thêm cho Cuộc bình chọn các quy định pháp luật:**

1. Về mục tiêu quản lý, sự cần thiết và tính hợp lý của khoản 2 Điều 79 của Luật công chứng năm 2014 quy định đổi tên Văn phòng công chứng khi có thay đổi về (tên gọi, hoặc trụ sở hoặc Trưởng văn phòng công chứng)

Quy định này nhằm hướng tới sự thống nhất đặt tên Văn phòng công chứng theo họ và tên của Trưởng Văn phòng, công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng, bảo đảm sự minh bạch, rõ ràng, gắn kết hoạt động của Văn phòng công chứng với trách nhiệm của công chứng viên, phù hợp với thông lệ đặt tên gọi Văn phòng công chứng của các nước thuộc Liên minh Công chứng Quốc tế mà Việt Nam là thành viên, cụ thể:

Theo quy định của Luật công chứng thì công chứng viên được Nhà nước ủy nhiệm cung cấp dịch vụ công nhằm đảm bảo an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch, do đó, trách nhiệm của công chứng viên rất lớn, công chứng viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước người yêu cầu công chứng về văn bản công chứng.

Với đặc thù nghề công chứng nêu trên, khoản 3 Điều 22 của Luật công chứng năm 2014 quy định đặt tên Văn phòng công chứng gắn với họ tên của công chứng viên hợp danh Văn phòng công chứng đó nhằm gắn kết quyền và nghĩa vụ của công chứng viên hợp danh với Văn phòng công chứng, hạn chế tình trạng “đầu cơ” Văn phòng công chứng của những người (chủ đầu tư) không phải là công chứng viên, tạo sự minh bạch, rõ ràng trong tổ chức và hoạt động của Văn phòng công chứng, đảm bảo việc quản lý tổ chức và hoạt động của Văn phòng công chứng được thuận lợi và điều này cũng phù hợp với thông lệ các nước là thành viên của Liên minh Công chứng Quốc tế (ví dụ: Pháp, Tây Ban Nha, Đức...) mà Việt Nam cũng là thành viên.

Như vậy, quy định về tên gọi Văn phòng công chứng của Luật công chứng năm 2006 và Luật công chứng năm 2014 có sự khác nhau. Quy định về đặt tên Văn phòng công chứng theo họ tên của công chứng viên là một bước tiến mới trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động công chứng, bảo vệ an toàn cho người yêu cầu công chứng. Do đó, khoản 2 Điều 79 Luật công chứng năm 2014 đã có quy định mang tính chất chuyển tiếp về việc các Văn phòng công chứng đã được thành lập theo quy định của Luật công chứng năm 2006 (mà tên gọi không tuân theo nguyên tắc đặt tên Văn phòng công chứng của Luật Công chứng năm 2014) khi thay đổi tên gọi, trụ sở hoặc Trưởng Văn phòng công chứng thì phải thay đổi tên gọi theo quy định của Luật công chứng năm 2014. Quy định này nhằm tiến tới thống nhất cách thức đặt tên của các Văn phòng công chứng trong cả nước, đảm bảo các mục tiêu như đã nêu trên.

## 2. Về chi phí tuân thủ

Khoản 2 Điều 79 Luật công chứng năm 2014 quy định đổi tên Văn phòng công chứng là điều khoản chuyển tiếp, tức là việc đổi tên Văn phòng công chứng chỉ đặt ra khi có thay đổi về tên gọi, trụ sở hoặc Trưởng Văn phòng công chứng. Việc đổi tên này chỉ áp dụng một lần, nghĩa là các thay đổi tiếp sau về trụ sở thì không phải đổi tên. Đối với các Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày Luật công chứng năm 2014 có hiệu lực thì hành mà không có thay đổi về tên gọi hoặc trụ sở hoặc Trưởng Văn phòng công chứng) thì được giữ nguyên tên gọi đã đăng ký. Như vậy, việc đổi tên không bắt buộc đối với tất cả các Văn phòng công chứng mà chỉ phải thực hiện một trong các trường hợp nêu trên để đảm bảo sự chuyển tiếp từ Luật công chứng năm 2006 đến Luật công chứng năm 2014 mà vẫn phù hợp với nguyên tắc đặt tên Văn phòng công chứng đã được Luật công chứng 2014 quy định, tiến tới thống nhất việc đặt tên Văn phòng công chứng.

Do đặc thù hoạt động của Văn phòng công chứng vừa phải tuân theo quy định của Luật Công chứng, vừa phải tuân theo quy định của pháp luật doanh nghiệp mà là tổ chức cung cấp dịch vụ công do chính các công chứng viên trực tiếp thực hiện và chịu trách nhiệm. Do đó, “thương hiệu” của Văn phòng công chứng chính là “thương hiệu” của các công chứng viên, phụ thuộc vào uy tín, năng lực của các công chứng viên làm việc tại Văn phòng công chứng đó chứ không phụ thuộc vào tên gọi của Văn phòng Công chứng. Vì vậy, “thương hiệu đó” sẽ không bị thay đổi khi Văn phòng công chứng thay đổi tên gọi. Việc đổi tên Văn phòng công chứng theo tên gọi của công chứng viên hợp danh của Văn phòng không làm “mất đi” mà ngược lại đó chính là sự khẳng định một cách rõ ràng, cụ thể nhất về “thương hiệu”, tính minh bạch trong hoạt động của Văn phòng công chứng.

Với những phân tích nêu trên thì việc đổi tên Văn phòng công chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật công chứng 2014 là cần thiết, phù hợp với nguyên tắc đặt tên Văn phòng công chứng đã được Luật công chứng năm 2014 quy định, tiến tới thống nhất cách thức đặt tên các Văn phòng công chứng, phù hợp với thông lệ quốc tế. Vì vậy, đề nghị Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam loại khoản 2 Điều 79 của Luật công chứng năm 2014 ra khỏi Danh sách bình chọn quy định pháp luật tối nhất.

# 10

## NỘI DUNG

**Kinh doanh vận tải hàng hóa không thu tiền trực tiếp phải có Giấy phép kinh doanh.** Đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa không thu tiền trực tiếp phải được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô thuộc một trong các đối tượng sau đây:

- (1) Sử dụng phương tiện để vận chuyển hàng nguy hiểm theo quy định của Chính phủ;
- (2) Sử dụng phương tiện để vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ;
- (3) Có từ 05 xe trở lên;
- (4) Sử dụng phương tiện có trọng tải từ 10 tấn trở lên để vận chuyển hàng hóa.

## QUY ĐỊNH

Khoản 1 Điều 50 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải ngày 07/11/2014 quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.<sup>24</sup>

## LÝ DO

**Tính thống nhất:** “Giấy phép kinh doanh vận tải” là loại giấy phép được cấp cho doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh vận tải. “Hoạt động kinh doanh vận tải không thu tiền trực tiếp” có tính chất như hoạt động vận tải nội bộ của doanh nghiệp, không phải là hoạt động kinh doanh vận tải. Do đó, yêu cầu doanh nghiệp có hoạt động vận tải nội bộ phải xin giấy phép kinh doanh vận tải là chưa phù hợp với tính chất của loại giấy phép này.

**Tính hợp lý, khả thi:** Trong một số trường hợp, doanh nghiệp có hoạt động vận tải này là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, hoặc có nhà đầu tư nước ngoài có tỷ lệ cổ phần trên 51% thì các doanh nghiệp này sẽ không được quyền sử dụng đội xe riêng của mình để chuyên chở cho các mặt hàng doanh nghiệp sản xuất/cung cấp, bởi vì theo cam kết của Việt Nam khi tham gia WTO, nhà đầu tư nước ngoài không được phép cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa – tức là không được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải. Như vậy, với quy định này, thì các doanh nghiệp sẽ phải “từ bỏ” đội xe và phải thuê xe vận tải của

<sup>24</sup> Quy định này đã được tạm thời tháo gỡ theo Mục 7, Nghị quyết 23/NQ-CP của Chính phủ ngày 30/3/2016 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2016.

doanh nghiệp khác. Điều này sẽ gây thiệt hại rất lớn cho hoạt động của doanh nghiệp. Trong khi đó, chưa kể đến một đặc điểm là đối với một số hàng hóa đặc thù (khí dầu mỏ hóa lỏng; nhựa đường...) cần phải có xe chuyên dùng, được trang bị những thiết bị kỹ thuật theo đúng tiêu chuẩn – điều này không phải là dễ tìm tại các doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.

**Chi phí tuân thủ:** Thực tế, nhiều công ty có đội xe riêng để chuyên chở cho các mặt hàng do doanh nghiệp sản xuất/cung cấp và chỉ phục vụ cho hoạt động này (mà không sử dụng các phương tiện này để kinh doanh vận tải trực tiếp). Quy định yêu cầu các công ty này phải thực hiện cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô tương tự như doanh nghiệp có hoạt động chính/chuyên nghiệp là kinh doanh vận tải ô tô sẽ khiến một lượng lớn doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục xin giấy phép. Điều này phát sinh rất lớn chi phí và thời gian để thực hiện thủ tục hành chính.

**Cạnh tranh:** Làm giảm tính cạnh tranh trên thị trường bởi các doanh nghiệp vận tải nội bộ hàng hóa đặc thù phải phụ thuộc vào một hoặc một vài nhà cung cấp dịch vụ vận tải.

## PHẢN HỒI CỦA BỘ

Công văn số 5422/BGTVT-PC ngày 17/5/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc cung cấp thông tin thêm cho Cuộc bình chọn các quy định pháp luật:

Theo quy định của Luật giao thông đường bộ, kinh doanh vận tải là ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Nghị định 86/2014/NĐ-CP về kinh doanh và điều kiện kinh doanh bằng xe ô tô đã chỉ ra rằng kinh doanh vận tải bằng xe ô tô là việc sử dụng xe ô tô vận tải hàng hóa, hành khách trên đường bộ nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm cả kinh doanh vận tải thu tiền trực tiếp và kinh doanh vận tải không thu tiền trực tiếp. Theo đó, kinh doanh vận tải thu tiền trực tiếp là hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, trong đó đơn vị kinh doanh vận tải cung cấp dịch vụ vận tải và thu cước phí vận tải trực tiếp từ khách hàng. Còn kinh doanh vận tải không thu tiền trực tiếp là hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, trong đó đơn vị kinh doanh vừa thực hiện công đoạn vận tải, vừa thực hiện ít nhất một công đoạn khác trong quá trình từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc dịch vụ và thu cước phí vận tải thông qua thu từ sản phẩm hoặc dịch vụ đó. Với việc phân biệt loại hình kinh doanh trực tiếp và không trực tiếp này, Nghị định 86/2014/NĐ-CP đã giao trách nhiệm cho Bộ Giao thông vận tải quy định về lộ trình và đối tượng đơn vị kinh doanh vận tải không thu tiền trực tiếp phải cấp Giấy phép kinh doanh.

Với trách nhiệm này, ngày 7/11/2014, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải trên đường bộ. Với quy định tại Điều 50 của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT cho thấy:

**Tính thống nhất:** quy định này bảo đảm tính thống nhất từ Luật giao thông đường bộ cho đến Nghị định số 86/2014/NĐ-CP và không trái với quy định của Luật doanh nghiệp vì: khoản 4 Điều 16 Luật doanh nghiệp quy định: “kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình, đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi”. Như vậy khái niệm về kinh doanh vận tải không thu tiền trực tiếp chỉ làm rõ thêm hình thức hoạt động vận tải đang được vận hành trên thị trường mà chưa được Nhà nước điều tiết đến trong một thời gian dài. Đây là hoạt động mà doanh nghiệp tự mình thực hiện công đoạn vận tải trong toàn bộ quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ của mình trên thị trường. Hoạt động này vừa tạo sự chủ động cho doanh nghiệp, vừa tiết giảm chi phí thuê vận tải, đồng thời đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp thông qua việc ẩn các chi phí dịch vụ vận tải vào giá thành sản phẩm.

**Tính hợp lý:** Điều 50, Thông tư 63/2014/TT-BGTVT chỉ rõ rằng các đơn vị kinh doanh vận tải không thu tiền trực tiếp phải có Giấy phép kinh doanh vận tải nếu:

- 1) Sử dụng phương tiện để vận chuyển hàng nguy hiểm theo quy định của Chính phủ về danh mục hàng nguy hiểm, vận chuyển hàng nguy hiểm và thẩm quyền cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm.
- 2) Sử dụng phương tiện để vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng theo quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.
- 3) Có từ 05 xe trở lên.
- 4) Sử dụng phương tiện có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông từ 10 tấn trở lên để vận chuyển hàng hóa.

Thực tế cho thấy, từ lâu một số lượng lớn các doanh nghiệp kinh doanh sử dụng các xe chuyên dụng vận chuyển hàng nguy hiểm; hàng siêu trường siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải trọng cầu để thực hiện việc vận chuyển nội bộ từ đầu mối cung cấp nguyên liệu – đến nhà máy – đến nơi tiêu thụ sản phẩm với quy mô, số lượng rất lớn làm ảnh hưởng khả năng chịu tải của cầu, đường bộ, ảnh hưởng đến an toàn giao thông mà không chịu sự điều tiết nào của Nhà nước là một vấn đề bất cập, tạo nên sự không công bằng so với các doanh nghiệp khác. Việc đưa ra quy định này nhằm tăng cường trách nhiệm trong công tác quản lý của doanh nghiệp để đảm bảo các yếu tố an toàn khi tham gia lưu thông trên đường thông qua các quy định về phương tiện, về con người, về tổ chức quản lý. Do đó, việc đưa ra quy định này là phù hợp với thực tế quản lý, đảm bảo các quy định chung về điều kiện kinh doanh cho đơn vị kinh doanh vận tải thu tiền trực tiếp và đơn vị kinh doanh vận tải không thu tiền trực tiếp đều phải được đáp ứng, tạo nên một sân chơi công bằng, minh bạch trong thị trường vận tải hàng hóa.

**Tính khả thi:** Hiện nay, quy định về cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đối với các doanh nghiệp kinh doanh vận tải không thu tiền trực tiếp được quy định tại Nghị định 86/2014/NĐ-CP là hoàn toàn khả thi (Thông tư 63/2014/TT-BGTVT chỉ quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải bằng xe ô tô mà không điều tiết trực tiếp đến nội dung này). Riêng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm từ 51% vốn trở lên, Chính phủ đã có Nghị quyết số

23/NQ-CP tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên 48% có hoạt động vận tải từ trước khi Nghị định số 86/2014/NĐ-CP có hiệu lực thì hành được cấp phù hiệu đối với xe ô tô vận tải hàng hóa.

**Chi phí tuân thủ:** Như đã phân tích ở trên, việc sử dụng đội xe riêng để chuyên chở các mặt hàng do doanh nghiệp sản xuất về bản chất là hoạt động kinh doanh vận tải không thu tiền trực tiếp. Do đó, để đảm bảo tính bình đẳng cho các doanh nghiệp trong thị trường vận tải thì việc cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô cho các doanh nghiệp này là hoàn toàn cần thiết. Chi phí tuân thủ của doanh nghiệp trong thủ tục hành chính này ở mức hoàn toàn chấp nhận được, thậm chí là thấp so với lợi ích mà doanh nghiệp nhận được từ việc chấp hành các quy định của cơ quan quản lý nhà nước về giám sát chất lượng, hành trình của phương tiện, số giờ làm việc của lái xe, giảm thiểu tối đa các thiệt hại do xảy ra tai nạn trong quá trình vận chuyển. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của doanh nghiệp, Bộ Giao thông vận tải sẽ xem xét để đơn giản hóa hơn nữa thủ tục hành chính cấp Giấy phép kinh doanh vận tải cho doanh nghiệp vận tải nói chung và doanh nghiệp vận tải không thu tiền trực tiếp nói riêng.

**Cạnh tranh:** Quy định này không làm giảm tính cạnh tranh, bởi nội dung quy định tại Thông tư 63/2014/TT-BGTVT và Nghị định 86/2014/NĐ-CP không hạn chế quyền của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng hóa không thu tiền trực tiếp mà chỉ đưa ra những quy định quản lý chung đối với tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này nhằm đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh, có sự điều tiết quản lý của nhà nước, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ và an toàn sinh mạng của con người khi tham gia giao thông.

# 11

## NỘI DUNG

**Yêu cầu điều kiện đối với người đứng đầu cơ sở in.** Người đứng đầu cơ sở in có trình độ cao đẳng trở lên về chuyên ngành in hoặc được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in.

## QUY ĐỊNH

Điểm e khoản 1 Điều 11 Nghị định 60/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/6/2014 quy định về hoạt động in

## LÝ DO

**Tính cần thiết:** Trình độ chuyên môn của người đứng đầu cơ sở in tác động đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và tự bản thân doanh nghiệp sẽ quyết định lựa chọn trình độ chuyên môn của người đứng đầu. Dưới góc độ quản lý, việc người đứng đầu cơ sở in có trình độ nào thì cũng ít ảnh hưởng đến các lợi ích công cộng để buộc Nhà nước phải đặt ra các giới hạn nhất định của đối tượng này. Do đó, yêu cầu trình độ của người đứng đầu cơ sở in là không cần thiết.

**Tính hợp lý:** Trước thời điểm Nghị định 60/2014/NĐ-CP có hiệu lực, người đứng đầu của hơn 3.000 cơ sở in trong cả nước không phải ai cũng có bằng cao đẳng ngành in, tuy nhiên các doanh nghiệp này vẫn hoạt động hiệu quả và có tốc độ tăng trưởng khá qua. Như vậy, yêu cầu phải có bằng cao đẳng ngành in không phải là “bảo chứng” cho chất lượng và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

**Quyền tự do kinh doanh:** Quyền tự do lựa chọn người đứng đầu, người điều hành có năng lực quản lý, trình độ chuyên môn là quyền và nhu cầu tự thân của doanh nghiệp.

**Chi phí tuân thủ:** Doanh nghiệp phải bỏ thêm chi phí và thời gian để người đứng đầu cơ sở in tham gia đào tạo và được cấp chứng chỉ và chi phí này được đánh giá là không hề rẻ (5 triệu đồng/người với thời lượng thực tế của lớp học chỉ 3 ngày).

**Kiểm soát nguy cơ những nhiễu:** Quy định này có dấu hiệu xung đột lợi ích. Do năng lực của các cơ sở đào tạo cao đẳng ngành in không đáp ứng được nhu cầu nên hầu hết lãnh đạo các doanh nghiệp in phải xin cấp Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in. Để được cấp giấy này, lãnh đạo doanh nghiệp phải tham gia một khóa học kéo dài bốn ngày với chi phí 5 triệu đồng. Cơ quan nhà nước vừa có chức năng quản lý hành chính về hoạt động in nhưng đồng thời lại cấp Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ in và có thu phí. Như vậy, ở đây có sự xung đột lợi ích của cùng một chủ thể, tạo nguy cơ những nhiễu, tiêu cực.

## PHẢN HỒI CỦA BỘ

Công văn số 1719/BTTTT-PC của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 26/5/2016 về việc cung cấp thông tin thêm cho Cuộc bình chọn các quy định pháp luật:

Thực hiện Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/1/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đã thành lập Tổ công tác rà soát, đơn giản hóa nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động in, do Lãnh đạo Bộ là Tổ trưởng Tổ công tác, các thành viên là lãnh đạo và

chuyên viên các đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Pháp chế và Cục Xuất bản, In và Phát hành), đại diện các Cơ quan có liên quan gồm Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính.

Tổ Công tác đã làm việc với Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính (Cục KSTTHC, Bộ Tư pháp), Hiệp hội In Việt Nam, Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính... và khoảng 40 cơ sở in trên cả nước để lấy ý kiến góp ý về thủ tục hành chính liên quan đến cơ sở in. Tổ công tác đã tiến hành các cuộc họp để trao đổi, thảo luận, thống nhất về danh mục các thủ tục hành chính thuộc nhóm, thứ tự thực hiện các thủ tục hành chính; nội dung phương án đơn giản hóa để xuất thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính (Bộ Tư pháp) và Tổ công tác của Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức nhiều cuộc họp để thảo luận. Để đảm bảo tính khách quan và thể hiện ý kiến đa chiều của các bên, Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính và Tổ công tác đã mời đại diện VCCI và đại diện hiệp hội In Việt Nam, đại diện một số doanh nghiệp in tham dự họp, nêu các câu hỏi và phát biểu ý kiến. Trong quá trình thảo luận, Tổ công tác đã giải đáp mọi câu hỏi liên quan đến các quy định và thủ tục hành chính về hoạt động in của Cục kiểm tra văn bản, VCCI và đại diện Hiệp hội In Việt Nam, đại diện một số doanh nghiệp in, trong đó bao gồm toàn bộ các nội dung trong danh mục được đề cử quy định tối của Quý cơ quan gửi kèm công văn số 1013/PTM-PC.

Tại buổi làm việc cuối cùng ngày 06/11/2015 giữa Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp), Tổ công tác, đại diện VCCI, đại diện Hiệp hội In Việt Nam, một lần nữa, Tổ công tác đã giải đáp lại toàn bộ các nội dung trên, bao gồm những nội dung Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ đề xuất với Thủ tướng Chính phủ để giảm nhẹ thủ tục hành chính, nội dung có thể bỏ, nội dung giữ nguyên và lý do căn cứ pháp lý, tình hình thực tế của từng nội dung. Tại cuộc họp này, đại diện các bên có mặt đều ghi nhận sự cầu thị và nỗ lực của Tổ công tác và Bộ Thông tin và Truyền thông trong quá trình tiến hành rà soát đơn giản hóa nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động in, nhằm tạo môi trường kinh doanh đơn giản và thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp in.

Trên tinh thần làm việc đó, tháng 12/2015, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có Tờ trình gửi Thủ tướng Chính phủ để đề xuất đơn giản hóa một số thủ tục hành chính trong hoạt động in, đồng thời giải trình với Văn phòng Chính phủ những lý do, căn cứ pháp lý, tình hình thực tế đối với một số ít những thủ tục nào vẫn cần tiếp tục thực hiện.

Ngày 19/01/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 143/QĐ-TTg phê duyệt Phương án đơn giản hóa nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động của các cơ sở in thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Như vậy, đối với những vấn đề nêu tại Công văn số 1013/PTC-PC ngày 05/5/2016 của VCCI về các nội dung liên quan đến Nghị định 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có những giải đáp cụ thể liên quan đến thủ tục hành chính cần đơn giản hóa và trên cơ sở đó Thủ tướng Chính phủ cũng đã phê duyệt các nội dung của Bộ đề xuất và được quy định cụ thể tại Quyết định 143/QĐ-TTg nêu trên.

# 12

## NỘI DUNG

**Yêu cầu trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy trên xe ô tô.** Ô tô từ 04 chỗ ngồi trở lên, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc chở khách được kéo bởi ô tô, máy kéo phải trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy.

## QUY ĐỊNH

Khoản 1 Điều 4 Thông tư 57/2015/TT-BCA hướng dẫn về trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

## LÝ DO

**Tính hợp lý:** thực tế việc đề bình cứu hỏa trên xe ô tô - không có thiết kế cho lắp đặt dạng này có thể gây nhiều nguy cơ về cháy nổ<sup>25</sup> (bình có thể phát nổ khi ở nhiệt độ cao và điều này hoàn toàn có thể xảy ra khi xe lưu thông trên đường vào mùa hè, nhiệt độ lên tới trên 40 độ C) hoặc không có khả năng ứng cứu đối với các trường hợp cháy phương tiện<sup>26</sup>. Vì vậy, quy định này gần như không đạt được mục tiêu chính sách.

<sup>25</sup> <http://vnexpress.net/tin-tuc/thoi-su/hang-loat-vu-binh-cuu-hoa-mini-phat-no-tren-oto-3344846.html>

<sup>26</sup> <http://phunuvietnam.vn/8-web/binh-cuu-hoa-mini-kho-dap-dam-chay-post4788.html>

<http://tuoitre.vn/tin/chinh-tri-xa-hoi/20160112/chay-xe-hoi-binh-chua-chay-nho-khong-the-dap-tat/1036444.html>

**Tính khả thi:** Hiện nay, nhiều loại xe ô tô không có thiết kế để lắp đặt bình cứu hỏa. Yêu cầu các loại xe này phải có bình cứu hỏa sẽ khiến cho người sử dụng phương tiện không biết đặt bình cứu hỏa ở đâu trong xe, điều này sẽ gây bất tiện thậm chí là mất an toàn khi sử dụng phương tiện.

**Chi phí tuân thủ:** Chi phí tuân thủ của quy định này khá cao. Ước tính với 3,5 triệu ô tô, mỗi ô tô phải trang bị bình chữa cháy và bình có hạn sử dụng 5 năm thì chi phí xã hội phải bỏ ra lớn hơn nhiều trong khi hiệu quả của quy định này còn nhiều vấn đề đáng bàn.

## **PHẢN HỒI CỦA BỘ**

Công văn số 1339/BCA-C66 của Bộ Công an ngày 06/6/2016 về việc cung cấp thông tin về Thông tư số 57/2015/TT-BCA cho Cuộc bình chọn các quy định pháp luật do VCCI tổ chức:

### **I. Về cơ sở, căn cứ ban thành Thông tư số 57/2015/TT-BCA**

#### **1. Căn cứ pháp lý**

Thông tư số 57/2015/TT-BCA được ban hành căn cứ vào quy định của 2 Luật: Luật phòng cháy và chữa cháy, Luật giao thông đường bộ và Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Đó là:

Khoản 1 Điều 18 Luật phòng cháy và chữa cháy quy định: “Phương tiện giao thông cơ giới từ 4 chỗ ngồi trở lên, phương tiện giao thông cơ giới vận chuyển hàng hóa, chất nguy hiểm về cháy, nổ phải bảo đảm các điều kiện theo quy định tại cơ quan quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy”;

Khoản 1 và Khoản 3 Điều 50 Luật phòng cháy và chữa cháy quy định: “Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tự trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho cơ sở, các loại rừng, phương tiện giao thông cơ giới thuộc phạm vi quản lý của mình” và “Bộ Công an quy định cụ thể và hướng dẫn về điều kiện và trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này”;

Điểm d khoản 1 Điều 67 Luật giao thông đường bộ quy định: “Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô phải bảo đảm yêu cầu về trật tự, an toàn, phòng, chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường”;

Điểm d khoản 1 Điều 10 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP quy định: “Phương tiện giao thông cơ giới từ 04 chỗ ngồi trở lên, phương tiện giao thông cơ giới vận chuyển chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ phải bảo đảm và duy trì các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy sau đây: Có phương tiện chữa cháy phù hợp với yêu cầu, tính chất, đặc điểm của các phương tiện, bảo đảm về số lượng, chất lượng và hoạt động theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy hoặc theo quy định của Bộ Công an”;

Khoản 2 Điều 55 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP quy định: Bộ Công an có trách nhiệm đề xuất ban hành hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

Về vấn đề này Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp đã có ý kiến “Qua xem xét toàn diện nội dung, chưa có căn cứ cho rằng Thông tư này trái với quy định của pháp luật, kể cả yêu cầu trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy trên phương tiện đường bộ dưới góc độ pháp lý. Bộ Công an có thẩm quyền quy định liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện, định mức về phòng cháy, chữa cháy trên phương tiện xe cơ giới đường bộ. Thông tư số 57/2015/TT-BCA được căn cứ vào 2 Luật: Luật phòng cháy và chữa cháy năm 2001, sửa đổi năm 2013 và Luật giao thông đường bộ năm 2008”.

#### **2. Cơ sở thực tiễn**

Trong nhiều năm qua, trên toàn quốc đã liên tiếp xảy ra các vụ cháy, nổ đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Theo số liệu thống kê của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Bộ Công an thì từ năm 2011 đến năm 2015, trên toàn quốc xảy ra 610 vụ cháy, nổ xe ô tô (trung bình mỗi năm xảy ra 122 vụ cháy, nổ xe ô tô), riêng năm 2015 số vụ cháy ô tô tăng đột biến là 182 vụ, trong đó số lượng cháy xe ô tô từ 4 đến 7 chỗ ngồi chiếm trên 50% tổng số vụ cháy. Các vụ cháy, nổ phương tiện giao thông cơ giới đã ảnh hưởng trực tiếp tới tính mạng, sức khỏe người dân, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Một trong những nguyên nhân chữa cháy không kịp thời là do có rất nhiều phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cần thiết. Trong khi đó, nhiều xe ô tô, xe máy bị cháy đã được lực lượng Cảnh sát giao thông, người dân sử dụng bình chữa cháy của các xe ô tô khác hoặc của tổ chức, cá nhân tại nơi xảy ra cháy dập cháy và cứu được nhiều xe ô tô, xe máy bị cháy trong quá trình tham gia giao thông. Trước đó, đối với xe ô tô chuyên dùng đã có quy định phải trang bị bình trước cháy.

### **II. Về quá trình xây dựng Thông tư số 57/2015/TT-BCA**

Thông tư số 57/2015/TT-BCA được xây dựng theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể là:

Trước khi xây dựng dự thảo Thông tư số 57/2015/TT-BCA, đơn vị thường trực là Cục Cảnh sát PCC và CNCH, Bộ Công an đã tìm hiểu, tham khảo một số nước trên thế giới về việc trang bị bình chữa cháy và có rất nhiều quốc gia đã cso quy định về việc này:

- Theo thống kê của Hội liên hiệp ô tô vương quốc Anh: AA, 14 quốc gia ở Châu Âu có quy định việc trang bị bình chữa cháy trên xe ô tô (Liên bang Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Ukraina, Hy Lạp, Bỉ, Ba Lan, Bulgari, Belarus, Estonia, Latvia, Romania, Macedonia, Lithuania).

- Ở Châu Á (Hàn Quốc, Ấn độ, Dubai, Quata) quy định bắt buộc trang bị bình chữa cháy trên phương tiện giao thông cơ giới.
- Ở các nước ASEAN (Thái Lan, Malaysia) quy định việc trang bị phương tiện PCCC trên xe vận chuyển hàng nguy hiểm cháy, nổ và xe ô tô vận chuyển hành khách.

Các nước Nam Phi và một số nước ở Châu Phi (quốc đảo Mauritius, Negeria...) cũng có quy định trang bị bình chữa cháy trên xe ô tô.

Sau khi dự thảo Thông tư, Bộ Công an đã xin ý kiến tham gia của bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương, Hiệp hội Vận tải ô tô Việt Nam, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và Công an các đơn vị, địa phương và đã tiếp thu ý kiến.

**III. Về thực tế triển khai thực hiện Thông tư số 57/2015/TT-BCA**

1. Kể từ ngày 06/1/2016 Thông tư có hiệu lực, dư luận không có ý kiến gì về trang bị chữa cháy đối với xe ô tô từ 16 chỗ ngồi trở lên, xe ô tô vận chuyển chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ vì quy định trang bị bình chữa cháy trên ô tô đã có quy định từ trước (QCVN 09:2011/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô) và Thông tư 57/2015/TT-BCA của Bộ Công an chỉ quy định rõ hơn một số điều kiện khác về số lượng, chủng loại, quản lý chất lượng phương tiện PCCC trên các phương tiện giao thông.

2. Còn đối với xe ô tô từ 04 đến 09 chỗ ngồi cũng có một số dư luận băn khoăn, tập trung vào các vấn đề:

Trang bị bình chữa cháy trên xe ô tô cá nhân là không cần thiết. Về vấn đề này, sự nguy hiểm về cháy nổ, cũng như cháy xảy ra không phụ thuộc vào sở hữu (xe 04 chỗ cá nhân hoặc xe 04 chỗ kinh doanh taxi).

*Về chất lượng và bảo đảm đủ cung để bình ổn giá:*

- Chất lượng của một số loại bình chữa cháy trên thị trường chưa đạt yêu cầu, thực tế cho thấy trong thời gian qua đã xảy ra một số vụ nổ bình chữa cháy trên xe ô tô tại một số địa phương: Tiền Giang, Tp. Hồ Chí Minh, Lạng Sơn, Thanh Hóa. Sau khi có thông tin nổ bình chữa cháy, cơ quan chức năng của Bộ Công an đã vào cuộc kiểm tra thực tế và thông qua các thông tin báo chí, các bình bị nổ đều có tên FIRESTOP có xuất xứ trôi nổi trên thị trường và chưa được cơ quan chức năng kiểm định và dán tem kiểm định chất lượng.
- Nguồn cung cấp bình chữa cháy trên xe ô tô cho thị trường thời gian đầu khi Thông tư có hiệu lực còn thiếu do rất ít các doanh nghiệp sản xuất, chủ yếu dựa vào doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ PCCC nhập khẩu.

**IV. Quan điểm của Bộ Công an trong triển khai Thông tư số 57/2015/TT-BCA**

Để giải quyết các vấn đề dư luận xoay quanh việc trang bị bình chữa cháy, Bộ Công an đã triển khai thực hiện:

Đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ từ 10 chỗ ngồi trở lên và phương tiện giao thông cơ giới đường bộ vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ thì tiếp tục thực hiện các quy định của Thông tư 57.

Đối với phương tiện giao thông cơ giới từ 04 đến 9 chỗ ngồi: Bộ Công an đã chỉ đạo lực lượng các lực lượng chức năng, trong thời gian tới chưa tiến hành xử lý vi phạm đối với các trường hợp không trang bị phương tiện PCCC, chỉ khuyến cáo, tuyên truyền hướng dẫn chủ phương tiện trang bị phương tiện PCCC. Thực tế cho thấy, một số vụ cháy xe ô tô vừa qua (cháy xe chở dưa hấu tại Huế ngày 18/1/2016, cháy xe BMW tại Hà Tĩnh ngày 08/2/2016, cháy xe 16 chỗ tại Tp. Hồ Chí Minh ngày 20/2/2016...), nhờ có bình chữa cháy trên xe và các xe khác khi tham gia giao thông đã hỗ trợ dập tắt đám cháy xe ô tô, cứu được tài sản của người dân. Ngoài ra, một số hãng xe taxi đã chủ động quy định việc trang bị bình chữa cháy trên các xe taxi, trước khi có quy định của Thông tư 57.

Trong thời gian tới Bộ Công an sẽ chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc Bộ nghiên cứu xây dựng tài liệu khuyến cáo cách lắp đặt bình chữa cháy trên xe ô tô, cách lựa chọn bình chữa cháy phù hợp với từng loại xe và hướng dẫn quy trình xử lý sự cố khi xảy ra cháy, nổ trên xe.

13

**NỘI DUNG**

**Quy định về tỷ lệ mạ bằng – hàm ẩm của cá tra xuất khẩu.** Tỷ lệ mạ bằng (tỷ lệ nước mạ bằng trên trọng lượng tổng) đối với sản phẩm cá Tra xuất khẩu không được vượt quá 10%; hàm lượng nước tối đa không được vượt quá 83% so với khối lượng tịnh (khối lượng cá tra phi lê sau khi loại bỏ lớp mạ bằng) của sản phẩm.

**QUY ĐỊNH**

Điểm b và c khoản 1 Điều 6 Nghị định 36/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29/4/2014 về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra<sup>27</sup>

<sup>27</sup> Quy định này đã được hoàn thực hiện theo Mục 4, Nghị quyết số 89/NQ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2015 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2015.

## **LÝ DO**

**Sự cần thiết:** Tỷ lệ mạ băng, hàm ẩm thuộc về chất lượng của sản phẩm thực phẩm, vì vậy đây là vấn đề thuộc về thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng chứ hoàn toàn không phải vấn đề tiêu chuẩn TBT, SPS bắt buộc của Chính phủ nước nhập khẩu. Việc Nhà nước quy định tiêu chuẩn cho một vấn đề mà vốn thuộc về quyền tự do thỏa thuận, không ảnh hưởng tới việc cá tra được phép hay không được phép nhập khẩu vào một thị trường nhất định là không cần thiết.

**Quyền tự do kinh doanh:** Quy định này can thiệp quá sâu vào quyền tự do ký kết hợp đồng của doanh nghiệp (ví dụ người mua từ các nước kém phát triển, sẵn sàng mua cá tra với tỷ lệ mạ băng cao hơn 10% hoặc hàm ẩm cao hơn 83% miễn là giá rẻ thì tại sao pháp luật Việt Nam lại cấm việc này?) Nếu doanh nghiệp không đảm bảo tỷ lệ hàm ẩm hay mạ băng như thỏa thuận trong hợp đồng với khách hàng thì đây là vấn đề thuộc tranh chấp thương mại thông thường về chất lượng sản phẩm, cần được giải quyết theo các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại thông thường. Nhà nước không cần can thiệp vào vấn đề này.

**Tính hợp lý:** Các thị trường xuất khẩu cá tra của Việt Nam ngày càng đa dạng, mỗi thị trường đòi hỏi tiêu chuẩn tối thiểu về chất lượng hàng hóa khác nhau (có những thị trường như Liên minh châu Âu - EU, Mỹ yêu cầu cao, nhưng cũng có những thị trường không đòi hỏi quá cao như khu vực Mỹ Latin, Đông Âu, Châu Á...). Do đó, việc quy định một mức chất lượng hàng hóa cứng nhắc như trong Nghị định 36 là điều bất hợp lý. Việc này có thể sẽ đẩy giá thành sản phẩm lên và khiến sản phẩm của Việt Nam khó tiếp cận với các thị trường dễ tính. Nếu là vì mục tiêu đảm bảo một chuẩn tối thiểu về chất lượng thì đó phải là chuẩn thấp, chứ không thể là một chuẩn cao như trong Nghị định. Các sản phẩm cá tra là rất đa dạng và theo một số chuyên gia thực phẩm thì mức mạ băng đối với mỗi loại sản phẩm là khác nhau. Do đó, việc áp dụng một tỷ lệ mạ băng và hàm lượng nước chung cho tất cả các mặt hàng từ cá tra là không phù hợp.

**Chi phí tuân thủ:** Việc quy định tỷ lệ mạ băng, hàm ẩm như Nghị định 36 sẽ đẩy giá thành của sản phẩm cao lên rất nhiều và mất lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trên các thị trường. Mặt khác, quy định này cũng khiến các doanh nghiệp phải bỏ chi phí để đầu tư trang thiết bị, dây chuyền công nghệ phù hợp. Những doanh nghiệp nhỏ, không có tiềm lực tài chính sẽ đứng trước nguy cơ đóng cửa vì không thể đáp ứng được yêu cầu này.

## **PHẢN HỒI CỦA BỘ**

VCCI đã có công văn số 1013/PTM-PC ngày 05/5/2016 đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, với tư cách là cơ quan chủ trì soạn thảo, cung cấp thêm thông tin về quy định này. Tuy nhiên, đến nay VCCI không nhận được công văn trả lời của Quý Bộ.

# 14

## **NỘI DUNG**

**Đăng ký hàm lượng hoạt chất đối với mỗi dạng thành phẩm của thuốc bảo vệ thực vật.** Về nguyên tắc đăng ký thuốc bảo vệ thực vật, tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký chỉ được “đăng ký 01 hàm lượng hoạt chất cho mỗi dạng thành phẩm của thuốc bảo vệ thực vật”.

## **QUY ĐỊNH**

Điểm b khoản 5 Điều 5 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 08/6/2015 về quản lý thuốc bảo vệ thực vật

## **LÝ DO**

**Tính thống nhất:** Quy định này là chưa thống nhất với Luật kiểm dịch và bảo vệ thực vật. Luật không giới hạn về điều kiện này đối với các chủ thể đứng tên đăng ký thuốc bảo vệ thực vật, do đó việc Thông tư có quy định hạn chế này là chưa thống nhất với tinh thần của Luật.

**Tính hợp lý:** Theo phản ánh của doanh nghiệp thì thông thường cây trồng và các giai đoạn sinh trưởng của nó có phản ứng khác nhau với từng hóa chất trừ dịch hại cũng như đối với từng dạng thuốc trừ dịch hại. Công nghệ sản xuất khác nhau đòi hỏi phải có những chất phụ gia như: chất tăng sức căng bề mặt, chất tạo mùi, chất tạo màu ... khác nhau. Tất cả những sự khác biệt này cũng có những tác động (xấu hay tích cực) đến từng giai đoạn sinh trưởng của cây trồng. Vì vậy, mỗi dạng thuốc lại phù hợp với từng giai đoạn nhất định mà không được áp dụng chung cho tất cả các giai đoạn khác nhau của cây trồng. Hay ở mỗi một giai đoạn sinh trưởng khác nhau thì sử dụng các hàm lượng khác nhau để phát huy được hiệu quả của thuốc trừ dịch hại mà không ảnh hưởng đến cây trồng. Thực tiễn cũng đã chứng minh rằng cùng với một hàm lượng sử dụng cho một loại cây trồng ở giai đoạn non sẽ gây ảnh hưởng đến cây trồng (lá xoắn lại, giống cây trồng không phát triển...) nhưng ở những giai đoạn sau, cây vẫn phát triển bình thường mặc dù cũng sử dụng thuốc trừ dịch hại với liều lượng, hàm lượng như nhau.

**Quyền tự do kinh doanh:** Việc giới hạn về hàm lượng hoạt chất cho mỗi dạng thành phẩm của thuốc bảo vệ thực vật sẽ gây khó khăn cho hoạt động của doanh nghiệp trong việc tạo ra các sản phẩm phù hợp đồng thời ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả, chất lượng của thuốc bảo vệ thực vật khi được sử dụng.

**Cạnh tranh:** Quy định sẽ làm giảm tính cạnh tranh trên thị trường vì sẽ làm giảm cơ hội lựa chọn các sản phẩm tương tự nhau của người mua.

**Thời điểm ban hành, có hiệu lực:** Chậm 8 tháng.

**PHẢN HỒI CỦA BỘ**

VCCI đã có công văn số 1013/PTM-PC ngày 05/5/2016 đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, với tư cách là cơ quan ban hành, cung cấp thêm thông tin về quy định này. Tuy nhiên, đến nay VCCI không nhận được công văn trả lời của Quý Bộ.

15

**NỘI DUNG**

**Chỉ tiêu nước thải của ngành chăn nuôi.** Yêu cầu chất lượng của nước thải chăn nuôi đạt giá trị A tương đương với nước có thể uống được.

**QUY ĐỊNH**

Quy định tại mục 2.2 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 47/2011/TT-BTNMT quy định quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường<sup>28</sup>

**LÝ DO**

**Tính hợp lý:** Yêu cầu nước thải chăn nuôi phải đáp ứng loại A – mức tương đương với nước mà con người có thể uống được<sup>29</sup>, là quá khắt khe và rất khó có doanh nghiệp nào đáp ứng được. Các chỉ tiêu này theo đánh giá của chuyên gia trong ngành nông nghiệp<sup>30</sup>, cao hơn rất nhiều so với các nước trong khu vực như Thái Lan, thậm chí là cao hơn chỉ tiêu nước thải của một nước phát triển như Nhật Bản. Theo phản ánh của đại diện Hiệp hội Chăn nuôi gia cầm Đông Nam Bộ thì, nước thải từ chăn nuôi có thể làm phân bón cho một số loại cây trồng. Nếu được xử lý thành loại A thì không còn tính năng này nữa và có thể trở thành lãng phí.

**Chi phí tuân thủ:** Ngay cả khi có thể đáp ứng được thì doanh nghiệp phải đầu tư trang thiết bị máy móc hiện đại, rất tốn kém về chi phí, nhất là trong bối cảnh doanh nghiệp ở nước ta chủ yếu là nhỏ và vừa. Thực tế, theo phản ánh của cán bộ trong ngành phát triển nông thôn, thì ở địa phương chưa có doanh nghiệp nào có thể đáp ứng được điều kiện này<sup>31</sup>. Quy định này vô hình trung sẽ là sự cản trở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và là rào cản đáng kể cho những doanh nghiệp muốn tham gia vào mảng chăn nuôi công nghiệp và hoàn thành được mục tiêu xây dựng ngành chăn nuôi theo quy mô lớn mà Nhà nước đang hướng đến.

**Tính khả thi:** Doanh nghiệp không thể đáp ứng được các yêu cầu theo quy định.

**Kiểm soát nguy cơ những nhiễu:** Doanh nghiệp luôn đứng trước nguy cơ bị xử phạt vì không thể đáp ứng được yêu cầu của quy định.

**PHẢN HỒI CỦA BỘ**

Công văn số 1713/BTNMT-PC ngày 13/5/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cung cấp thông tin liên quan đến quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp:

1. Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT), áp dụng chung cho các ngành nghề sản xuất. Theo đó, nước thải chăn nuôi khi chưa ban hành quy chuẩn riêng phải áp dụng quy chuẩn này.

<sup>28</sup> Quy định này đã được sửa đổi tại Thông tư 04/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 29/04/2016 về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi

<sup>29</sup> <http://www.24h.com.vn/thi-truong-tieu-dung/nuoc-thai-chan-nuoi-phai-dat-chuan-nguoi-cung-uong-duoc-c52a713067.html>

<sup>30</sup> <http://mebipha.com.vn/nganh-chan-nuoi-se-dong-cua-vi-chi-tieu-nuoc-thai/>

<sup>31</sup> <http://www.24h.com.vn/thi-truong-tieu-dung/nuoc-thai-chan-nuoi-phai-dat-chuan-nguoi-cung-uong-duoc-c52a713067.html>

Hiện tại, Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT quy định 02 mức giá trị của thông số ô nhiễm có trong nước thải (Bảng 1L Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp) tương ứng 02 cột như sau:

*Mức thứ nhất (quy định tại cột A):* áp dụng cho nước thải vào vùng nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (liên quan trực tiếp đến sức khỏe con người, nên giá trị các thông số được quy định nghiêm ngặt).

*Mức thứ hai (quy định tại cột B):* áp dụng cho nước thải vào vùng nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (nên giá trị thông số được quy định thấp hơn).

Như vậy, việc quy định hai mức giá trị tại cột A và cột B như trên là rõ ràng và áp dụng chung cho tất cả các ngành nghề sản xuất. Theo đó, các chủ đầu tư phải xem xét quy mô, loại hình sản xuất, các công nghệ, biện pháp xử lý chất thải để đáp ứng các yêu cầu, quy định về bảo vệ môi trường trước khi đầu tư. Trường hợp công nghệ xử lý nước thải không đáp ứng được yêu cầu thải vào nguồn lại A (nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt) thì chủ đầu tư phải xem xét lựa chọn địa điểm khác phù hợp để đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (nguồn loại B).

2. Tuy nhiên, để tháo gỡ khó khăn cho ngành chăn nuôi, bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 04/2016/TT-BTNMT ngày 29 tháng 4 năm 2016 quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (QCVN 62-MT:2016/BTNMT).

Quy chuẩn kỹ thuật này được xây dựng trên cơ sở đánh giá thực trạng và cân nhắc cho phù hợp với thực tế của ngành chăn nuôi Việt Nam; đồng thời tham khảo các quy chuẩn môi trường của các quốc gia trong khu vực.

Trong quá trình xây dựng quy chuẩn này, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức họp tham vấn và nhận được sự đồng thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Chăn nuôi), Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) và Hội Chăn nuôi Việt Nam về dự thảo quy chuẩn.

# 16



## NỘI DUNG

**Yêu cầu da thành phẩm phải thực hiện thủ tục kiểm dịch thực vật.** Yêu cầu da thành phẩm phải thực hiện thủ tục kiểm dịch thực vật như các loại da nguyên liệu (Da chưa qua quá trình thuộc).

## QUY ĐỊNH

Khoản 5 Điều 1 Thông tư 40/2012/TT-BNNPTNT ban hành Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật

## LÝ DO

**Tính hợp lý:** Mục tiêu của kiểm dịch thực vật là nhằm kiểm soát và ngăn chặn các mầm bệnh, vì vậy cần phải xác định chính xác các loại vật thể có thể mang mầm bệnh để kiểm dịch thực vật. Thông tư 40 đã xác định “Da” là vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật, tuy nhiên “Da” là khái niệm rất rộng, trong đó có loại Da thành phẩm (Da đã trải qua quá trình thuộc có sử dụng các hóa chất) là loại ít có nguy cơ mang theo dịch bệnh. Vì vậy, không cần thiết phải kiểm soát bằng biện pháp kiểm dịch thực vật đối với các vật thể này.

**Chi phí tuân thủ:** Tạo gánh nặng về thủ tục hành chính: Việc yêu cầu các loại Da ít có nguy cơ mang theo dịch bệnh<sup>32</sup> phải thực hiện thủ tục hành chính sẽ tạo gánh nặng cho các doanh nghiệp nhập khẩu. Nhất là trong bối cảnh, Chính phủ đang có nhiều nỗ lực về cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan để khai thông hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

## PHẢN HỒI CỦA BỘ

VCCI đã có công văn số 1013/PTM-PC ngày 05/5/2016 đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, với tư cách là cơ quan ban hành, cung cấp thêm thông tin về quy định này. Tuy nhiên, đến nay VCCI không nhận được công văn trả lời của Quý Bộ.

<sup>32</sup> Da thuộc đã được gia công thêm sau khi thuộc hoặc làm mộc, kể cả da trống, của bò (kể cả trâu) hoặc của ngựa, không có lông, đã hoặc chưa xẻ (mã 4107); Da thuộc đã được gia công thêm sau khi thuộc hoặc làm mộc, kể cả da trống, của cừu, không có lông, đã hoặc chưa xẻ (mã 4112.00.00); Da thuộc đã được gia công thêm sau khi thuộc hoặc làm mộc, kể cả da trống của các loại động vật khác, không có lông, đã hoặc chưa xẻ (mã 4113); Da thuộc dẫu (kể cả da thuộc dẫu kết hợp); da lông và da lông bằng màng móng được tạo trước, da nhũ (mã 4114); Da thuộc tổng hợp với thành phần cơ bản là da thuộc hoặc sợi da thuộc, dạng tấm, tấm mỏng hoặc dạng dải, có hoặc không ở dạng cuộn, da vụn và phế liệu khác từ da thuộc hoặc da tổng hợp không phù hợp dùng cho sản xuất hàng da, bụi da và các loại bột gia (mã 4115)

# 17



**NỘI DUNG**

**Yêu cầu về trách nhiệm ghi chép thông tin của các doanh nghiệp in.** Cơ sở in phải cập nhập đầy đủ thông tin về việc nhận chế bản, in, gia công sau in vào “Sổ quản lý ấn phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in” với một số thông tin sau:

- (1) Thông tin của người đến đặt chế bản, in, gia công sau in: Họ và tên, Giấy chứng minh nhân dân; địa chỉ cơ quan hoặc hộ khẩu thường trú;
- (2) Thông tin của ấn phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in: tên ấn phẩm, khuôn khổ, số trang, số lượng;
- (3) Thông tin về hợp đồng in, hóa đơn bán hàng, ngày giao hàng, người nhận hàng.

**QUY ĐỊNH**

Khoản 4 Điều 15 Nghị định 60/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/6/2014 quy định về hoạt động in

**LÝ DO**

**Chi phí tuân thủ:** Đối với một doanh nghiệp nhận được nhiều đơn hàng với hàng trăm ấn phẩm thì việc ghi chép các thông tin như chứng minh nhân dân, ngày và nơi cấp, địa chỉ thường trú, khổ, số trang, số lượng, hợp đồng số, hóa đơn giao hàng, ngày giao hàng... sẽ mất rất nhiều thời gian cho doanh nghiệp, đó là chưa kể khi ấn phẩm còn chưa hoàn thành, ấn phẩm đang giao hàng nhưng chưa xuất hóa đơn, có ấn phẩm giao từng đợt hoặc giao trọn gói.

**Tính hợp lý:** Thông thường, các bên trong giao dịch dân sự luôn muốn bảo mật thông tin về nội dung hợp đồng, khách hàng không muốn cung cấp các thông tin cá nhân như số chứng minh nhân dân. Việc yêu cầu ghi chép thông tin có thể khiến các bên ngần ngại trong giao kết hợp đồng. Từ đó, vô hình trung sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến các hoạt động kinh doanh của các cơ sở in.

**Tính khả thi:** Về mặt thực tế, các bên ký kết hợp đồng có thể thông qua các phương tiện điện tử, do đó yêu cầu nhập các thông tin về người đặt hàng nhiều khi là khó khăn và không thể thực hiện được

**Kiểm soát nguy cơ nhiều:** Việc yêu cầu doanh nghiệp ghi chép quá nhiều thông tin sẽ đặt doanh nghiệp ở tình trạng sẽ bị xử phạt nếu không thực hiện đầy đủ các thông tin phải ghi chép.

**PHẢN HỒI CỦA BỘ**

**Công văn số 1719/BTTTT-PC của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 26/5/2016 về việc cung cấp thông tin thêm cho Cuộc bình chọn các quy định pháp luật:**

Thực hiện Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đã thành lập Tổ công tác rà soát, đơn giản hóa nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động in, do Lãnh đạo Bộ là Tổ trưởng Tổ công tác, các thành viên là lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Pháp chế và Cục Xuất bản, In và Phát hành), đại diện các Cơ quan có liên quan gồm Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính.

Tổ Công tác đã làm việc với Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính (Bộ Tư pháp), Hiệp hội In Việt Nam, Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính... và khoảng 40 cơ sở in trên cả nước để lấy ý kiến góp ý về thủ tục hành chính liên quan đến cơ sở in. Tổ công tác đã tiến hành các cuộc họp để trao đổi, thảo luận, thống nhất về danh mục các thủ tục hành chính thuộc nhóm, thứ tự thực hiện các thủ tục hành chính; nội dung phương án đơn giản hóa để xuất thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính (Bộ Tư pháp) và Tổ công tác của Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức nhiều cuộc họp để thảo luận. Để đảm bảo tính khách quan và thể hiện ý kiến đa chiều của các bên, Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính và Tổ công tác đã mời đại diện VCCI và đại diện hiệp hội In Việt Nam, đại diện một số doanh nghiệp in tham dự họp, nêu các câu hỏi và phát biểu ý kiến. Trong quá trình thảo luận, Tổ công tác đã giải đáp mọi câu hỏi liên quan đến các quy định và thủ tục hành chính về hoạt động in của Cục kiểm tra văn bản, VCCI và đại diện Hiệp hội In Việt Nam, đại diện một số doanh nghiệp in, trong đó bao gồm toàn bộ các nội dung trong danh mục được để cử quy định tối của Quý cơ quan gửi kèm công văn số 1013/PTM-PC.

Tại buổi làm việc cuối cùng ngày 06/11/2015 giữa Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp), Tổ công tác, đại diện VCCI, đại diện Hiệp hội In Việt Nam, một lần nữa, Tổ công tác đã giải đáp lại toàn bộ các nội dung trên, bao gồm những nội dung Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ đề xuất với Thủ tướng Chính phủ để giảm nhẹ thủ tục hành chính, nội dung có thể bỏ, nội dung giữ nguyên và lý do căn cứ pháp lý, tình hình thực tế của từng nội dung. Tại cuộc họp này, đại diện các bên có mặt đều ghi nhận sự cầu thị và nỗ lực của Tổ công tác và Bộ Thông tin và Truyền thông trong quá trình tiến hành rà soát đơn giản hóa nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động in, nhằm tạo môi trường kinh doanh đơn giản và thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp in.

Trên tinh thần làm việc đó, tháng 12/2015, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có Tờ trình gửi Thủ tướng Chính phủ để đề xuất đơn giản hóa một số thủ tục hành chính trong hoạt động in, đồng thời giải trình với Văn phòng Chính phủ những lý do, căn cứ pháp lý, tình hình thực tế đối với một số ít những thủ tục nào vẫn cần tiếp tục thực hiện.

Ngày 19/01/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 143/QĐ-TTg phê duyệt Phương án đơn giản hóa nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động của các cơ sở in thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Như vậy, đối với những vấn đề nêu tại Công văn số 1013/PTC-PC ngày 05/5/2016 của VCCI về các nội dung liên quan đến Nghị định 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có những giải đáp cụ thể liên quan đến thủ tục hành chính cần đơn giản hóa và trên cơ sở đó Thủ tướng Chính phủ cũng đã phê duyệt các nội dung của Bộ đề xuất và được quy định cụ thể tại Quyết định 143/QĐ-TTg nêu trên.

# 18

## NỘI DUNG

**Quản lý đối với việc sử dụng máy photocopy màu.** Máy photocopy màu chỉ được sử dụng phục vụ cho công việc nội bộ của cơ quan, tổ chức, không được sử dụng để kinh doanh dưới mọi hình thức.

## QUY ĐỊNH

Điểm a khoản 1 Điều 30 Nghị định 60/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/6/2014 quy định về hoạt động in

## LÝ DO

**Sự cần thiết:** Máy photocopy màu ngày nay rất phổ biến, tính năng cũng không có gì đặc biệt so với nhiều loại máy in văn phòng có chức năng in màu. Máy in văn phòng có chức năng in màu có độ phân giải ngày càng cao đang được sử dụng phổ biến, ngay trong các hộ gia đình thì lại không bị quản lý<sup>33</sup> và chưa có phản ánh về những tác động tiêu cực của loại máy in văn phòng này tới các lợi ích công cộng. Do vậy, không cần thiết phải quản lý quá chặt một loại thiết bị tương tự như máy in văn phòng – vốn chẳng được quản lý gì.

**Quyền tự do kinh doanh:** Quy định cấm sử dụng loại tài sản này trong hoạt động kinh doanh ảnh hưởng lớn đến quyền tự do kinh doanh trong khi những tác động của việc sử dụng tài sản này đến các lợi ích công cộng chưa được chứng minh một cách thuyết phục

**Tính hợp lý:** Tác động đáng kể tới quyền lợi của các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, những hộ kinh doanh: Theo quy định tại Nghị định 105/2007/NĐ-CP (được thay thế bởi Nghị định 60/2014/NĐ-CP) trước đây thì những cơ sở dịch vụ photocopy được sử dụng máy photocopy màu cho hoạt động kinh doanh. Như vậy, với quy định này thì những đối tượng này sẽ không được phép sử dụng loại máy móc này cho hoạt động kinh doanh của mình, đồng nghĩa một mảng hoạt động kinh doanh sẽ đóng cửa; các máy photocopy màu không biết sẽ xử lý như thế nào vì không được phép sử dụng. Điều này sẽ tác động rất lớn đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp, hoặc hộ kinh doanh này, thậm chí là phải đóng cửa.

## PHẢN HỒI CỦA BỘ

**Công văn số 1719/BTTTT-PC của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 26/5/2016 về việc cung cấp thông tin thêm cho Cuộc bình chọn các quy định pháp luật:**

Thực hiện Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trong năm 2015, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đã thành lập Tổ công tác rà soát, đơn giản hóa nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động in, do Lãnh đạo Bộ là Tổ trưởng Tổ công tác, các thành viên là lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Pháp chế và Cục Xuất bản, In và Phát hành), đại diện các Cơ quan có liên quan gồm Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính.

Tổ Công tác đã làm việc với Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính (Bộ Tư pháp), Hiệp hội In Việt Nam, Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính... và khoảng 40 cơ sở in trên cả nước để lấy ý kiến góp ý về thủ tục hành chính liên quan đến cơ sở in. Tổ công tác đã tiến hành các cuộc họp để trao đổi, thảo luận, thống nhất về danh mục các thủ tục hành chính thuộc nhóm, thứ tự thực hiện các thủ tục hành chính; nội dung phương án đơn giản hóa để xuất thực hiện.

<sup>33</sup> Kiến nghị số 31/HHVN của Hiệp hội In Việt Nam ngày 19/11/2015 về việc đề nghị phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động in gửi tới các cơ quan hữu quan

Trong quá trình thực hiện, Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính (Bộ Tư pháp) và Tổ công tác của Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức nhiều cuộc họp để thảo luận. Để đảm bảo tính khách quan và thể hiện ý kiến đa chiều của các bên, Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính và Tổ công tác đã mời đại diện VCCI và đại diện hiệp hội In Việt Nam, đại diện một số doanh nghiệp in tham dự họp, nêu các câu hỏi và phát biểu ý kiến. Trong quá trình thảo luận, Tổ công tác đã giải đáp mọi câu hỏi liên quan đến các quy định và thủ tục hành chính về hoạt động in của Cục kiểm tra văn bản, VCCI và đại diện Hiệp hội In Việt Nam, đại diện một số doanh nghiệp in, trong đó bao gồm toàn bộ các nội dung trong danh mục được để cử quy định tối của Quý cơ quan gửi kèm công văn số 1013/PTM-PC.

Tại buổi làm việc cuối cùng ngày 06/11/2015 giữa Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp), Tổ công tác, đại diện VCCI, đại diện Hiệp hội In Việt Nam, một lần nữa, Tổ công tác đã giải đáp lại toàn bộ các nội dung trên, bao gồm những nội dung Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ đề xuất với Thủ tướng Chính phủ để giảm nhẹ thủ tục hành chính, nội dung có thể bỏ, nội dung giữ nguyên và lý do căn cứ pháp lý, tình hình thực tế của từng nội dung. Tại cuộc họp này, đại diện các bên có mặt đều ghi nhận sự cầu thị và nỗ lực của Tổ công tác và Bộ Thông tin và Truyền thông trong quá trình tiến hành rà soát đơn giản hóa nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động in, nhằm tạo môi trường kinh doanh đơn giản và thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp in.

Trên tinh thần làm việc đó, tháng 12/2015, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có Tờ trình gửi Thủ tướng Chính phủ để đề xuất đơn giản hóa một số thủ tục hành chính trong hoạt động in, đồng thời giải trình với Văn phòng Chính phủ những lý do, căn cứ pháp lý, tình hình thực tế đối với một số ít những thủ tục nào vẫn cần tiếp tục thực hiện.

Ngày 19/1/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 143/QĐ-TTg phê duyệt Phương án đơn giản hóa nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động của các cơ sở in thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Như vậy, đối với những vấn đề nêu tại Công văn số 1013/PTC-PC ngày 05/5/2016 của VCCI về các nội dung liên quan đến Nghị định 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có những giải đáp cụ thể liên quan đến thủ tục hành chính cần đơn giản hóa và trên cơ sở đó Thủ tướng Chính phủ cũng đã phê duyệt các nội dung của Bộ đề xuất và được quy định cụ thể tại Quyết định 143/QĐ-TTg nêu trên.

# 19

## NỘI DUNG

**Áp đặt điều kiện nhập khẩu của hàng hóa có nguồn gốc thực vật dựa trên điều kiện của nước xuất khẩu có đăng ký nhập khẩu với Việt Nam hay không.** Một số hàng hóa có nguồn gốc thực vật *chỉ được nhập khẩu* vào Việt Nam nếu nước xuất khẩu có tên trong Danh sách các nước đã đăng ký xuất khẩu thực phẩm có nguồn gốc thực vật vào Việt Nam.

## QUY ĐỊNH

Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 12/2015/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 16/3/2015 hướng dẫn kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu.

## LÝ DO

**Tính thống nhất:** Luật an toàn thực phẩm và các văn bản Nghị định hướng dẫn thi hành Luật này không quy định về điều kiện này đối với hàng hóa nhập khẩu, cũng không trao quyền cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều kiện này. Như vậy, quy định này là chưa phù hợp với Luật an toàn thực phẩm và các văn bản cấp trên.

**Tính hợp lý:** Mục tiêu (suy đoán) của quy định này (đảm bảo rằng hàng hóa có nguồn gốc thực vật dùng làm thực phẩm nhập khẩu đã được kiểm soát và đáp ứng các tiêu chuẩn tương đương tiêu chuẩn Việt Nam tại nước nhập khẩu trước khi xuất sang Việt Nam) dường như lại không đạt được bằng quy định này bởi:

- *Thứ nhất*, toàn bộ các thủ tục cũng như điều kiện an toàn thực phẩm (mà qua đó chúng ta có thể đánh giá về quy trình và cơ chế kiểm soát tại nước nhập khẩu) đều do nước xuất khẩu khai báo, và chỉ là trên quy định, vì vậy không chắc là có chính xác trong thực tiễn áp dụng không (tương tự như Việt Nam, chúng ta có đầy đủ các yêu cầu và thủ tục kiểm tra an toàn thực phẩm nhưng thực phẩm vẫn lưu hành trong thị trường với tỷ lệ đáng kể), ngay cả chỉ là nhìn từ góc độ quy định thì cũng không có gì đảm bảo thông tin khai báo trong hồ sơ là chính xác.
- *Thứ hai*, lâu nay các chuyên gia cũng phải thừa nhận rằng các tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn thực phẩm của Việt Nam không phải là cao so với thế giới, vậy có thể suy đoán là phần lớn các nước sẽ đáp ứng yêu cầu của Việt Nam – do đó việc đăng ký chỉ còn mang tính hình thức.
- *Thứ ba*, từ góc độ quan hệ thương mại, liệu có khi nào Việt Nam có thể thắng thường từ chối/loại bỏ một nước (nếu họ có đăng ký) ra khỏi Danh mục được phép nhập khẩu vào Việt Nam không?

**Quyền tự do kinh doanh:** Trong khi yêu cầu về Danh mục nước xuất khẩu không thể giúp ích gì nhiều cho mục tiêu kiểm soát an toàn thực phẩm của sản phẩm nhập khẩu, yêu cầu này lại tạo ra những hạn chế đáng kể trong lựa chọn nguồn cung hàng hóa cho Việt Nam một cách không cần thiết và không phù hợp từ góc độ kinh tế thị trường.

**Cạnh tranh:** Quy định này sẽ dẫn tới việc nguồn cung hàng hóa có nguồn gốc thực vật dùng làm thực phẩm cho thị trường Việt Nam bị giới hạn chỉ ở vài chục nước đã đăng ký (thay vì toàn bộ gần 200 thị trường như thông thường), vì sẽ có trường hợp các nước xuất khẩu không biết thông tin để đăng ký hoặc không chú ý tới thông tin này để đăng ký. Điều này rõ ràng là bất lợi cho các doanh nghiệp nhập khẩu khi không thể nhập khẩu hàng hóa từ các thị trường mong muốn và trong tổng thể thì đây là một bất lợi cho người tiêu dùng cũng như các ngành kinh tế liên quan.

## **PHẢN HỒI CỦA BỘ**

VCCI đã có công văn số 1013/PTM-PC ngày 05/5/2016 đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, với tư cách là cơ quan ban hành, cung cấp thêm thông tin về quy định này. Tuy nhiên, đến nay VCCI không nhận được công văn trả lời của Quý Bộ.

# 20



## **NỘI DUNG**

**Hạn chế tỷ lệ học sinh của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.** Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài được phép tiếp nhận học sinh Việt Nam, nhưng số học sinh Việt Nam ở trường tiểu học và trung học cơ sở không quá 10% tổng số học sinh của trường, ở trường trung học phổ thông không quá 20% tổng số học sinh của trường.

## **QUY ĐỊNH**

Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 73/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/9/2012 quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

## **LÝ DO**

**Tính hợp lý:** Đứng dưới góc độ của các gia đình Việt Nam: tiếp cận với các kiến thức, phương pháp giáo dục của thế giới là nhu cầu chính đáng của người dân. Việc hạn chế tỷ lệ học sinh Việt Nam theo học các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài sẽ là rào cản cho trẻ em được tiếp cận với các kiến thức tiên bộ, nhất là trong bối cảnh, hệ thống giáo dục của nước ta đang có nhiều bất cập. Quy định hạn chế này cũng sẽ dẫn tới sự lãng phí xã hội, khi các gia đình của nước ta muốn con em được học các kiến thức, phương pháp học của nước ngoài phải bỏ ra khoản tiền lớn để cho con ra nước ngoài theo học, trong khi đó đáng lẽ họ chỉ phải trả chi phí ít hơn để được học chương trình tương tự ở Việt Nam.

**Quyền tự do kinh doanh:** Quy định tạo ra một trở ngại đáng kể cho hoạt động của các nhà đầu tư trong lĩnh vực này. Bởi yếu tố quan trọng để có thể hoạt động được trong lĩnh vực giáo dục đó là có học sinh theo học, nếu áp đặt số lượng hạn chế học sinh Việt Nam (trên đất nước Việt Nam), thì trong nhiều trường hợp, các cơ sở giáo dục này sẽ không thể có đủ học sinh để có thể duy trì hoạt động của trường.

**Cạnh tranh:** Việc hạn chế tỷ lệ học sinh của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài sẽ giảm tính cạnh tranh về chất lượng giữa các cơ sở giáo dục ở nước ta. Bởi vì, các cơ sở giáo dục khác ở Việt Nam sẽ không lo ngại không thu hút được học sinh vì các cơ sở giáo dục ở nước ngoài bị hạn chế tỷ lệ học sinh.

## **PHẢN HỒI CỦA BỘ**

VCCI đã có công văn số 1013/PTM-PC ngày 05/05/2016 đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, với tư cách là cơ quan chủ trì soạn thảo, cung cấp thêm thông tin về quy định này. Tuy nhiên, đến nay VCCI không nhận được công văn trả lời của Quý Bộ.

# 21

## **NỘI DUNG**

**Yêu cầu doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển phải có bộ phận pháp lý.** Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển phải có “cán bộ chuyên trách thực hiện pháp chế doanh nghiệp”.

## **QUY ĐỊNH**

Khoản 3 Điều 10 Nghị định 30/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/4/2014 về điều kiện kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hỗ trợ vận tải biển

## **LÝ DO**

**Sự cần thiết:** Việc doanh nghiệp có nhân viên chuyên trách thực hiện pháp chế doanh nghiệp hay không sẽ không có tác động đáng kể nào tới các lợi ích công cộng hay hoạt động của chính doanh nghiệp. Do đó, Nhà nước không cần thiết phải yêu cầu doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển phải có bộ phận pháp lý

**Quyền tự do kinh doanh:** Việc tổ chức bộ máy để đảm bảo hoạt động là quyền của doanh nghiệp – được Luật doanh nghiệp 2014 ghi nhận. Như phân tích ở trên, việc có cán bộ chuyên trách thực hiện pháp chế hay không không ảnh hưởng đến các lợi ích công cộng và đây là nhu cầu tự thân của doanh nghiệp. Việc quy định yêu cầu bắt buộc phải có nhân sự này là sự can thiệp quá sâu vào quyền tự do kinh doanh.

**Tính hợp lý:** Thị trường pháp lý của Việt Nam đang ngày càng phát triển, với sự nở rộ của nhiều công ty luật, văn phòng luật và hàng trăm luật sư được cấp thẻ hành nghề hàng năm. Nước ta đã có nhiều hãng luật lớn, có uy tín, chất lượng đang hoạt động. Hơn nữa, Chính phủ cũng có nhiều cải cách về chính sách để tạo điều kiện cho luật sư có thể phát triển. Vì vậy, dự báo, ở tương lai thì thị trường pháp lý sẽ có nhiều phát triển đáng kỳ vọng. Xuất phát từ thực tế này, thì các doanh nghiệp Việt Nam sẽ có rất nhiều lựa chọn nếu có nhu cầu tìm hiểu về pháp luật cũng như cần có luật sư hỗ trợ giải quyết các tranh chấp. Do đó, việc yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đại lý tàu biển phải có bộ phận phụ trách pháp chế riêng để đáp ứng các hoạt động liên quan đến pháp lý là chưa hợp lý.

**Chi phí tuân thủ:** Mặt khác, việc phải có thêm một bộ phận/nhân sự trong cơ cấu doanh nghiệp sẽ gia tăng chi phí cho doanh nghiệp. Trong bối cảnh, dịch vụ đại lý tàu biển đang là thị trường cạnh tranh khốc liệt, việc gia tăng chi phí hoạt động, sẽ giảm lợi thế cạnh tranh từ phía các doanh nghiệp (sẽ giảm lợi nhuận hoặc phải tăng giá dịch vụ vì phải tăng chi phí đầu vào, có thể dẫn tới việc mất khách hàng, hệ lụy là hoạt động kinh doanh đình đốn, thậm chí đóng cửa). Quy định này tác động đáng kể đến các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

## **PHẢN HỒI CỦA BỘ**

Công văn số 5422/BGTVT-PC ngày 17/5/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc cung cấp thông tin thêm cho Cuộc bình chọn các quy định pháp luật:

Đại lý tàu biển là dịch vụ mà người đại lý tàu biển nhân danh chủ tàu hoặc người khai thác tiến hành các dịch vụ liên quan đến tàu biển hoạt động tại cảng bao gồm việc thực hiện các thủ tục tàu biển vào, rời cảng; ký kết hợp đồng vận chuyển, hợp đồng bảo hiểm hàng hải, hợp đồng bốc dỡ hàng hóa, hợp đồng thuê tàu, hợp đồng thuê thuyền viên; ký vận đơn hoặc chứng từ vận chuyển tương đương; cung ứng vật tư, nhiên liệu, thực phẩm cho tàu biển; trình kháng nghị hàng hải; thông tin liên lạc với chủ tàu hoặc người khai thác tàu; dịch vụ liên quan đến thuyền viên; thu, chi các khoản tiền liên quan đến hoạt động khai thác tàu; giải quyết tranh chấp về hợp đồng vận chuyển hoặc về tai nạn hàng hải và dịch vụ khác liên quan đến tàu biển. Nhìn vào các nội dung công việc mà đại lý tàu biển phải thực hiện thì điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 10 của Nghị định 30/2014/NĐ-CP là hoàn toàn phù hợp với các lý do như sau:

**Quyền tự do kinh doanh:** đây là ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Việc đặt ra điều kiện bộ phận pháp lý của đại lý tàu biển là xuất phát từ yêu cầu thực tế mang tính đặc thù của ngành hàng hải là lĩnh vực có nhiều sự giao thoa giữa luật pháp trong nước và quốc tế, thường xuyên phải đối mặt với các tranh chấp phát sinh thông qua các giao dịch của hợp đồng vận chuyển, bốc dỡ, các tai nạn hàng hải. Quy định này không làm giảm quyền tự chủ của doanh nghiệp trong các hoạt động kinh doanh của mình.

**Tính hợp lý:** quy định này xuất phát từ thực tiễn của hoạt động cung cấp dịch vụ đại lý tàu biển, tạo điều kiện cho việc cung cấp các dịch vụ đại lý tàu biển được diễn ra suôn sẻ, đáp ứng các yêu cầu về tiến độ thời gian, chất lượng dịch vụ. Việc lựa chọn thuê ngoài bộ phận pháp lý trong một chừng mực nào đó có thể không đáp ứng được các điều kiện về thời gian, chất lượng dịch vụ do: có sự hạn chế về thông tin, sự am hiểu về luật pháp quốc tế chuyên ngành hàng hải, về kinh nghiệm giải quyết sự vụ đối với các giao dịch thương mại vốn dĩ bị ảnh hưởng nhiều bởi thông lệ quốc tế. Việc duy trì cán bộ chuyên trách pháp lý am hiểu về chuyên môn, nghiệp vụ sẽ làm giảm thiểu các rủi ro của hoạt động khai thác của chủ tàu cũng như của doanh nghiệp làm đại lý, tạo tính chủ động, linh hoạt trong quá trình giải quyết các tranh chấp phát sinh, kịp thời trình các kháng nghị

hàng hải lên cấp có thẩm quyền để đảm bảo khắc phục các hoàn cảnh mà tàu biển gặp phải, hạn chế tổn thất xảy ra, kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chủ tàu và những người có liên quan.

*Chi phí tuân thủ:* trong bối cảnh dịch vụ đại lý tàu biển đang là thị trường cạnh tranh khốc liệt thì việc có thêm bộ phận hoặc nhân sự pháp chế trong doanh nghiệp là điều hết sức cần thiết để đảm bảo tính pháp lý cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động, nó không làm gia tăng chi thuê ngoài các luật sư theo sự vụ để hỗ trợ thực hiện các hoạt động pháp lý. Việc thiếu chủ động do không duy trì cán bộ làm công tác pháp chế cũng làm phát sinh tăng chi phí bồi thường, chi phí giải quyết tranh chấp đối với hoạt động của đại lý tàu biển.

Tuy nhiên, ghi nhận ý kiến đóng góp này của cộng đồng doanh nghiệp, Bộ Giao thông vận tải sẽ tiếp tục nghiên cứu, đánh giá tính khả thi của quy định này trên thực tế, đảm bảo quyền chủ động của doanh nghiệp.

# 22

## NỘI DUNG

**Điều kiện nhập khẩu ô tô từ 09 chỗ ngồi trở xuống.** Thương nhân nhập khẩu xe ô tô chở người loại từ 09 chỗ ngồi trở xuống phải bổ sung thêm các loại giấy tờ: Giấy chỉ định hoặc Giấy ủy quyền là nhà nhập khẩu, nhà phân phối của chính hãng sản xuất, kinh doanh loại ô tô đó hoặc hợp đồng đại lý của chính hãng sản xuất, kinh doanh loại ô tô đó đã được cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.

## QUY ĐỊNH

Điều 1 Thông tư số 20/2011/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 12/5/2011 quy định bổ sung thủ tục nhập khẩu xe ô tô chở người loại từ 09 chỗ ngồi trở xuống

## LÝ DO

**Quyền tự do kinh doanh:** Quy định này sẽ khiến một bộ phận doanh nghiệp không được quyền kinh doanh nhập khẩu ô tô nữa.

**Tính hợp lý:** Yêu cầu phải có Giấy ủy quyền của chính hãng có thể tạo ra ưu thế cho một số thương nhân đã có Giấy ủy quyền, những thương nhân khác không có giấy tờ này, muốn được tiếp tục kinh doanh ô tô nhập khẩu, phải mua qua một khâu trung gian là các thương nhân này. Điều này một mặt làm méo mó cạnh tranh giữa hai nhóm thương nhân, mặt khác cũng khiến người tiêu dùng phải trả giá cao hơn cho các sản phẩm nhập khẩu này.

**Chi phí xã hội:** Chi phí xã hội để tuân thủ quy định này rất lớn, vì có rất nhiều các doanh nghiệp không thể xin được Giấy ủy quyền chính hãng, dẫn đến phải phá sản, đóng cửa hoặc chuyển đổi ngành nghề kinh doanh.

**Cạnh tranh:** Quy định này tạo thế độc quyền cho một số nhà phân phối.

## PHẢN HỒI CỦA BỘ

Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương có công văn số 22/XNK-CN ngày 18/5/2016 về việc cung cấp thông tin cho Cuộc bình chọn các quy định pháp luật dài 2 trang. Công văn ở chế độ Mật.

# 23

## NỘI DUNG

**Điều kiện về số lượng xe tối thiểu trong lĩnh vực vận tải hành khách bằng ô tô.** Các doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô, tùy thuộc vào hình thức kinh doanh, phải đáp ứng các điều kiện về số lượng xe tối thiểu, cụ thể: Đối với kinh doanh hành khách theo tuyến cố định: doanh nghiệp có trụ sở ở các thành phố trực thuộc Trung ương phải có từ 20 xe trở lên; doanh nghiệp có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại từ 10 xe trở lên; trụ sở tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ từ 05 xe trở lên; tương tự, đối với các loại kinh doanh vận tải khác, số lượng xe doanh nghiệp phải đáp ứng là khác nhau dựa trên căn cứ về địa bàn mà doanh nghiệp có trụ sở chính.

## QUY ĐỊNH

Khoản 4 Điều 15, khoản 4 Điều 16, khoản 7 Điều 17, khoản 4 Điều 18, khoản 2 Điều 19 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/9/2015 về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

## LÝ DO

**Tính hợp lý:** Yêu cầu về quy mô tối thiểu của doanh nghiệp không liên quan đến vấn đề an toàn giao thông – vấn đề cốt lõi cần quản lý trong lĩnh vực vận tải hành khách bằng ô tô. Trong khi đó, hiện chưa có khảo sát hoặc bằng chứng có tính thuyết phục nào chứng minh doanh nghiệp quy mô lớn thì ít gây tai nạn hơn doanh nghiệp quy mô nhỏ, ít xe hơn.

**Tính khả thi:** Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách ở nước ta chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, quy định này buộc các doanh nghiệp này phải tăng lượng xe tối thiểu để đáp ứng. Điều này là không khả thi bởi nguồn vốn của các doanh nghiệp này không thể đáp ứng. Theo báo cáo đánh giá của Bộ (trong Tờ trình Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 86) thì chỉ có một số lượng nhỏ doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu này.

**Chi phí tuân thủ:** Chi phí tuân thủ rất lớn đối với các doanh nghiệp đã tham gia thị trường mà nay không đáp ứng điều kiện mới này.

**Cạnh tranh:** Chính sách này bên cạnh việc cản trở các chủ thể kinh doanh vốn nhỏ muốn gia nhập thị trường vận tải hành khách bằng ô tô còn “góp phần” loại bỏ khỏi thị trường rất nhiều doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ đang kinh doanh trên thị trường vì không đáp ứng được các điều kiện về quy mô doanh nghiệp nên không được tiếp tục tồn tại.

## PHẢN HỒI CỦA BỘ

Công văn số 5422/BGTVT-PC ngày 17/5/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc cung cấp thông tin thêm cho Cuộc bình chọn các quy định pháp luật:

Xuất phát từ hoạt động quản lý vận tải trong những năm qua cho thấy vấn đề quy mô của doanh nghiệp có tác động rất lớn đến trật tự an toàn giao thông, tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông. Do đó, Nghị định 86/2014/NĐ-CP đã đưa ra các quy định về quy mô để đảm bảo một thị trường vận tải lành mạnh, có khả năng đáp ứng các yêu cầu quản lý của nhà nước, đảm bảo sự vận hành an toàn trong quá trình lưu thông.

**Tính hợp lý:** qua công tác hoạt động quản lý vận tải cho thấy yếu tố quy mô góp phần nâng cao năng lực của đơn vị vận tải. Chỉ các doanh nghiệp vận tải có quy mô mới có khả năng mới có khả năng duy trì bộ phận quản lý theo dõi về an toàn, điều hành hoạt động vận tải, công tác kiểm tra an toàn kỹ thuật phương tiện trước khi đưa xe ra hoạt động, theo dõi giám sát hoạt động của phương tiện thông qua thiết bị giám sát hành trình, kiểm soát được thời gian làm việc của lái xe. Các yếu tố này đặc biệt quan trọng trong vấn đề giám sát an toàn giao thông của doanh nghiệp cũng như của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các quy định về quy mô cũng góp phần thúc đẩy chất lượng dịch vụ, đảm bảo người dân được hưởng các dịch vụ tốt hơn trong quá trình vận chuyển như: được phục vụ nước uống, có xe trung chuyển, giảm thời gian chờ đợi của hành khách. Yếu tố về quy mô cho phép doanh nghiệp đáp ứng được nhu cầu đi lại của người dân thông qua số lượng phương tiện hoạt động trên tuyến. Nếu không đưa ra các yếu tố về quy mô sẽ xảy ra trường hợp đơn vị vận tải chỉ có 1 hoặc 2 xe hoạt động trên 1 tuyến xe buýt thì không thể đáp ứng được yêu cầu về tần suất hoạt động và thời gian giãn cách tối thiểu 30 phút/chuyến và tổng số chuyến/ngày; hoặc một đơn vị vận tải tuyến Bắc – Nam chỉ có số lượng xe nhỏ sẽ không đảm bảo được việc số chuyến xe chạy/tháng, không đảm bảo phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân, đồng thời trong quá trình hoạt động nếu có sự cố thì không có phương tiện thay thế...

Hơn nữa quy định về quy mô chỉ áp dụng trong một số loại hình kinh doanh như: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định từ 300 kilômét trở lên; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; xe taxi; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh vận tải khách du lịch vận chuyển hành khách trên hành trình có cự ly từ 300 kilômét trở lên... Như vậy, có thể thấy vấn đề quy mô chỉ đặt ra đối với các đơn vị có cự ly hoạt động đường dài trên 300 km để đảm bảo các yếu tố về an toàn kỹ thuật của phương tiện, đảm bảo thời gian của lái xe theo quy định của Luật giao thông đường bộ (thời gian làm việc của người lái xe ô tô không được quá 10 giờ trong một ngày và không được lái xe liên tục quá 4 giờ) nhằm giảm thiểu các vụ tai nạn giao thông khốc liệt do các vấn đề này không được kiểm soát hoặc được kiểm soát rất yếu bởi các hộ kinh doanh cá thể.

**Chi phí tuân thủ:** kinh doanh vận tải bằng xe ô tô là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn, tính mạng của người tham gia giao thông. Việc áp dụng các điều kiện về quy mô trên hết là vì mục tiêu đảm bảo an toàn tính mạng con người. Do đó, doanh nghiệp kinh doanh vận tải muốn tham gia vào thị trường này buộc phải tuân thủ các chi phí có liên quan.

**Cạnh tranh:** quy định này nhằm mục tiêu thúc đẩy mạnh mẽ quá trình tích tụ sản xuất khuyến khích sự hình thành và phát triển của các đơn vị kinh doanh vận tải có quy mô lớn, áp dụng phương pháp quản lý hiện đại, áp dụng công nghệ tin học vào quản lý điều hành hoạt động vận tải nhằm nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp vận tải trong nước trong bối cảnh quốc tế hiện nay khi Việt Nam ký kết các hiệp định đa phương và song phương với các nước. Việc đưa ra các quy định về quy mô này làm tăng tính cạnh tranh hơn nữa của thị trường vận tải, loại bỏ các doanh nghiệp yếu kém, không đủ năng lực trong việc quản lý, giám sát an toàn giao thông.

## 24

### NỘI DUNG

**Điều kiện liên quan đến quy mô của cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.** Địa điểm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải:

- (1) Ổn định, thuộc sở hữu của chủ cơ sở hoặc có hợp đồng thuê địa điểm đặt cửa hàng hợp pháp tối thiểu là 01 năm;
- (2) Diện tích tối thiểu là 10 m<sup>2</sup>

### QUY ĐỊNH

Khoản 1, 2 Điều 33 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 08/6/2015 về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.<sup>34</sup>

### LÝ DO

**Tính thống nhất:** Theo quy định tại Luật doanh nghiệp 2005 (Luật đầu tư 2014) thì văn bản cấp bộ không được quyền quy định về điều kiện kinh doanh. Các quy định ở trên là một dạng của điều kiện kinh doanh (chứ không phải là quy định chi tiết Luật theo giải trình của Bộ) vì vậy các quy định này chưa phù hợp về mặt pháp lý; Luật bảo vệ và Kiểm dịch thực vật không áp đặt các điều kiện về tính ổn định của địa điểm kinh doanh và diện tích tối thiểu của cửa hàng. Các quy định này của Thông tư là vượt quá/trái quy định của Luật;

**Tính hợp lý:** Yêu cầu ổn định về địa điểm kinh doanh trong thời hạn 01 năm là can thiệp vào yếu tố thị trường. Bởi việc đặt địa điểm kinh doanh ở đâu, trong thời hạn bao lâu hoàn toàn tùy thuộc vào tình hình kinh doanh của doanh nghiệp cũng như những yếu tố do thị trường điều chỉnh. Việc Nhà nước yêu cầu doanh nghiệp phải kinh doanh tại một địa điểm nhất định trong thời hạn 01 năm là bất hợp lý. Hơn nữa, đứng dưới góc độ mục tiêu quản lý nhà nước, không rõ quy định này phục vụ cho mục tiêu quản lý nào?

**Chi phí tuân thủ:** Quy định này khiến doanh nghiệp phải bỏ ra chi phí để đáp ứng các điều kiện.

**Cạnh tranh:** Quy định này khiến cho một số chủ thể đáp ứng được điều kiện này và khiến thị trường bị bó hẹp trong một số chủ thể đó. Trong khi, các phân tích chỉ ra việc đặt ra điều kiện về quy mô là chưa hợp lý và chưa phù hợp.

### PHẢN HỒI CỦA BỘ

VCCI đã có công văn số 1013/PTM-PC ngày 05/5/2016 đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, với tư cách là cơ quan ban hành, cung cấp thêm thông tin về quy định này. Tuy nhiên, đến nay VCCI không nhận được công văn trả lời của Quý Bộ.

<sup>34</sup> Quy định này đã hết hiệu lực do trái với Điều 4 của Nghị định 66/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.

# 25

## **NỘI DUNG**

**Điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.** Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán không được hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của công ty trách nhiệm hữu hạn phải là kế toán viên hành nghề.

## **QUY ĐỊNH**

Khoản 1 Điều 59, Điều 60 Luật kế toán năm 2015

## **LÝ DO**

**Sự cần thiết:** Về mặt pháp lý, hình thức công ty cổ phần và hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn giống nhau về trách nhiệm với bên thứ ba, chỉ khác nhau về quyền và nghĩa vụ của cổ đông. Do đó, việc cho phép công ty TNHH mà không cho phép công ty cổ phần kinh doanh dịch vụ kế toán là không cần thiết.

Người đứng đầu doanh nghiệp có thể chỉ cần kỹ năng quản lý, khả năng tìm kiếm khách hàng, mà không nhất thiết phải giỏi chuyên môn kế toán, bởi đã có người khác trong doanh nghiệp chịu trách nhiệm về chuyên môn. Do đó, việc yêu cầu người đứng đầu doanh nghiệp phải là kế toán viên là không cần thiết.

**Quyền tự do kinh doanh:** Việc quyết định hình thức và người đứng đầu là một trong những nội dung thuộc về quyền tự quyết của doanh nghiệp, nhà nước không nên can thiệp. Doanh nghiệp sẽ tự chọn được hình thức và người đứng đầu phù hợp với nhu cầu của mình.

**Tính hợp lý:** Nhiều công ty hiện nay hoạt động tư vấn nhiều ngành nghề, trong đó có một mảng dịch vụ kế toán. Mảng dịch vụ này có kế toán viên hành nghề đủ chuyên môn để bảo đảm chất lượng dịch vụ. Việc yêu cầu về hình thức và người đứng đầu khiến những doanh nghiệp như thế này không thể cung cấp dịch vụ kế toán, gây cản trở một cách không cần thiết đến thị trường.

## **PHẢN HỒI CỦA BỘ**

**(i) Sự cần thiết về việc quy định doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán không được hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần xuất phát từ một số lý do sau đây:**

Luật đầu tư năm 2014 quy định kinh doanh dịch vụ kế toán là một trong những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện vì vậy không phải mọi loại hình doanh nghiệp đều được cung cấp dịch vụ này. Quy định này của Luật kế toán tương tự một số lĩnh vực như hành nghề luật sư, dịch vụ công chứng, kiểm toán độc lập.

Kinh nghiệm quốc tế của Mỹ, Anh, Singapore, Malaysia... cũng không cho phép tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán được thành lập và hoạt động dưới hình thức là công ty cổ phần.

Khoản 1 Điều 41 Nghị định số 129/2004/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật kế toán trong hoạt động kinh doanh quy định doanh nghiệp dịch vụ kế toán được thành lập và hoạt động theo một trong 3 hình thức là công ty TNHH, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân. Do đó, đây là quy định kế thừa từ pháp luật hiện hành, không phải là quy định mới của Luật kế toán 2015.

**(ii) Việc quy định người đứng đầu phải là kế toán viên là không cần thiết; vi phạm quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp trong việc quyết định lựa chọn người đứng đầu phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và không hợp lý trong trường hợp đối với mô hình công ty tư vấn hoạt động nhiều lĩnh vực trong đó có tư vấn về dịch vụ kế toán.**

Quy định này xuất phát từ những lý do như sau:

- Thực tế cho thấy, đa số các ngành kinh doanh có điều kiện đều yêu cầu người đại diện theo pháp luật phải là người có chứng chỉ hành nghề, cụ thể:

- Đối với hành nghề thẩm định giá: Điều 39 Luật giá quy định một trong các điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá cho doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thẩm định giá là người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp;
- Đối với dịch vụ kiểm toán độc lập: Điều 21 Luật kiểm toán độc lập quy định một trong các điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán là người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp phải là kiểm toán viên hành nghề;
- Đối với hành nghề công chứng: Tại Khoản 2 Điều 22 Luật công chứng quy định người đại diện theo pháp luật của văn phòng công chứng là trưởng văn phòng và trưởng văn phòng công chứng phải là công chứng viên hợp danh của văn phòng công chứng và đã hành nghề công chứng từ 02 năm trở lên.

- Đối với hành nghề luật sư: Điều 34 Luật luật sư quy định thành viên của công ty luật phải là luật sư và đối với công ty TNHH 2 thành viên trở lên thì các thành viên phải cử 1 người làm giám đốc.

- Đây cũng là quy định cụ thể trên cơ sở kế thừa từ pháp luật hiện hành (Khoản 4 Điều 41 Nghị định 129/2004/NĐ-CP cũng quy định trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp dịch vụ kế toán phải đảm bảo có ít nhất 1 người quản lý doanh nghiệp là kế toán viên hành nghề).

- Kinh nghiệm quốc tế tại một số quốc gia như Anh, Singapore... cũng cho thấy người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán phải là kế toán viên hành nghề.

Xuất phát từ những phân tích nêu trên có thể thấy, việc quy định doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán không được hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần hay người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của công ty TNHH dịch vụ kế toán phải là kế toán viên hành nghề cũng tương tự như một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện khác ở trong nước.

Hơn nữa, nhằm tiến tới quy định của Việt Nam trong việc quản lý đối với một số ngành nghề kinh doanh đặc thù trong đó có dịch vụ kế toán tiếp cận dần với thông lệ quốc tế, hội nhập với quốc tế thì các quy định của Luật kế toán năm 2015 nêu trên hoàn toàn cần thiết và phù hợp.

## 26

### NỘI DUNG

**Doanh nghiệp phải đóng tài chính cho công đoàn bằng 2% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động.**

### QUY ĐỊNH

Khoản 2 Điều 26 Luật công đoàn năm 2012

### LÝ DO

**Tính hợp lý:** Công đoàn là tổ chức đại diện cho quyền lợi của người lao động - là một bên đối trọng với người sử dụng lao động. Yêu cầu doanh nghiệp đóng tài chính để đảm bảo tài chính hoạt động của công đoàn là chưa phù hợp với vai trò, tính chất của công đoàn.

**Chi phí tuân thủ:** Đóng 2% phí công đoàn trên tổng quỹ lương là mức đóng rất cao, nhất là đối với các doanh nghiệp có số lượng người lao động lớn, chi phí tiền lương trong tổng chi phí cao. Đặc biệt trong bối cảnh mức lương tối thiểu tăng nhanh, các khoản đóng bảo hiểm xã hội và các phí khác ở mức cao tổng thời gian gần đây. Điều này đang gây khó khăn lớn cho doanh nghiệp trong hoạt động.

### PHẢN HỒI CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO

**Công văn số 710/TLĐ ngày 16/5/2016 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc phúc đáp công văn số 1013/PTM-PC của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam:**

Xuất phát từ vai trò, vị trí của Tổ chức Công đoàn trong hệ thống chính trị, trong sự nghiệp phát triển kinh tế và đời sống xã hội Đảng và Nhà nước đã quan tâm xây dựng và ban hành nhiều Nghị quyết, chính sách, pháp luật liên quan đến cơ chế bảo đảm các điều kiện cần thiết cho Công đoàn hoạt động, trong đó Luật Công đoàn năm 1957, Luật công đoàn năm 1990 và Nghị quyết số 20/NQ-BCHTW của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa X) về “Tiếp tục xây dựng Giai cấp công nhân thời kỳ đẩy mạnh Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước” đã quy định về tài chính Công đoàn cơ sở tạo pháp lý quan trọng cho tổ chức Công đoàn hoạt động hiệu quả gần 55 năm qua.

Kế thừa Luật công đoàn năm 1957, Luật công đoàn năm 1990 và thực hiện Nghị quyết số 20/NQ-BCHTW, ngày 20/6/2012 Quốc hội đã thông qua Luật công đoàn năm 2012 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2013.

Ngay sau khi Luật công đoàn năm 2012 có hiệu lực, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 191/2013/NĐ-CP quy định chi tiết về Tài chính Công đoàn. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã ban hành các quy định về phân cấp thu, phân phối, sử dụng và quản lý nguồn thu Tài chính Công đoàn.

Có thể khẳng định Luật công đoàn năm 1957, Luật công đoàn 1990, Luật công đoàn năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành đều có quy định về kinh phí Công đoàn và quy định đã đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả tạo điều kiện cho Tổ chức Công đoàn chăm lo tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và

tiến bộ trong doanh nghiệp, góp phần thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Tổ chức Công đoàn theo quy định của Hiến pháp và thực hiện nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước giao.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam không đồng tình với việc tổ chức cuộc bình chọn trên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, nhất là việc bình chọn những quy định không tốt đối với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam – Một tổ chức chính trị, xã hội của giai cấp công nhân và những người lao động.

Việc bình chọn này đã phù hợp một quy định tốt cho người lao động mà gần 55 năm qua Đảng, Nhà nước, Quốc hội đã quan tâm chăm lo cho người lao động và Tổ chức Công đoàn.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đề nghị Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam dừng việc làm trên, nhất là trong khi Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đang xây dựng Đề án trình Ban Chấp hành Trung ương và hoạt động của Công đoàn Việt Nam khi Việt Nam phê chuẩn và thực thi Hiệp định Đối tác xuyên Thái bình dương (TPP).

# 27

## NỘI DUNG

**Điều kiện được thiết lập mạng xã hội.** Để thiết lập mạng xã hội ở Việt Nam, doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau: Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin:

(1) Tốt nghiệp đại học hoặc tương đương trở lên. Đối với người nước ngoài thì phải có địa chỉ tạm trú ít nhất là 6 tháng tại Việt Nam.

(2) Thành lập bộ phận quản lý nội dung thông tin.

(3) Bộ phận quản lý kỹ thuật tối thiểu có 01 người đáp ứng mô đun kỹ năng 13, 14<sup>35</sup>.

Điều kiện về tài chính, kỹ thuật:

(1) Có phương án tài chính bảo đảm thiết lập hệ thống thiết bị kỹ thuật để duy trì hoạt động trong thời gian giấy phép có hiệu lực.

(2) Hệ thống thiết bị kỹ thuật phải đáp ứng một số yêu cầu như: lưu trữ tối thiểu 02 năm đối với các thông tin về tài khoản, thời gian đăng nhận, đăng xuất, địa chỉ IP của người sử dụng và nhật ký xử lý thông tin được đăng tải; có ít nhất 01 hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam; Điều kiện về quản lý thông tin và tên miền.

## QUY ĐỊNH

Điều 3, 4, 5 Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 19/8/2014 quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội

## LÝ DO

**Quyền tự do kinh doanh:** Các điều kiện để được thiết lập mạng xã hội như: bộ phận quản lý nội dung thông tin, bộ phận quản lý kỹ thuật, phương án tài chính... là những điều kiện liên quan đến tính hiệu quả của hoạt động doanh nghiệp, ít có tác động đến các lợi ích công cộng. Do đó, Nhà nước không cần can thiệp vào vấn đề này.

**Tính hợp lý:** Trong xã hội công nghệ hiện tại, hầu hết trang web, ứng dụng điện thoại, máy tính và các mô hình startup đều được coi là Mạng xã hội (theo định nghĩa của pháp luật Việt Nam). Việc đưa ra quá nhiều yêu cầu, điều kiện khó khăn để được cấp phép kinh doanh mạng xã hội là rào cản chính sách đối với các startups trẻ và doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghệ ở Việt Nam.

**Tính khả thi:** Môi trường mạng hiện nay không có biên giới lãnh thổ. Cơ quan nhà nước không có biện pháp phù hợp để xử lý các trường hợp vi phạm quy định này. Nhiều trường hợp doanh nhân Việt Nam đã phải sang nước ngoài mở doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ mạng xã hội cho khách hàng là người Việt Nam.

**Cạnh tranh:** Việc quản lý mạng xã hội thông qua công cụ giấy phép chỉ tác động đến các doanh nghiệp trong nước, còn các mạng xã hội của nước ngoài thì không quản lý được. Điều này vô hình trung là sự bảo hộ đối với doanh nghiệp nước ngoài, chống lại doanh nghiệp Việt Nam.

<sup>35</sup> Điểm g, h khoản 2 Điều 2 Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

## PHẢN HỒI CỦA BỘ

Công văn số 1719/BT-TT-PC của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 26/05/2016 về việc cung cấp thông tin thêm cho Cuộc bình chọn các quy định pháp luật:

### 1. Về tính hợp lý của các quy định:

Theo quy định Khoản 22 Điều 3, Nghị định 72/2013/NĐ-CP quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng (Nghị định số 72/2013/NĐ-CP), thì mạng xã hội là “hệ thống thông tin cung cấp cho cộng đồng người sử dụng mạng các dịch vụ lưu trữ, cung cấp, sử dụng, tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin với nhau, bao gồm dịch vụ tạo trang thông tin điện tử cá nhân, diễn đàn (forum), trò chuyện (chat) trực tuyến, chia sẻ âm thanh, hình ảnh và các hình thức dịch vụ tương tự khác.” Nếu chỉ căn cứ theo định nghĩa về mạng xã hội tại Nghị định số 72/2013/NĐ-CP thì đúng là hiện nay có nhiều trang web, ứng dụng trên điện thoại có cung cấp dịch vụ mạng xã hội vì có cho phép người sử dụng dịch vụ chia sẻ, trao đổi thông tin, hỏi đáp về dịch vụ, sản phẩm có liên quan, vì vậy nếu tất cả các trường hợp này đều phải cấp giấy phép theo các điều kiện quy định tại Nghị định 72/2013/NĐ-CP và Thông tư 09/2014/TT-BTTTT ngày 19/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội (Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT), thì số lượng trang web và ứng dụng phải xin cấp phép rất nhiều, gây khó khăn cho các doanh nghiệp không nhằm mục đích cung cấp dịch vụ mạng xã hội chuyên biệt.

Chính vì vậy, tại Điều 2, Thông tư 09/2014/TT-BTTTT, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có hướng dẫn cụ thể những trang web tích hợp cả mạng xã hội nhưng không cần phải xin cấp phép là những trường hợp “Diễn đàn nội bộ dành cho hoạt động trao đổi, hỏi đáp thông tin nội bộ liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, dịch vụ, sản phẩm, ngành nghề phục vụ cho hoạt động của chính cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đó.” Như vậy với quy định loại trừ nêu trên, rất nhiều trang web, ứng dụng có tích hợp mạng xã hội đã không thuộc diện phải xin phép. Ví dụ như: Diễn đàn nội bộ của các cơ quan, tổ chức, trường học nhằm trao đổi, chia sẻ thông tin chuyên môn; diễn đàn phục vụ cho game thủ của các công ty phát hành game, mục hỏi, đáp tư vấn về dịch vụ, sản phẩm trên trang web của các doanh nghiệp.

Đây là quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tích hợp mạng xã hội nhưng không nhằm mục đích cung cấp dịch vụ mạng xã hội chuyên biệt. Thực tế số lượng các doanh nghiệp được loại trừ không phải cấp phép là khá nhiều, có tỷ lệ nhiều hơn rất nhiều trường hợp phải cấp phép theo quy định tại Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Thông tư 09/2014/TT-BTTTT chỉ áp dụng với những trường hợp cung cấp dịch vụ mạng xã hội chuyên biệt và việc phải đáp ứng các điều kiện về nhân sự, kỹ thuật theo quy định vì các lý do sau:

- Khó kiểm soát các thông tin đưa lên mạng xã hội: Các thành viên của mạng xã hội đều có quyền đưa, chia sẻ tin, bài, ý kiến của mình và của những người khác trên mạng xã hội mà không bị kiểm duyệt trước. Trong khi đó các thành viên mạng xã hội ngày càng tăng, sau một năm hoạt động có thể tăng gấp 5-10 lần thời điểm mới hoạt động. Nhiều mạng xã hội có lượng thành viên rất đông như Zingme: thành viên đăng ký khoảng 100 triệu, truy cập trung bình theo tháng: 5 triệu; truy cập cao điểm 3 triệu thành viên/ngày; Otofun: thành viên đăng ký 300 nghìn; truy cập trung bình tháng 65 nghìn; truy cập cao điểm 6 nghìn thành viên/ngày; Zalo: thành viên đăng ký 51 triệu, truy cập cao điểm 35 nghìn thành viên/ngày; Tamtay.vn có thành viên đăng ký 1,7 triệu; truy cập trung bình theo tháng 400 nghìn; truy cập cao điểm 500 nghìn thành viên/ngày. Hầu hết các diễn đàn hiện nay đều kiểm duyệt theo chế độ hậu kiểm, có sử dụng bộ lọc từ xấu tự động (tuy nhiên hiệu quả không cao vì chỉ lọc từng từ chứ không lọc được cả câu theo ngữ cảnh), khi nội dung đưa lên, quản trị diễn đàn mới rà soát, nếu phát hiện hoặc nhận được cảnh báo thông tin vi phạm thì bài đó mới bị xóa.

- Phạm vi trao đổi thông tin trên mạng xã hội thường không hạn chế, đa lĩnh vực có nhiều mạng xã hội dù mục đích ban đầu là lĩnh vực hạn hẹp nhưng sau quá trình phát triển, khi thành viên đông lên thì lĩnh vực trao đổi cũng rất rộng, như: kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục... Mỗi lĩnh vực này trong thực tế luôn có những vấn đề phát sinh, bất cập mà nhiều người dân muốn thể hiện, bày tỏ, chia sẻ quan điểm cá nhân. Vì vậy, để quản lý được những mạng xã hội có nhiều lĩnh vực thì nhân sự quản trị diễn đàn cần có nền tảng kiến thức, văn hóa, nhận thức ở mức độ nhất định để đánh giá, thẩm định hàng trăm bài viết đến hàng nghìn bài viết mỗi ngày, nhất là những vấn đề nhạy cảm, những vấn đề nóng dư luận đang quan tâm như vấn đề cá chết ở các tỉnh miền Trung trong thời gian vừa qua hay những vấn đề liên quan đến văn hóa, đạo đức xã hội. Vì vậy, nếu nhân sự quản lý, quản trị diễn đàn không đủ về số lượng và năng lực trình độ thì sẽ không thể đánh giá, kiểm soát hết nội dung của hàng nghìn các bài viết đưa lên mỗi ngày và chắc chắn việc để lọt, để tồn tại các bài viết vi phạm quy định Điều cấm của Nghị định 72/2013/NĐ-CP là không tránh khỏi. Trong một số trường hợp dù có bị xử phạt hành chính (kể cả ở mức cao nhất là thu hồi giấy phép) thì ảnh hưởng tiêu cực của thông tin vi phạm cũng đã tác động lâu dài đến cộng đồng xã hội. Nhận thức đây là loại hình dịch vụ cần phải kiểm soát tốt, trong 5 năm vừa qua, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức định kỳ hàng năm giao ban với các tổ chức, đơn vị cung cấp mạng xã hội có số lượng người truy cập lớn để định hướng, yêu cầu phối hợp kịp thời và hiệu quả.

### 2. Quyền tự do kinh doanh:

Về nguyên tắc, các doanh nghiệp khi kinh doanh dịch vụ đều phải tự xây dựng cho mình mô hình tổ chức phù hợp để đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Tuy nhiên với loại hình dịch vụ đặc thù như mạng xã hội thì việc đặt ra các điều kiện về nhân sự, kỹ thuật nhằm bảo đảm dịch vụ không xâm hại đến lợi ích chung của cộng đồng là cần thiết. Thông tin trên mạng xã hội có sức lan tỏa và có tác động nhất định đến sự ổn định nền kinh tế, chính trị, xã hội của mỗi quốc gia. Ở một góc độ nào đó, thông tin trên các mạng xã hội lớn, dù không phải là các cơ quan truyền thông chính thống nhưng có tác động cao nhất định đến dư luận xã hội. Với những công ty ý thức rõ được trách nhiệm thì họ sẽ phải đầu tư, bổ sung nhân sự, kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu quản lý. Tuy nhiên, cũng có nhiều doanh nghiệp chỉ quan tâm đơn thuần đến mục tiêu kinh doanh, tìm cách phát triển khách hàng, mở rộng quy mô nên dễ rơi vào trách nhiệm quản lý thông tin (vì sẽ phải đầu tư nhiều mà thường sẽ không phát sinh doanh thu ngay) nên dễ để xảy ra sai phạm. Vì vậy việc đặt ra các điều kiện tối thiểu như vậy về nhân sự, kỹ thuật sẽ giúp các doanh nghiệp khi cung cấp dịch vụ này ý thức hơn về trách nhiệm của mình đối với xã hội.

3. *Tính khả thi:*

Sau 1,5 năm triển khai quy định tại Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT, đến nay, Bộ Thông tin và Truyền thông đã cấp 160 giấy phép hoạt động mạng xã hội. Điều đó cho thấy số lượng các doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện cấp phép là khá nhiều. Ngoài ra, Bộ cũng hướng dẫn, trả lời (bằng văn bản qua email, bằng điện thoại) hàng chục trường hợp không thuộc diện phải cấp phép để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp được hoạt động theo quy định của pháp luật. Trường hợp đưa pháp nhân ra nước ngoài thành lập doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ mạng xã hội cho người sử dụng tại Việt Nam vì ngoài nguyên nhân không muốn xin cấp phép thì cũng cần lưu ý đến nguyên nhân có thể khác như muốn trốn tránh các trách nhiệm, nghĩa vụ của một doanh nghiệp Việt Nam, ví dụ không muốn mạng xã hội bị kiểm soát, có thể thoải mái cho thành viên đăng bài mà không bị hạn chế bởi các quy định cấm của Việt Nam. Những trường hợp này nếu có thì cũng rất cá biệt.

4. *Sự cạnh tranh:*

Để hạn chế sự bất bình đẳng giữa doanh nghiệp trong và ngoài nước, Bộ Thông tin và Truyền thông đang tiến hành xây dựng Thông tư quản lý hoạt động cung cấp thông tin công cộng xuyên biên giới, trong đó sẽ quy định những trách nhiệm nhất định đối với các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp thông tin tại Việt Nam. Đồng thời, sau 3 năm triển khai thực hiện Nghị định số 72/2013/NĐ-CP, Bộ cũng đang tiến hành rà soát những quy định chưa phù hợp với thực tiễn để có đánh giá, tổng kết và kiến nghị Chính phủ cho phép sửa đổi, bổ sung Nghị định số 72/2013/NĐ-CP. Đây cũng là Nghị định khi mới ban hành đã bị một số tổ chức quốc tế về nhân quyền đặc biệt quan tâm, đấu tranh với lý do một số quy định sẽ làm hạn chế quyền tự do ngôn luận trên Internet của cá nhân, cũng như lo ngại ảnh hưởng đến lợi ích kinh doanh của một số doanh nghiệp nước ngoài đang cung cấp dịch vụ xuyên biên giới tại Việt Nam.

# 28

**NỘI DUNG**

**Không được đặt tên doanh nghiệp trùng với tên danh nhân<sup>36</sup>.** Doanh nghiệp không được sử dụng tên trùng tên danh nhân, nhưng Thông tư lại không quy định về danh sách các danh nhân.

**QUY ĐỊNH**

Điều 2 Thông tư 10/2014/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ngày 01/10/2014 hướng dẫn đặt tên doanh nghiệp phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc<sup>37</sup>

**LÝ DO**

**Sự cần thiết:** Không cần thiết do việc tên doanh nghiệp trùng với tên danh nhân không gây tác động xấu đến xã hội. Thực tế cho thấy có nhiều tên doanh nghiệp trước đây trùng với tên danh nhân mà không có tác động tiêu cực nào: Ví dụ như Cơ khí Quang Trung.

**Tính thống nhất:** Không thống nhất với khoản 3 Điều 32 của Luật doanh nghiệp 2005 vốn chỉ cấm đặt tên doanh nghiệp mà sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

**Tính minh bạch:** Không có danh sách danh nhân mà doanh nghiệp không thể đặt tên nên gây khó khăn cho quá trình thực hiện

**Nguy cơ những nhiễu:** Quy định này tạo ra nguy cơ những nhiễu bởi cán bộ đăng ký kinh doanh có thể diễn giải tùy tiện thế nào là tên danh nhân

**Tính khả thi:** Tính khả thi của quy định này thấp do các cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ không đủ năng lực để xác định đâu là tên danh nhân.

**Chi phí tuân thủ:** Nếu tên doanh nghiệp dự kiến trùng với tên danh nhân thì doanh nghiệp sẽ phải làm lại thủ tục hành chính, gây mất thời gian và tốn kém không cần thiết.

**Thời điểm ban hành, có hiệu lực:** Nghị định 43/2010/NĐ-CP có hiệu lực từ năm 2010 nhưng đến năm 2014 mới ban hành Thông tư hướng dẫn. Việc ban hành chậm gây khó khăn trong thực thi.

<sup>36</sup> <http://www.baobinhphuoc.com.vn/Content/quy-dinh-ve-dat-ten-doanh-nghiep-va-nhung-bat-cap-42681>  
<http://www.tienphong.vn/Kinh-Te/cam-lay-ten-danh-nhan-dat-ten-doanh-nghiep-kho-kha-thi-783575.tpo>

<sup>37</sup> Quy định này đã hết hiệu lực từ ngày 30/8/2016 theo Thông tư số 05/2016/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ngày 29/6/2016 về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

## **PHẢN HỒI CỦA BỘ**

Công văn số 1677/BVHTTDL-PC ngày 10/5/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc cung cấp thông tin thêm cho Cuộc bình chọn các quy định pháp luật:

Thông tư số 10/2014/TT-BVHTTDL được ban hành trên cơ sở Nghị định số 43/2010/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về đặt tên doanh nghiệp không vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc và việc sử dụng tên danh nhân trong đặt tên doanh nghiệp (Điều 12). Kể từ khi Luật doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP của Chính phủ đã hết hiệu lực (được thay thế bởi Nghị định số 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp). Nghị định số 78/2015/NĐ-CP không giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thi hành. Do các căn cứ pháp lý của Thông tư số 10/2014/TT-BVHTTDL đã hết hiệu lực, Thông tư này đã hết hiệu lực thi hành. Hiện nay Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang chuẩn bị (dự kiến vào tháng 6/2016) ban hành Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong đó có Thông tư 10/2014/TT-BVHTTDL.

# 29

## **NỘI DUNG**

**Quản lý đối với hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh buôn chuyển.** Hộ kinh doanh buôn chuyển, kinh doanh lưu động được phép kinh doanh ngoài địa điểm đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhưng phải thông báo với cơ quan thuế, cơ quan quản lý thị trường nơi đăng ký trụ sở và nơi tiến hành hoạt động kinh doanh.

## **QUY ĐỊNH**

Điều 72 Nghị định 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/9/2015 về đăng ký doanh nghiệp

## **LÝ DO**

**Sự cần thiết:** Không rõ mục tiêu chính sách của quy định này vì các hộ kinh doanh đã phải nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ khác tại cơ quan có thẩm quyền nơi đăng ký kinh doanh rồi.

**Chi phí tuân thủ:** Đặc thù của loại kinh doanh này là tính lưu động, không cố định, và do đó thủ tục thông báo này sẽ tạo ra rất nhiều thủ tục, gây phiền hà cho các hộ kinh doanh.

**Tính khả thi:** Liệu cơ quan có thẩm quyền có giám sát được việc các hộ kinh doanh lưu động, buôn chuyển đi tới những đâu không để xử lý trường hợp không thông báo?

## **PHẢN HỒI CỦA CÁC BỘ, NGÀNH**

Công văn số 4211/BKHĐT-PTDN của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 01/6/2016 về việc cung cấp thông tin thêm cho Cuộc bình chọn các quy định pháp luật:

*Về sự cần thiết:* Quy định trên về hộ kinh doanh nhằm đảm bảo một số mục đích như sau:

- Thứ nhất tạo điều kiện để hộ kinh doanh phát huy tính linh động – một đặc điểm lợi thế của mô hình kinh doanh này.
- Thứ hai, đảm bảo chức năng quản lý tổng thể, toàn diện của nhà nước. Khoản 1 Điều 66 Nghị định 78/2015/NĐ-CP quy định về hộ kinh doanh như sau: “Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc một nhóm người gồm các cá nhân là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng dưới 10 lao động và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh”. Như vậy, đối với trường hợp ngoại lệ như hộ kinh doanh buôn chuyển, kinh doanh lưu động thì khi được phép kinh doanh ngoài địa điểm đã đăng ký sẽ phải có nghĩa vụ thông báo với cơ quan thuế, cơ quan quản lý thị trường nơi tiến hành hoạt động kinh doanh. Quy định này có vai trò giúp công tác quản lý, thu thập thông tin, số liệu đối với đối tượng hộ kinh doanh buôn chuyển, kinh doanh lưu động của cơ quan nhà nước được phản ánh chính xác, đồng thời, phục vụ cho việc theo dõi, giám sát, đảm bảo tính trật tự, an toàn của môi trường kinh doanh trên địa bàn.

*Về chi phí tuân thủ:* Việc thực hiện thủ tục thông báo với cơ quan thuế và cơ quan quản lý thị trường không mất nhiều thời gian của hộ kinh doanh. Hơn nữa, luật pháp được tạo ra nhằm mục đích quản lý, đảm bảo trật tự, an toàn, an toàn của nền kinh tế, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các thực thể tham gia; để cao tinh thần tuân thủ pháp luật và chấp nhận những chi phí tuân thủ khi cần thiết.

**Về tính khả thi:** Đối với bất cứ quy định pháp lý nào thì hiệu quả áp dụng cũng phụ thuộc phần lớn vào tinh thần tuân thủ của đối tượng, việc giám sát của cơ quan quản lý nhà nước không thể phát hiện hết tất cả các trường hợp vi phạm và quy định xử phạt của cơ quan quản lý nhà nước cũng chỉ là một cách để răn đe, nâng cao ý thức tuân thủ của các hộ kinh doanh. Do vậy, để đạt hiệu quả áp dụng cao thì bên cạnh sự giám sát của cơ quan chức năng, cần có sự nâng cao nhận thức của hộ kinh doanh trong việc thực thi quy định này.

# 30

## **NỘI DUNG**

**Thời gian làm thêm giờ không quá 200 giờ/năm.** Số giờ làm thêm của người lao động không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày, trường hợp áp dụng quy định làm việc theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày; không quá 30 giờ trong 01 tháng và tổng số không quá 200 giờ trong 01 năm, trừ một số trường hợp đặc biệt do Chính phủ quy định thì được làm thêm giờ không quá 300 giờ trong 01 năm.

## **QUY ĐỊNH**

Điều 106, Bộ luật lao động

## **LÝ DO**

**Quyền tự do kinh doanh:** Số giờ làm thêm cụ thể trong một ngày nên để hai bên tự do thỏa thuận, tùy thuộc vào nhu cầu công việc. Nhà nước nên đặt giới hạn tối đa về giờ làm thêm trong một tháng hoặc một năm, còn cần đối số giờ làm thêm như thế nào trong ngày nên để cho người lao động và người sử dụng lao động thống nhất.

**Tính hợp lý:** Trong nhiều trường hợp, doanh nghiệp nhận được đơn hàng lớn, cần huy động người lao động làm thêm giờ trong một khoảng thời gian thì yêu cầu về thời gian tối đa số giờ làm thêm trong 1 ngày là cản trở đáng kể cho hoạt động của doanh nghiệp. Hơn nữa, nhiều trường hợp người lao động chủ động muốn làm thêm giờ do họ được hưởng lương cao hơn, có thể được công ty trả tiền bữa ăn tối. Nhiều quốc gia khác cho phép giờ làm thêm cao hơn: Trung Quốc 600 giờ/năm, Nhật Bản 720 giờ/năm, Malaysia 104 giờ/tháng.

**Chi phí tuân thủ:** Chi phí xã hội để tuân thủ quy định này rất lớn, chủ sử dụng lao động phải thuê thêm công nhân, đi kèm với đó là rất nhiều chi phí về đào tạo, bảo hộ, phúc lợi, bảo hiểm... Người lao động có thời gian thừa, rảnh rỗi mà không được phép tận dụng để lao động kiếm thêm thu nhập.

## **PHẢN HỒI CỦA BỘ**

Công văn số 1733/LĐTĐXH-PC ngày 19/5/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc cung cấp thông tin chọn các quy định pháp luật:

Xu hướng giảm giờ làm là xu hướng tiến bộ của loài người trên cơ sở sự phát triển của lực lượng sản xuất, đảm bảo tăng năng suất lao động, phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp nhưng duy trì được sức khỏe, khả năng tái tạo sức lao động cũng như có thời gian chăm sóc sức khỏe gia đình và các điều kiện xã hội của người lao động. Tuy nhiên, trong điều kiện của Việt Nam hiện nay, xuất phát điểm thấp, năng suất lao động chưa cao và qua điều tra, khảo sát thực tiễn của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Ủy ban các Vấn đề xã hội của Quốc hội khoá 13, nhiều doanh nghiệp đề xuất mở rộng thời giờ làm thêm cho phù hợp. Vì vậy, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội sẽ tiếp tục nghiên cứu, phân tích trên cơ sở yêu cầu phát triển bền vững của doanh nghiệp cũng như đảm bảo sức khỏe, sự phát triển về thể chất, tinh thần của người lao động Việt Nam hiện nay và mai sau để đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành quy định cho phù hợp.

**BÁO CÁO TỔNG HỢP**  
**CUỘC BÌNH CHỌN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT NĂM 2016**  
Những bài học kinh nghiệm cho hoạt động xây dựng pháp luật

---

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**

Giám đốc - Tổng Biên tập: Nguyễn Minh Huệ  
Biên tập: Lương Thị Ngọc Bích  
Chế bản và trình bày: Thái Dũng

**NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG**

Trụ sở: 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội  
Điện thoại: (04) 3934 1562  
Fax: (04) 3824 2551  
Website: <http://nhaxuatbanconghuong.com>  
Email: [nxbct@moit.gov.vn](mailto:nxbct@moit.gov.vn)

In 1400 cuốn, khổ 19 x 28 cm tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thanh Tú.  
Địa chỉ: Số 31/88, ngõ Thịnh Quang, P. Vinh Hồ, P. Thịnh Quang, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.  
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 493 - 2017/CXBIPH/01 - 15/CT.  
Số Quyết định xuất bản: 02/QĐ-NXBCT cấp ngày 24 tháng 02 năm 2017.  
In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2017.  
Mã số ISBN: 978-604-931-268-7.

Báo cáo được thực hiện với sự hỗ trợ của





PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Ban Pháp chế

Địa chỉ: Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3577 0632 | Fax: (04) 3577 1459

E-mail: [xdphapluat@vcci.com.vn](mailto:xdphapluat@vcci.com.vn) / [xdphapluat.vcci@gmail.com](mailto:xdphapluat.vcci@gmail.com)

Website: [www.vcci.com.vn](http://www.vcci.com.vn) / [www.vibonline.com.vn](http://www.vibonline.com.vn)

Facebook: <https://facebook.com/binhchonquydingh>